

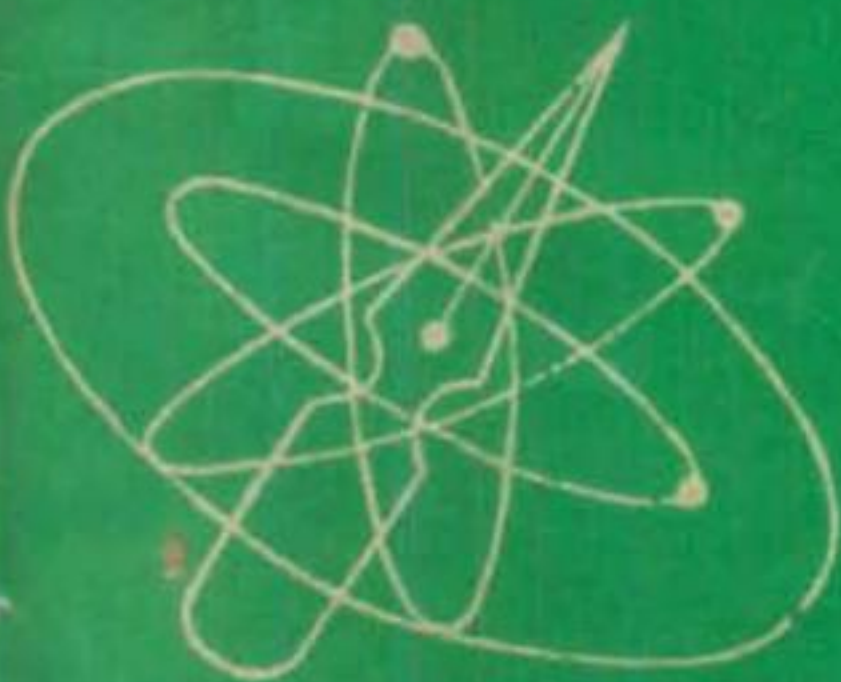
NĂM THỨ 7 – NGÀY 1-11-1963

BACH KHOA

trong số này

VIỆT ANH vấn đề hoa kiều ở Đông Nam Á •
NGUYỄN PHƯƠNG những môn trạ lực cho Sử
học • ĐOÀN THỀM thể tính • TRIỀU SAO ĐẠI
dòng sông Hồng • HOÀI HƯƠNG thư biên — dóm
sáng • TƯỜNG LINH rừng • TRẦN ĐẠI cao
nguyên — thư — và đời sống • TÂN PHONG từ thi
dua hòa bình đến sống chung hòa bình • NGUYỄN
VĂN THƯ đọc bản dịch "nhân sinh quan của Trang
Tử" • TRẦN VĂN KHÊ tài liệu về âm nhạc cổ
truyền trình bày trên làn sóng điện • Y UYÊN thiếu
đất • LƯƠNG NGỌC con quý trong hầm • LÊ
THÙY LAM nỗi sầu của mẹ • DẠ THẢO lời
cầu nguyện • NGUYỄN NHO SA MẠC bài
ca du mục • MINH KỶ — HUỲNH ANH trả
lời cuộc phỏng vấn âm
nhạc • THÁI TUẤN cuộc
triển lãm họa phẩm của Esso •

164



Ngài có biết chăng ?

TRONG QUẢ CAM CŨNG NHƯ QUẢ CHANH, QUẢ QUÍT HAY QUẢ BƯỞI, LỚP VỎ NGOÀI KHÔNG BAO GIỜ ĐỤNG ĐẾN LỚP THỊT CỦA CÁC MŨI BÊN TRONG. LỚP VỎ VÀ LỚP THỊT CỦA CÁC MŨI ĐƯỢC PHÂN CÁCH RIÊNG BIỆT BỞI MỘT LỚP DA TRẮNG CÓ TÁC DỤNG GÌN GIỮ VỊ THƠM CỦA LỚP VỎ KHÔNG ĐỀ CHẤT CHUA CỦA LỚP THỊT LAN VÀO.

NHỜ LỚP DA TRẮNG NÀY MÀ VỎ CŨNG NHƯ THỊT ĐỀU TƯƠI TỐT MÃI, KHÔNG SỢ HƯ THUI.

VERIGOUD CŨNG SẮP XẾP MỘT CÁCH TRẬT TỰ NHƯ TẠO HÓA ĐÃ LÀM, NÊN CHẤT THƠM CỦA LỚP VỎ BÊN NGOÀI ĐƯỢC PHA CHUNG VỚI NƯỚC ĐƯỜNG VÀ CHUA RIÊNG BIỆT (BÊN DƯỚI CHAI) TRONG KHI CHẤT CHUA (PHẦN TRÊN) ĐƯỢC NGĂN CÁCH BỞI MỘT CHIẾC NÚT KHÔNG THÂM NƯỚC, LÀM THÈ ĐỀ TRÁNH MỌI SỰ HƯ THUI.

ĐÓ LÀ BÍ QUYẾT VÉ PHÂM CHẤT CỦA NƯỚC TRÁI CÂY NGUYÊN CHẤT VERIGOUD MÀ KHI DÙNG NÓ, NGÀI CÓ THỂ PHA MỘT LY NƯỚC CHANH HOẶC NƯỚC CAM NGON LÀNH NHƯ ĐÃ PHA BẰNG TRÁI CÂY VỪA MỚI HÁI.

VERIGOUD có đặt bán tại các hiệu buôn đúng đắn với giá mỗi chai chỉ có 73\$

BÁCH KHOA trong số này

Số 164 ngày 1-11-63

VIỆT-ANH vấn đề hoa kiều ở Đông-Nam-Á	3
NGUYỄN-PHƯƠNG những môn trợ lực cho sử học	11
ĐOÀN-THÊM thể lính	21
TRIỀU-SAO-DẠY dòng sông Hồng tình yêu và tuổi trẻ (thơ)	32
HOÀI-HƯƠNG thư biên đóm sáng (thơ)	33
UÔNG-LINH rừng (thơ)	33
TRẦN-ĐẠI cao nguyên — thu — và đời sống (thơ)	34
ÂN-PHONG từ thi đua hòa bình đến sống chung hòa bình	35
NGUYỄN-VĂN-THƯ đọc bản dịch « Nhân sinh quan của Trang-Tử »	49
TRẦN-VĂN-KHÊ về cách trình bày trên làn sóng điện âm nhạc cổ truyền dân ca và cổ nhạc (Nguyễn-Hữu-Ngư dịch)	55
-UYÊN thiếu đất (truyện ngắn)	61
Ê-THÙY-LAM nỗi sầu của mẹ (thơ)	75
ƯƠNG-NGỌC dịch (Maurois André) con quỷ trong hầm	79
ĐA-THẢO lời cầu nguyện (thơ)	89
NGUYỄN-NHO-SA-MẠC lời ca du mục (thơ)	90
HẢI-TUẤN xem triển lãm họa phẩm Esso	92
MINH-KỶ — HUỲNH-ANH trả lời cuộc phỏng vấn âm nhạc	101

BÁCH-KHOA

trong những số tới

Sự lở tay của thiên tài VŨ-HẠNH

Chọn đề tài Sử đề nghiên cứu NGUYỄN-PHƯƠNG

Heidegger và Thi ca TRẦN-HƯƠNG-TỬ

Danh Nhân : Alfred Nobel vua cốt mìn và

Ông Hoàng của Hòa Bình LƯƠNG NGỌC

*Đào tạo, huấn luyện và bổ nhiệm
nhân viên ngoại giao tại các nước* PHẠM-TRỌNG-NHÂN

Tiến triển trong khoa mồ xẻ VÔ QUANG YẾN

*Sự quan hệ của tiếng Việt đối với Việt-
kiểu ở Pháp* MỘNG-TRUNG

*Hệ thống tổ chức ngành giáo dục âm nhạc
tại Pháp* TÔN-THẮT-TIỆT

*Một ngày của Ivan (truyện dịch của A.
Soljenitsyne)* NGUYỄN-MINH-HOÀNG

Một ngày của Nguyễn-Văn-Tồn (truyện ngắn) VŨ-HẠNH

Ánh sáng trong bóng tối (truyện ngắn) LÊ-TẮT-ĐIỀU

Gà và Ba tôi (truyện ngắn) VÔ-HỒNG

VẤN ĐỀ HOA KIỀU Ở ĐÔNG NAM Á

● VIỆT - ANH

NÓI đến vấn đề Hoa Kiều ở Đông Nam Á, ta thấy không phải bây giờ nó mới có, mà nó đã có từ hàng thế kỷ nay rồi. Chẳng hạn như ở Việt Nam, người Tàu sang đây lập nghiệp nhiều nhất vào hồi nhà Thanh cướp ngôi nhà Minh (nghĩa là vào khoảng thế kỷ thứ 17). Hồi đó, có nhiều người Hán nhất là ở vùng duyên hải Quảng Đông, Phúc Kiến, không chịu ách đô hộ của người Mãn nên đã di cư ra nước ngoài nhất là ở vùng Đông Nam Á. Một số đến miền Nam nước ta hồi đó còn là đất mới xin chúa Nguyễn cho vào khai thác khẩn hoang ở vùng Biên Hòa, Mỹ Tho, Gia Định. Họ lập thành những làng gọi là làng Minh Hương. Đến đời Minh Mạng, nhà vua thi hành chính sách đồng hóa, bắt người Tàu phải dóc bím, ăn mặc theo kiểu Việt Nam và nói tiếng Việt Nam. Nhiều người Tàu đã biến thành người Việt Nam từ mấy đời nay. Nhưng ở miền cực Nam nước ta (vùng Hà Tiên, Châu Đốc). Chúa Nguyễn đã nhượng hẳn cho một người Tàu (Mạc Cửu) khai thác và cai trị. Sau

này Mạc Cửu truyền cho Mạc-Thiên-Tứ rồi lại trở về tay chúa Nguyễn. Nhưng người Tàu ở đây vẫn giữ được tính cách thuần túy hơn, ít bị đồng hóa với dân địa phương. Họ lại cố sức bảo tồn những phong tục ở những nơi xuất xứ của họ. Nếu ta đi xuống những tỉnh miền Tây, ngay cả ở những nơi làng mạc hẻo lánh, ta cũng thấy có người Tàu làm ăn buôn bán. Họ có những phong tục tập quán nhiều khi khác hẳn dân địa phương (ma chay, cưới xin...). Họ lại biết đoàn kết chặt chẽ với nhau, nâng đỡ nhau, nương tựa lẫn nhau nên chẳng bao lâu họ đã chiếm được một địa vị ưu thế trong nền kinh tế các nước họ đến lập nghiệp. Tổ chức hàng Bang Hoa-kiều không phải chỉ là một tổ chức hành chánh mà còn là một tổ chức tương trợ. Nhờ có tổ chức đó mà Hoa kiều sang làm ăn ở các nước Đông Nam Á ít khi phải thất bại trở về tay không.

Tuy nhiên, dưới triều các vua chúa Mãn Thanh, Trung Hoa chưa có một

chính sách rõ rệt đối với các kiều bào hải ngoại của họ. Họ mặc cho Hoa kiều ở nước nào tự mà soav sờ lấy với chính quyền nước đó, tự tạo lấy cơ nghiệp của họ. Phải chờ đến mãi sau khi cách mạng Tân Hợi thành công, tình hình ổn định ta mới thấy rõ có một chính sách Hoa kiều của chánh phủ Trung Hoa nhất là ở vùng Đông Nam Á.

Vấn đề này càng đáng cho ta nghiên cứu, khi đang có hai nước Trung Quốc tranh giành ảnh hưởng của nhau ở khắp nơi trên thế giới và đặc biệt là ở miền Đông Nam Á, một nơi mà người ta phỏng định có tới 15 triệu người gốc Trung Hoa làm ăn lập nghiệp.

Thật vậy, từ khi Quốc dân Đảng lên nắm chính quyền ở Trung Quốc, nghĩa là từ khoảng vào năm 1926 trở đi, cách mạng Trung Hoa mới bắt đầu gây nên nhiều hậu quả ở vùng Đông Nam Á, bởi vì Hoa kiều ở Hải ngoại được coi như là một cái nguồn tiếp tế tài chánh và nâng đỡ tinh thần cho những hoạt động ở trong quốc nội.

Một mặt khác, đảng Cộng sản Trung Hoa thành lập từ năm 1921 cũng đã bắt đầu gây một vài ảnh hưởng ở Đông Nam Á, mặc dầu cho đến năm 1941 (thời kỳ Nhật Bản tiến quân xuống miền Nam Hải) ảnh hưởng đó không mạnh bằng ảnh hưởng của Quốc dân Đảng. Chính ông Victor Purcell trong suốt thời gian từ 1921 đến 1946 trông nom về việc di trú ngoại kiều ở Mã Lai đã phải nhận thấy rằng đường lối của chính phủ Quốc dân Đảng đã là một mối quan tâm chính yếu của tất cả các nước Đông Nam Á bởi đó hay nói cho đúng hơn

của các đế quốc Anh Pháp và Hòa Lan và một phần nào cả Hoa Kỳ nữa. Thực vậy, chính phủ Quốc dân Đảng bắt đầu chú trọng rất nhiều đến hoa kiều ở hải ngoại và nhất là ở Đông Nam Á vì họ là một nguồn nhân lực, tài lực đáng kể giúp đỡ cho việc kiến thiết xứ sở. Một đạo luật vì quốc tịch đã được ban bố và qui định rằng tất cả những ti thuộc (descendants) nam phái của một người Trung - Hoa sẽ vĩnh viễn là một thuộc dân (ressortissant) Trung-Hoa. Mặc dầu đạo luật cũng có cho phép một người Trung-Hoa có thể từ khước quốc tịch của họ, nhưng điều đó là một điều rất khó xảy ra trên thực tế, vì không có một chức dịch Trung-Hoa nào lại chịu làm những thủ tục cần thiết để tước bỏ quốc tịch của một người Trung-Hoa theo lời thỉnh cầu của họ. Đạo luật Trung Quốc đó nhiều khi trái ngược hẳn với những đạo luật của các nước lân bang. Ví dụ : một người tàu đỗ ở Tân-Gia-Ba (Singapore), Penang hay Malacca trong thời kỳ Mã-Lai còn là một thuộc địa của Anh Quốc sẽ được chính phủ địa phương coi là một thần dân của chính phủ Hoàng gia Anh. Nhưng theo đạo luật của Trung-Hoa thì y vẫn là người Trung-Quốc. Tất cả các tòa lãnh sự Trung-Hoa tại các thành phố lớn ở các nước Đông - Nam - Á đều cấp giấy thông hành cho bất cứ người Trung-Hoa nào đến xin, mà không cần chú trọng đến tình trạng lương quốc tịch đó. Tất cả những phái đoàn thương mại, văn hóa... từ Trung-Quốc tới đều coi tất cả hoa kiều hải ngoại là người Trung-Hoa hết và đối xử với họ như là con dân trong nước. Các chính phủ thuộc địa bởi đó như Anh, Pháp, Hòa-Lan, Hoa-Kỳ và cả Thái-

Lan nũa đã từng nhiều lần phản đối bằng con đường ngoại giao đối với những hành động của chính phủ Trung-Quốc mà họ coi như là sen lẩn vào công việc nội bộ của các nước họ. Nhưng chính phủ Nam-Kinh cũng không vì thế mà bỏ đường lối « phát triển quốc gia » của mình. Để áp dụng đường lối đó, chính phủ Quốc dân Đảng đã cho phổ biến tại các trường học Trung-Hoa ở hải ngoại lối học bạch thoại để thay thế cho lối học Kinh sách cổ điển; mà phần lớn các sách bạch thoại đều dạy tiếng Quan thoại (tiếng Trung-Hoa miền Bắc) và đều có tính cách bài để quốc, vì thế cho nên các sách đó thường bị cấm.

Chúng ta đều biết là từ khi thành lập hai đảng Quốc, Cộng Trung-Hoa là kẻ thù bất cộng đái thiên. Nhưng đến khi xảy ra biến cố Diên-An (tháng 12-1936), hai đảng đó tạm thời xích lại gần nhau, lập thành một mặt trận thống nhất kháng Nhật. Nhưng chưa bao giờ hai lực lượng Quốc, Cộng thống nhất với nhau, mỗi lực lượng đánh Nhật theo đường lối riêng của họ. Trong khi cộng sản triệt để áp dụng chiến tranh du kích thì quốc dân đảng chia ra làm hai phái, một phái hợp tác với Nhật để diệt cộng, một phái chủ trương rút sâu vào nội địa để bảo tồn chủ lực. Đến khi Nhật đầu hàng Đồng Minh (1945), chính phủ Quốc dân Đảng nghiêm nhiên trở nên một chính phủ chiến thắng. Sẵn uy tín quốc tế đó, họ lại muốn áp dụng chính sách cũ đối với hoa kiều hải ngoại đã bị gián đoạn trong thời kỳ chiến tranh và chiếm đóng Nhật Bản. Nhưng họ đã tính lầm vì uy tín đó đã bị cộng sản làm cho tiêu tan trên lục địa. Hơn nữa, nhiều nhân vật Quốc dân Đảng kỳ cựu đã mất hết thanh danh vì đã hợp tác với Nhật, nên

đối với Hoa kiều hải ngoại, Quốc dân Đảng Trung Hoa không những không tiến thêm được bước nào mà còn thụt lùi là đáng khác. Trái lại, Trung Cộng đã tạo được uy danh trong cuộc kháng Nhật, lại khéo tuyên truyền vận động, nên ảnh hưởng của họ bắt đầu lên mạnh ở trong vùng Đông Nam Á ngay từ hồi hậu chiến. Kịp đến năm 1949, họ hoàn toàn làm chủ lục địa Trung Hoa thì uy tín của họ lại càng lớn mạnh trong đám Hoa kiều hải ngoại. Điều đó cũng dễ hiểu vì ngoại trừ một số người hoặc đã là nạn nhân của cộng sản, hoặc biết nhìn xa trông rộng, còn phần đông, mặc dầu thuộc xu hướng chính trị nào cũng lấy làm khoái trá khi thấy Trung Cộng đã đưa nước Tàu lên một địa vị hùng cường trên thế giới khiến cho bất cứ nước nào, dù là ghét cay ghét đắng cũng phải e nể, không dám động đến. Do đó ta có thể hiểu vì sao lúc đầu, hoa kiều ùn ùn gửi tiền về nước, một phần là để giúp gia đình họ, nhưng một phần cũng là để giúp đỡ thêm phương tiện tài chánh cho chế độ mới. Nhưng rồi sự náo nức ban đầu đó cũng nguội lạnh dần đi. Một phần vì phong trào đấu tố lên cao ở lục địa, nhiều gia đình có bà con thành phần tư bản địa chủ bị tra tấn đến chết hoặc bị đày ải khổ sở nên cũng đã hết hướng về Bắc Kinh nhưng một phần cũng vì các nước mới độc lập ở Đông Nam Á, hầu hết có xu hướng chống cộng tìm cách kiểm soát, hạn chế hoặc ngăn chặn không cho Hoa kiều gửi tiền về nước để bảo vệ nền kinh tế còn non yếu của họ. Do đó số tiền và quà biếu của Hoa kiều gửi về lục địa lúc đầu rất nhiều nhưng sau này càng ngày càng ít dần đi tuy nhiên cũng còn lớn hơn số tiền gửi về Đài Loan gấp mấy chục lần

Nói chung, các Hoa kiều hải ngoại, trừ một số phần tử thân cộng rõ rệt đều có sự cố gắng để một mặt không làm mất lòng Trung Cộng, và một mặt khác cũng không làm phật ý các chính phủ các nước mà họ làm ăn lập nghiệp. Họ cũng cố gắng sống hòa mình với dân bản quốc và chấp nhận bình thức kinh doanh của quốc gia trong đó họ sống. Về phần họ, chính phủ Trung Cộng cũng đã biết rút kinh nghiệm những sai lầm của Quốc dân Đảng để không tái diễn lại một lần nữa đối với hoa kiều hải ngoại. Họ áp dụng một chính sách mới coi tất cả mọi dân tộc đều bình đẳng; do đó, một mặt họ thúc đẩy sự phát triển của Cộng sản chủ nghĩa ở Đông Nam Á Châu, nhưng một mặt khác họ cũng không đòi hỏi các quốc gia khác phải dành cho Hoa kiều một chế độ ưu đãi đặc biệt.

Nhưng Trung Cộng cũng đã phạm phải một lầm lẫn khá lớn khi họ công khai nâng đỡ phong trào cộng sản dấy loạn ở Mã Lai. Cuộc dấy loạn này do đảng Cộng sản Mã Lai khởi xướng. Du kích chiến đấu trong các rừng rậm Mã Lai hầu hết là người Trung Hoa. Đảng Cộng sản Mã lai coi họ như là lực lượng giải phóng dân tộc Mã Lai chống đế quốc chủ nghĩa Anh. Trung Cộng cũng nhiệt liệt lên tiếng cổ vũ cho cái « Mặt trận dân tộc giải phóng » đó mà, theo họ, nó bao gồm mọi thành phần dân tộc (Mã Lai, Trung Hoa, Indonésia). Thực ra, sự ủng hộ của Trung Cộng chỉ là sự ủng hộ miệng trên các làn sóng của đài Bắc Kinh mà thôi. Họ không hề gửi khí giới, gửi quân và cả tiền bạc sang

giúp. Cuộc chiến đấu kéo dài 12 năm (1948-1960) và kết thúc bằng sự đầu hàng của quân du kích. Chính sách cứng cỏi và cũng khoan hồng của người Anh và của chính phủ Mã Lai đã giải quyết xong một vấn đề tưởng là nan giải. Cái lầm lẫn của Trung Cộng đã làm cho chính phủ Mã Lai đã có một thái độ cứng rắn đối với Bắc Kinh (không công nhận, không giao dịch). Người Trung Hoa ở Mã Lai cũng phải chịu thiệt thòi một phần lớn (qui chế bất bình đẳng, thấp kém hơn so với người bản xứ và cả với người ngoại quốc nữa).

Ở Indonésia, Trung Cộng thu lượm được nhiều kết quả hơn, ít ra cũng là ở trong giai đoạn đầu tiên. Chúng ta đều biết là các quốc gia Đông-Nam-Á rất bất mãn với chính phủ Tưởng-Giới-Thạch vì đạo luật quốc tịch của Trung-Hoa Quốc-Gia. Nhận rõ thấy khuyết điểm đó, Bắc Kinh tỏ ý sẵn sàng thương thuyết với các chính phủ khác về điểm này.

Năm 1954, hai chính phủ Bắc Kinh và Djakarta bắt đầu mở cuộc đàm phán và đến tháng 4-1955 (nhân dịp hội nghị Badoeng) hai bên đã ký kết với nhau một hiệp ước quy định rằng thuộc dân của một nước này sống trong một nước khác có quyền chọn quốc tịch trong thời hạn hai năm. Khi một kiều dân đã chọn quốc tịch của nước họ rồi thì họ sẽ không được quyền tham gia vào những hoạt động chính tại nước mà họ trú ngụ. Vì nhiều lẽ, hiệp ước đó mãi mấy năm sau mới được hai bên chính phủ chuẩn y và hiện vẫn còn đang được áp dụng. Những người Trung Hoa hiện đang cư-ngụ ở Indonésia và vẫn giữ quốc tịch Trung-Hoa đều

phải tuân theo những biện pháp kiểm soát chặt chẽ đối với tất cả các ngoại kiều vì các vấn đề như là cư trú, kiểm soát báo chí, kiểm soát học đường, thuế ngoại kiều. Ngoài ra họ còn phải chịu một số hạn chế trong hoạt động kinh tế của họ. Trên thực tế, một số lớn Hoa kiều đã bị bắt buộc phải bỏ địa bàn hoạt động buôn bán của họ ở vùng nông thôn Indonésia. Các cửa tiệm chấp phô Hoa kiều bán lẻ các vật phẩm tiêu thụ thường nhật cho nông dân Indonésia nay bắt buộc phải bị đóng cửa và gia đình các Hoa kiều đó phải tập trung lên các tỉnh hoặc để thay đổi cách làm ăn, hoặc để chờ ngày hồi hương về lục địa. Việc hàng mấy trăm ngàn Hoa kiều đã sinh hoặc hàng bao nhiêu đời nay ở vùng nông thôn Indonésia, nay bỗng dưng phải rời bỏ vùng đó để lên tỉnh làm ăn, cũng làm cho nền kinh tế nông thôn Indonésia bị xáo trộn không nhỏ. Còn những Hoa kiều phải rời bỏ nông thôn, họ cũng ngơ ngác như gà lạc mẹ, lên sống cầu bơ cầu bất trên những tỉnh thành lớn, vì ở đây ngành tiểu thương cũng không còn chỗ nào cho họ lọt chân. Nhưng nhờ sự tương trợ của các bạn đồng hương may mắn hơn nên họ cũng đỡ gian lao và nhiều người đã tìm được nghề mới, Một số khác không thích hợp được với hoàn cảnh mới nên đành chờ ngày hồi hương về nước. Ta nên nhớ việc hồi hương của Hoa kiều là một việc bất đắc dĩ vì phần lớn đều sinh cơ lập nghiệp ở đây từ hàng mấy đời nay. Sở dĩ họ còn bám lấy quốc tịch Trung Hoa là vì họ hy vọng một ngày kia trở nên giàu có sẽ trở về thăm nơi quê cha đất tổ. Còn những Hoa kiều đã chọn quốc tịch Indonésia, họ bắt buộc

phải tuân theo luật lệ nhiều khi rất khác nghiệt của Indonésia như tất cả các người công dân Indonésia khác và nhiều khi còn hơn nữa vì họ phải trải qua một thời kỳ thử thách. Nếu chính phủ Trưởng Giới Thạch còn được đại diện ở Indonésia thì chắc chắn họ sẽ phản đối kịch liệt những biện pháp khác nghiệt của chính phủ Indonésia đối với Hoa kiều và chắc chắn họ sẽ có những biện pháp trả đũa đích đáng. Nhưng Bắc Kinh đã không làm như vậy. Ở đây Trung Cộng đã áp dụng một đường lối mềm dẻo hơn. Họ cũng phản đối Indonésia về những hành động ngược đãi Hoa kiều hòng xoa dịu lòng phẫn uất của những kẻ xấu số đang kỳ vọng ở mình. Nhưng họ không cứng rắn đến độ đòi Indonésia phải thu hồi những đạo luật chống ngoại kiều nhất là Hoa kiều. Họ chỉ yêu cầu chính phủ Indonésia cam kết là đạo luật đó không chống tất cả các Hoa kiều mà chỉ chống lại những Hoa kiều nào bóc lột nhân dân mà thôi. Họ cũng hứa sẽ hồi hương tất cả những Hoa kiều nào đã bị chính phủ Indonésia trục xuất. Do thái độ mềm dẻo đó, cuộc bang giao Trung Cộng - Indonésia, đã có hồi tưởng là rất căng thẳng, đã sớm trở lại bình thường và hơn thế nữa Trung Cộng cũng đã ký được một bản hiệp ước thân hữu với Indonésia. Nếu chúng ta biết rõ phong trào bài ngoại ở Indonésia mạnh mẽ như thế nào, thì chúng ta mới thấy rõ được sự thành công của Bắc Kinh trong vấn đề chinh phục cảm tình của Indonésia. Chúng ta đều biết là sau khi quốc hữu hóa tất cả các xí nghiệp Hòa Lan, chính phủ Indonésia hướng mũi dùi tranh đấu của nhân dân Nam Dương vào hơn 3 triệu Hoa kiều đang chi phối nền kinh tế Nam Dương mà họ cho là còn nguy hiểm hơn cả thực

dân Hòa Lan. Dự tính của chính phủ Indonésia là nếu không quét sạch được thành thị thì ít nhất cũng phải quét sạch được nông thôn Nam Dương khỏi ảnh hưởng của Hoa kiều... Họ đã thành công một phần nào, nhưng nền kinh tế nông thôn của họ từ ngày vắng bóng Hoa kiều cũng đã gặp phải nhiều khó khăn trầm trọng khiến họ không thể đẩy xa hơn được nữa chính sách bài hoa của họ. Nhờ có thái độ khéo nhân nhượng của Trung Cộng mà hai bên đã đi đến một thỏa hiệp về vấn đề Hoa kiều ở đây.

Căn cứ vào cách giải quyết vấn đề Hoa Kiều của Trung Cộng với chính phủ Indonésia, ta có thể tìm ra đường lối đối ngoại của Bắc Kinh với các nước Đông Nam Á cũng đang có những vấn đề tương tự. Phần đông dư luận quốc tế đều cho rằng, Trung cộng chẳng chóng thì chầy sẽ tràn lan sang các nước láng giềng, một phần vì dân cư quá đông đúc, lục địa Trung Hoa không đủ sức nuôi nổi, một phần vì muốn nhuộm đỏ Á Châu với chủ nghĩa Mác xít vô thần. Chúng ta nên nhớ là Trung Cộng hiện nay có 700 triệu dân. Nếu không có chiến tranh hoặc thiên tai dịch tễ thì từ nay đến cuối thế kỷ dân số đó có thể lên tới 1000 triệu con người và còn có thể hơn nữa vì hiện nay mức tăng gia dân số ở Trung Hoa là từ 20 đến 25 triệu một năm. Năm 1950, Trung Cộng đã tung ra một chiến dịch hạn chế sinh sản và cũng đã xây dựng lên bốn nhà máy những hóa phẩm ngăn ngừa sự thụ thai. Nhưng bước sang năm sau, khi phong trào « bước tiến nhảy vọt » ra đời, thì chiến dịch đó đình chỉ hẳn lại vì người ta cho rằng việc hạn chế sinh sản sẽ đi ngược lại nhu cầu nhân công cần ngày càng tăng và người ta tin

tưởng rằng dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, Trung Hoa thừa sức nuôi nổi một số dân cư đông đúc hơn nhiều. Và lại nếu đem so sánh với nước láng giềng Ấn Độ thì mật độ dân cư ở Trung Hoa chưa lấy gì làm đông quá (68 người một cây số vuông so với 148 người ở Ấn Độ). Trung Hoa cũng còn nhiều nơi dân cư quá thưa thớt như các tỉnh Tây Bắc (Thiểm Tây, Cam Túc, Ninh Hạ, lãnh thổ Tân Cương ở Trung Á), tất cả những nơi đó có đủ sức cho bao nhiêu triệu dân Trung Hoa ở miền Trung nguyên di dân sang. Nhất là khi chiến dịch công xã nhân dân bắt đầu thì họ lại càng thêm tin tưởng! Cái nhìn lạc quan, đơn giản và thiếu căn bản thực tế đó đã thúc đẩy các nhà cầm quyền Trung Cộng đi đến nhiều biện pháp quá khích ở trong nước. Nhưng ở bên ngoài thì họ lại mềm dẻo hơn. Họ cố sức đã phá dư luận cho rằng họ có ý định xâm lược và nhuộm đỏ Đông Nam Á. Chu Ân Lai đã chẳng từng nhiều lần tuyên bố « Cách mạng không phải là một thứ hàng để nhập cảnh » đó sao? Để chứng tỏ thiện chí của mình, Trung Cộng đã điều đình để đi đến ký kết hiệp định phân chia ranh giới với các nước Nga Xô (1), Ngoại Mông, Afghanistan, Hồi Quốc, Miến Điện, Népal. Hiện bây giờ chỉ còn có vấn đề tranh chấp ranh

(1) Và vấn đề biên giới Nga Xô Trung Cộng, nhiều người cho rằng Trung Cộng có thể nhân cuộc tranh chấp Nga Hoa để đòi lại Hải Sâm Hy (Vladivostok) và miền cực đông Sibérie mà trước kia phong kiến Trung Hoa đã nhường cho Nga Hoàng, để di bớt dân ở miền Hoa Bắc, Hoa Trung sang khai thác làm ăn. Nhưng điều đó khó mà tin được vì Trung Cộng không dại gì lại nêu lên một cuộc tranh chấp mới không đúng với đường lối mác xít Lê-nin-nít mà họ vẫn tự nhận là những người bảo vệ trung thành nhất.

giới Hoa Ấn là chưa giải quyết xong và trong cuộc xung đột vô trang Trung cộng Ấn Độ năm 1962 có nhiều người đã tưởng là Bắc Kinh mở đường tiến xuống miền Nam Á Châu qua một ngã khó khăn nhất và cũng bất ngờ nhất là đánh thẳng vào xứ sở của năm nguyên tắc sống chung hòa bình (Panch Shila). Nhưng trên thực tế Trung Cộng đã tự ý ngừng bước và tự động rút quân. Rõ ràng là Bắc Kinh chưa có ý định làm rung chuyển Đông Nam Á Châu bằng gót giày quân đội Vi^{et}n chinh của họ. Họ còn nhiều khó khăn để giải quyết trong phạm vi nội bộ và đang cần có một thế đứng mạnh mẽ trong cuộc tranh chấp ý thức hệ với Nga X^h, tự coi mình như là người bảo vệ chủ nghĩa dân tộc Á Phi chống lại sự lung đoạn của phe đế quốc.

Về vấn đề Lào, hiệp ước Genève 1962 đã được ký kết với sự tham gia tích cực của Trung Cộng. Ta thấy rõ ràng ý định của Bắc Kinh là muốn thành lập một nước Lào Trung lập ở cửa ngõ phía Nam của mình, không chịu ảnh hưởng của đế quốc nhưng lại cần phải có xu hướng khuynh tả để bảo vệ an toàn cho các tỉnh miền Nam Trung Hoa.

Nhiều nước khác không cùng chung biên thù với Trung Cộng nhưng cũng đã ký kết với Trung Cộng những hiệp ước thân hữu như Cam Bốt, Indonésia, Tích Lan. Ở Đông Nam Á chỉ riêng còn những nước Thái Lan, Nam Việt Nam, Phi Luật Tân và Đại Liên Bang Mã Lai là chưa bị ràng buộc với Trung Cộng bởi một hiệp ước nào và đó cũng là những nước chống cộng quyết liệt nhất, những nước quyết tâm đi với Tây

phương để ngăn chặn bước tiến của Trung Cộng xuống miền Đông Nam Châu Á.

Do đó mà ta thấy chính sách đối ngoại của Trung Cộng có thay đổi tùy theo từng loại nước. Đối với những nước đã đứng hẳn vào hàng ngũ của mình rồi như Bắc - Việt và Bắc - Hàn, thì thái độ của Trung - Cộng là tìm cách chi phối một cách chặt chẽ để giữ các nước đó trong phạm vi ảnh hưởng của mình (thoát ra khỏi bàn tay Nga-Xô). Đối với các nước không can dự, thì thái độ của họ là vượt ưe mơn trớn để đẩy các nước đó vào lập trường trung lập khuynh tả. Đối với các nước ra mặt chống đối lại thì họ sẽ ngấm ngấm hoặc công khai kích động những phong trào quấy rối, khuynh đảo chính quyền để hòng đục nước thả câu. Nhưng dù chính sách đối ngoại của Trung-Cộng có thay đổi tùy theo từng nước và tùy theo từng thời, chính sách đối với Hoa kiều của họ ít khi có sự thay đổi từ nước này qua nước khác. Vậy vấn đề Hoa kiều ở Đông-Nam-Á là một vấn đề toàn bộ cần phải xem xét chung.

Ta có thể coi họ là một đạo quân tiền phong của Trung - Cộng trong việc tiến quân xuống miền Đông-Nam - Á không ? Có thể coi họ là một đạo quân thứ năm cung cấp tài liệu tin tức cho sự hoạt động ngấm ngấm của Trung-Cộng không ? Họ có thể được coi là sáp nhập vào cuộc sống bình thường của các dân tộc Đông-Nam-Á không hay lúc nào họ cũng cần phải có một quy chế đặc biệt khác hẳn quy chế của các ngoại kiều khác. Đó là những vấn đề ta sẽ xét đến trong một kỳ sau.

GÁI TRẺ SƠ SINH

VÀ TRẺ EM

NUÔI BẰNG

SỮA BỘT



Guigoz

— Mau mạp

— Ít đau

— Chóng lớn

— Khỏe mạnh

Tổng phát hành : TRUNG VIỆT DƯỢC PHẠM CUỘC

66, GIA-LONG — SAIGON

Những môn trợ lực cho Sử học

● NGUYỄN-PHƯƠNG

MỘT người chuyên môn về toán học, học toán mà thôi có lẽ đã đủ, một người chuyên-môn về hóa-học cũng thế. Nhưng một người muốn khảo cứu cách riêng về sử học, không phải chỉ cần biết có sử học mà thôi. Sử gia có bốn-phận phải biết đến nhiều khoa học khác, ngoài sử học, mới có thể cứu xét môn bộ đó một cách thấu đáo. Vì vậy, Hilaire Belloc đã có thể nói: « Trong khi nghiên-cứu một đề tài, người chép sử đứng đắn phải cưỡi lên lưng của nhiều con ngựa hơn tất cả những kẻ viết các đề tài văn-chương khác ».

Tại sao thế ?

Đó là tại sử gia có bốn phận phải trình-bày một tổng-hợp gồm kết quả thu lượm được qua sự nghiên-cứu tất cả các sử liệu có dính líu với

đề tài mình nêu ra. Mà nói, phải nghiên tất cả các thứ sử liệu, cũng chẳng khác gì nói quay về khắp mọi hướng để tìm tòi, để quan-sát, và mỗi hướng phải quan-sát như vậy lại có một chiều ánh sáng riêng, nên người quan-sát phải quen biết với chiều ánh sáng đó mới mong hiểu rõ được ý-nghĩa của sử liệu.

Những môn học giúp cho sử gia am hiểu một đề tài sử, không phải chỉ là các khoa học xã-hội mà thôi, mà còn có một số những khoa môn khác, có thể kể ra như : Triết-học, Nhân-loại học, Cổ vật học, Ngôn ngữ học, Kinh-tịch-chí, Địa-lý, v.v... Nói cách khác, nhà sử học phải là người phải có một kiến thức rộng-rãi và có một khối óc sẵn sàng đón nhận ánh sáng bất cứ ánh sáng đó đến từ nơi đâu.

Nhưng xét đó cũng có thể ghi nhận được ngay rằng sử gia chỉ tiến tới được trong sự-nghiệp với nguyên-tắc phân công. Họ phải suy xét và sử-dụng kết quả của công việc tìm tòi do nhiều người thuộc về nhiều ngành khác đã thu lượm được, vì thực sự không ai có thể một mình nghiên-cứu tất cả các nguồn kiến thức mênh-mông mà chúng tôi đã kể qua trên và sẽ nói thêm ít nhiều sau đây.

1. — Triết-học

Trong việc đào-tạo sử gia, triết-lý đóng một vai quan trọng, vì sử gia cần phải có một căn bản vững vàng cho trí óc phán đoán dựa trên những nguyên tắc của một nền triết lý lành mạnh. Sử gia phải biết *Luận lý học* để có thể diễn đạt tư tưởng một cách sáng sủa, trật tự, đúng đắn. Những lúc gặp khó khăn, người chép sử không sao tránh được áp dụng những hình thức luận lý thông thường như qui nạp và suy diễn. Đã đành, một khối óc bình thường, dầu không học các môn đó, cũng có thể vận dụng được guồng máy tư tưởng một cách tự nhiên, nhưng kẻ có học sẽ có thể làm việc một cách sẵn sàng, chắc chắn và khéo léo hơn biết bao. Rồi, như đã nói trên, nhà viết sử lại là kẻ cò vượn mình đèn chân lý khách quan trong quá khứ và phải cầu đèn *trí thức học* vì đó là môn phân tích bản tính và giá trị khách quan của trí thức, tỏ ra cho họ thấy rằng con người có thể biết chắc được sự thật về thời quá khứ. *Đạo đức học* thì cung cấp cho sử gia những nguyên tắc về cương thường đạo lý trong đời sống cộng đồng và cá

nhân, nhờ đó sử gia có thể biết được nghĩa lý và giá trị của những biến cố đã qua. Sau hết *siêu hình học*, dầu bề ngoài xem ra không có dính líu gì đến sử học, vẫn có quan hệ nhiều với sử gia. Nó bảo đảm mạnh mẽ nguyên tắc nhân quả, tức là nguyên tắc sử gia phải dựa vào để trình bày sự kiện lịch sử, ngoài ra nó còn nêu ra một động cơ đại đồng cho tiến trình lịch sử. Một sử gia hữu thần sẽ rất khác với một sử gia vô thần trong việc trình bày chân lý lịch sử.

2. — Cổ học.

Các khai quật cổ học cung cấp cho sử gia vô số những tài liệu quý về những nền văn minh đã mất. Các di tích, như nghệ phẩm, nhà cửa, bia, tượng, v.v... là những tia sáng dẫn đường trong đêm tối của thời xưa. Những tia sáng đó dầu là yếu ớt, cũng cho ta thấy được phần nào về đời sống kinh tế và văn hóa của một thời đại. Cổ nhiên sử gia không nên quá trọng di tích và cho rằng chỉ có di tích mới là những tài liệu xác đáng, nhưng thật sự không ai chối cãi được giá trị của cổ học trong việc bổ túc cho các văn liệu, nhất là về phương diện thời biểu và danh tự riêng. Ở Việt Nam, cổ học đã đem ra ánh sáng các nền văn minh Hòa-bình, Bắc-sơn, Đông-sơn, và như thế hé cửa cho sử gia nhìn vào đời sống của những người đã sống đầu tiên trên đất nước này.

3. — Nhân loại học

Theo nghĩa của danh-từ thì nhân loại học bao hàm việc khảo-sát con người

Bắt cứ là người trong thời xưa hay trong thời nay. Nhưng cứ sự hiểu biết thông thường thì tiếng đó chỉ về khoa học nghiên cứu con người trong trạng-thái của đời sống sơ khai hay bán khai của nó. Đó là khoa học dạy về nguồn-gốc loài người, cách loài người phát-triển về phương-diện thể xác cũng như về phương-diện văn-hóa. Nó rút tài liệu ở cổ học, cổ sinh vật học, dân-tộc học, v.v...

Bởi vì nhân-loại học chú-trọng đến con người và các hiện-tượng của đời sống của con người trong giai đoạn cổ lỗ, bộ lạc, nên khoa học đó phải có liên-quan nhiều đến sử gia. Thật thế, hỏi lịch-sử là gì, nếu không phải là ghi lại các hiện-tượng phát-triển và tương-ứng của con người với nhau và với ngoại cảnh ?

4.— Ngôn-ngữ học

Sử gia nhất thiết phải dùng tài-liệu, nhất là văn liệu. Hơn nữa văn liệu sử gia dùng, muốn cho được chắc-chắn, phải được đọc trong chính ngôn ngữ của nó, nghĩa là ngôn-ngữ của quá khứ, và ngôn-ngữ của quá - khứ không phải hoàn-toàn giống như ngôn ngữ của hiện tại. Tại sao ? Là tại vì ngôn-ngữ cũng biến-chuyển, một tiếng cũng sinh ra, cũng phát-triển, và rồi cũng chết đi dần - dần. Muốn vượt trở ngại do sự biến-chuyển đó gây nên, và hiểu rõ nội-dung của sử liệu dùng đến, sử gia cần phải biết đến ngôn-ngữ học, tức là khoa học khảo-sát sự phát-triển và biến thiên của tiếng nói và chữ viết. Biết rõ về nguyên-tắc về cách hình thành và về

cuộc diễn biến của một ngôn-ngữ, sử gia có thể nhờ đó mà biết được ít nhiều về sự các dân-tộc khác nhau đã kế tiếp cư-ngụ ở một địa điểm, hay là những dân-tộc nào đã phối kết với dân-tộc nào để tạo thành một dân tộc mới như hiện có ngày nay. Đáng khác nhờ ngôn-ngữ học, sử gia có thể luận-lý ít nhiều về thời-gian xuất-hiện của một sử liệu, ví-dụ khi sử gia đã biết một số tiếng nào đó xuất - hiện trong thời-đại nào và thấy lại các tiếng đó nằm trong một sử liệu, sử gia có thể đoán chắc được rằng sử liệu không thể ra đời trước thời-gian những tiếng kia được nữa ra.

5.— Thời ký học

Thời ký học là khoa học cho chúng ta biết các cách ghi chép thời-gian và giúp chúng ta đối chiếu hệ-thống thời ký này với hệ thống thời gian khác. Vậy, nếu thời gian là điểm quan yếu bậc nhất của sự kiện lịch sử, thì sử gia trước hết phải biết rõ về cách biên ký và đối chiếu này.

Về thời tiền sử, việc tính thời gian cổ nhiên chỉ có thể làm được một cách đoán phỏng. Bầy giờ chưa có văn tự để có thể dựa vào làm khảo cứ, các nhà cổ học phải nhờ đến các lớp địa chất làm như những trang giấy không lỗ trên đó thiên nhiên đã để lại dấu vết của những nền văn minh cũ. Một khi nhờ địa chất mà biết được các nền văn minh đó, người ta lại dùng chính các nền văn minh đó để chỉ các đợt thời gian, ví dụ như thời cự thạch khí, thời trung thạch khí, thời tân thạch khí.

NHỮNG MÔN TRỢ LỰC CHO SỬ HỌC

Gần đây hơn, người ta đã tìm được những phương pháp do thời gian tiến sử tương đối chính xác nhờ vật lý và hóa học. Về vật lý, các ông Libby và Portmann đã áp dụng tính cách phát quang của chất C_{14} , và ghi nhận rằng nơi các sinh vật đã chết, chất đó hao giảm dần dần với thời gian, nó mất hết một nửa trong vòng 5.568 năm và sau 25.000 năm thì mất hết. Như thế, căn cứ vào lượng số còn lại của chất C_{14} ở một di tích, người ta có thể biết được cái xương hay miếng gỗ nào đó đã chết từ bao nhiêu lâu. Hóa học thì góp phần vào việc tính thời gian tiến sử qua tính chất của Fluor. Fluor được mang đi trong nước chảy ngầm dưới đất và phối hợp dễ dàng với Phosphate de calcium của xương. Một cái xương chứa nhiều chất Fluor là dấu đã bị vùi lấp lâu đời.

Về thời cổ sử, người ta tính thời gian qua các hệ-thống dương-lịch âm lịch hoặc qua cách liệt kê niên biểu các triều đại. Hệ thống dương lịch phân làm hai hệ-thống lớn, hệ-thống của Julius Caesar (101-44 tr. K.N.) và của Giáo Hoàng Gregorius XIII (1572-1585). Trong thế kỷ thứ I trước kỷ nguyên, vị Tổng Tài La-Mã đã thiết lập hệ thống niên lịch tính theo sự chuyển vận của mặt trời. Mười bảy thế kỷ sau, Giáo Hoàng Gregorius XIII nhận thấy cách tính của người trước đã không được hoàn toàn xác đáng, vì thế đã làm chậm mất mười ngày, nên quyết định đính chính. Vào năm 1582, trong tháng mười, người ta đã cho nhảy từ ngày bốn sang ngày 15. Một điều càng làm cho hệ thống tính

niên biểu phức tạp, là các nước Tây phương, không phải nước nào cũng chấp nhận cùng một lúc việc cải cách của Gregorius XIII. Hòa-Lan theo lịch mới là năm 1700, Anh năm 1752, còn Nga chẳng hạn thì mãi đến sau cách mạng 1917 mới chịu nhận.

Vì vậy sử gia sưu tầm các tài liệu cũ, phải chú-ý đến thời biểu của từng văn kiện để chuyển sang cho đúng với hệ-thống niên lịch thông dụng ngày nay. Một ví dụ : Khi thấy ghi rằng Nữ - Hoàng Elisabeth I của Anh băng hà cuối năm 1602, chúng ta chẳng những phải nhớ đổi từ hệ thống của Julius Caesar ra hệ thống của Gregorius XIII, mà còn không được quên rằng ngày cuối năm năm đó không phải là 31 tháng 12 như bây giờ, nhưng là ngày 24 tháng 3, vì thời trước ở Tây phương, ngày đầu năm, có khi là ngày 25 tháng 12, có khi là ngày 5 tháng 1, và có khi, như trong trường hợp này, là ngày 25 tháng 3. Bởi đó, tính theo cách thông dụng ngày nay, thời biểu của ngày Nữ hoàng Elisabeth I băng hà là ngày 3 tháng 4, 1602.

Âm lịch khởi sự với năm 2697 trước Kỷ nguyên. Người ta cho năm đó là năm đầu của thời Hoàng đế, tức là người được kể là đã làm vua trước nhất trong lịch sử Trung-Quốc, và đã sáng tạo ra hệ thống âm lịch. Đó là hệ thống tính theo can chi, cứ 60 năm thành một giáp. Nay chúng ta đang ở vào giáp 78 của âm lịch, giáp này bắt đầu từ năm 1924. Năm âm lịch chia làm 12 tháng hợp theo 12 tuần

trăng: Tháng thì có tháng chẵn, 30 ngày, tháng lẻ, 29 ngày, và chẵn lẻ chia không đều nhau. Xem đó, việc so sánh ngày âm lịch với ngày dương lịch là cả một vấn đề khó khăn.

Nhưng bấy nhiêu chưa phải là đã hết vấn đề. Các vị vua khi lên ngôi, thường tính năm theo một niên hiệu riêng, và có vua lại còn đổi niên hiệu nhiều lần trong thời gian cai trị. Hơn nữa, trong năm, khi một vị vua mất, người ta vẫn giữ niên hiệu của vị vua đó cho đến hết năm, mặc dầu đã có một vua mới thay thế cai trị. Lại, nếu vua nào cai trị không đầy một năm và không qua được năm mới của âm lịch, vua đó sẽ không có niên hiệu. Chẳng hạn, về trường hợp vua Lê-Túc-Tôn, *Cương mục* (quyển Thứ, 6b) chép rằng :

« Lê-Túc-Tôn chỉ tại ngôi có bảy tháng và chết khi cai trị chưa đầy một năm. Năm trước là năm cuối cùng của đời Hiến tôn, và năm sau là năm đầu của Oai mục đế. Vua Túc-Tôn, dầu có triều đại và truy tước, vẫn không thể ăn vào năm nào cả ».

May sao, ngày nay, việc đối chiếu khó khăn giữa dương lịch và âm lịch, cùng các triều đại Trung quốc, đã được một số các nhà chuyên môn thực hiện một cách đầy đủ. Trong các công trình so sánh nên biết nhất, có lẽ phải kể của Mathias Tchang và của P. Hoang. Sách của Mathias Tchang (nhan đề là *Synchronismes Chinois, Chronologie Complète et Concordance avec l'Ère Chrétienne de toutes les dates* concernant l'Histoire de l'Ex-

trême Orient, Chine, Japon, Corée, Annam, Mongolie, etc...) chỉ đối chiếu năm dương lịch với năm âm lịch, nhưng lại có cái lợi là trong đó người ta tìm được niên đại của các vua, chẳng là của Trung quốc, mà còn của các nước dùng âm lịch, như Nhật-Bản, Việt-Nam, v.v... Việc đối chiếu bắt đầu từ năm Giáp thìn, tức là năm 2357 trước Kỷ nguyên, cho đến năm Giáp thìn, 1904.

Sách của P. Hoang (nhan đề là *Concordance des Chronologies Néoméniques Chinoise et Européenne*) thì chỉ đối chiếu dương lịch với lịch sử Trung quốc mà thôi, nhưng lại là một tài liệu rất quý vì từ năm 841 trước Kỷ nguyên, tức là năm Canh thân, năm thứ nhất đời Hồng hòa nhà Chu, cho đến năm 2020, chẳng những tác giả nói rõ năm nào tương đương với năm nào, mà còn so sánh cả tháng cả ngày nữa.

6. — Địa Lý

Thời gian quan trọng cho sử gia, và địa điểm cũng quan trọng không kém. Nói rằng năm 1666 xảy ra một vụ hỏa tai lớn, câu nói đó vẫn còn mang một ý nghĩa mơ hồ, nhưng nếu nói thêm rằng hỏa tai xảy ra ở Luân Đôn, thì người nghe có thể nhận định sự kiện một cách đầy đủ. Cho một biên cở lịch sử, thời gian và địa điểm là những yếu tố cần thiết, chẳng khác gì đường tung đường hoành là cần thiết cho một tọa độ. Và khoa học dạy cho sử gia biết nhận định địa điểm, đó là khoa địa lý.

NHỮNG MÔN TRỢ LỰC CHO SỬ HỌC

Địa lý thường có ba ngành :

— a) Địa lý thiên nhiên, chú trọng vào hình thể mặt đất, vào sông núi, điển thổ, thảo mộc, nguyên liệu, khí hậu ;

— b) Địa lý nhân văn, trình bày con người về phương diện sống trên mặt đất, như chỗ nào đông, chỗ nào ít, và mô tả vị trí giới hạn các quốc gia, cùng nói về cách tổ chức hành chánh, kinh tế, giao thông, thương mại, v.v. Các ngành (a) và (b) vừa nói, thường cho biết tình hình hiện tại của thiên nhiên, cũng như của con người sống trong thiên nhiên ;

— c) Địa lý lịch sử, thì chẳng những bao hàm hai ngành trước, mà lại chú trọng cách riêng đến sự diễn biến qua thời gian của thiên nhiên và của con người.

Không cần phải nói là sử gia phải có một kiến thức về địa lý thiên nhiên và địa lý nhân văn. Nhưng địa lý lịch sử càng cần phải đi sát với công trình của sử gia hơn nữa. Qua trường kỳ thời gian, hình thể quả đất có thể thay đổi ít, song các địa danh vẫn thay đổi rất nhiều. Rồi cương giới quốc gia có thể đã rộng ra hay hẹp lại, mật độ dân cư có thể đã gia tăng hay suy giảm, các thể chế chính trị có thể đã lần lượt nhuộm nhiều màu sắc.

Hơn nữa, địa lý thường trình bày kết quả một cách cụ thể trên bản đồ. Biết đọc bản đồ, và biết trình bày biến cố lịch sử trên bản đồ, đó còn là một công việc sử gia năng phải làm

trong khi tìm hiểu và diễn lại thời sự quá khứ.

7. — Kinh tịch chí

Bởi lẽ rằng lịch sử là một khoa học có mục đích tái tạo quá khứ, chứ không phải sáng tạo, nên việc sưu tầm tài liệu là một việc cốt yếu. Không có tài liệu là không thể có lịch sử. Vì vậy, sử gia cần đến khoa Kinh tịch chí, vì khoa này cho biết ở đâu có tài liệu nào liên hệ đến vấn đề mình nghiên cứu. Nói cho đến nơi, sự biết được ở đâu có tài liệu nào, chính nó đã là một nguồn thông thái, hay ít ra, là khởi điểm của sự thông thái. Không phải từ xưa các học giả đã biết rõ như vậy rồi sao ? Người La-Mã thường nói : « Qui scit ubi sit sapientia, proximus, est sapienti », nghĩa là : Ai biết được kiến thức nằm ở đâu, người đó đã gần thành bác học.

Vậy nhà chép sử, trước hết, phải biết đến những nơi tàng trữ sử liệu, biết đến những tập thông kê kinh tịch, chỉ biết cách dùng các tập đó để tìm tài liệu ở các thư viện. Nhờ kết quả của khoa kinh tịch chí, sử gia có thể thấy được một cách đại cương vấn đề mình đang nghiên cứu đã được các học giả đàn anh nghiên cứu đến đâu rồi, và về những khía cạnh nào.

Hơn nữa, lịch sử là một khoa học lũy tiến. Nói cách khác, kiến thức lịch sử tìm được sau, phần nhiều dựa vào nền tảng của những kiến thức đã tìm được trước, và như thế đây trình độ tiến thêm một bước về hướng chân lý. Bởi đó, tác phẩm mới nhất phải được

coi như là có hy vọng chứa đựng kết quả của những khám phá cuối cùng về văn đề. Những sách viết nguồn gốc dân tộc Việt Nam cách đây 50 năm, chẳng hạn, tất phải kém giá trị, vì các sách đó không được hưởng ánh sáng của những khai quật tiến sử thực hiện được trong hơn nửa thế kỷ qua. Đôi khi tính cách mới mẻ của một sử phẩm chỉ là một phương tiện quảng cáo, nhưng đối với những công trình sử học thực sự, bao giờ một tác phẩm mới cũng hơn một tác phẩm cũ. Về sách tái bản cũng vậy, lần sau vẫn đáng được chú ý hơn lần trước, vì tác giả đã có thể nghiên cứu thêm, học hỏi thêm, và nhờ đó, đã thêm bớt, sửa chữa, có khi thay đổi quan điểm, thay đổi nhận xét về một số văn đề.

Đó là nói qua về các môn học sử gia cần phải biết đến hơn. Đó chưa phải là tất cả, nhưng những môn vừa kể sẽ trợ lực một cách đặc lực. Ngoài ra, những khi trường hợp đòi hỏi, sử gia còn phải có một ý kiến rõ về các khoa môn, như cổ tể học, nó miêu tả các thứ tiền xưa và dạy cho sử gia biết công dụng của cổ tể trong việc học sử ; âm tỷ học, nó giúp sử gia nhận biết xuất xứ và sự chính xác của sử liệu ; cổ bản học, nó dạy cho sử gia đọc và hiểu các bản văn xưa, v.v.. Và, như thế, người ta thấy được phần nào sự khó khăn của nghề chép sử.

NGUYỄN-PHƯƠNG.

Kỳ sau : «Chọn đề tài sử để nghiên cứu».

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742



Fabrication : **Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.**

Vente : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane**

Protoxyde d'Azote — Argon etc...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique.

Installations de gazothérapie.

Note service technique d'application est à la disposition de la clientèle pour toutes études et installations.

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn-Công-Trứ, 44

S A I G O N



HEAD OFFICE

Plapplachai, Bangkok.

OVERSEAS BRANCHES :

LONDON

Barrington House 59-67 Gresham Street, London, E.C. 2

TOKYO

No. 1, 2-Chome Muromachi, Nihonbashi, Chuo-ku, Tokyo

HONGKONG

60, Bonham Strand West.

CENTRAL DISTRICT

Shell House, Queen's Road.

KOW'LOON

580 A. Nathan Road Kowloon.

SINGAPORE

64 South Bridge Road.

KUALA LUMPUR

14 Ampang Street.

BÁCH - KHOA

Bán nguyệt-san

Biên Khảo, Nghị Luận, Văn Nghệ

160, Phan-Đình-Phùng

Đ. T. 25.539 — H. T. 339

SAIGON

—:—

PHIẾU MUA BÁCH-KHOA

DÀI HẠN

Phương danh độc giả _____

Địa chỉ _____

Thời hạn mua (1) _____ bắt đầu từ _____

Thẻ thức trả tiền _____

_____ ngày _____ tháng _____ 1962

Ký tên,

Giá báo dài hạn :

Một năm : 200 \$

6 tháng : 100 \$

— Mua dài hạn Bách-Khoa

— Các bạn ở Saigon sẽ có người giao báo tận nhà.

— Các bạn ở xa sẽ được gửi đến chỗ ở, thất lạc số nào nhà báo sẽ gửi lại số đó.

— rả trước 200 \$, các bạn sẽ tiết kiệm được mỗi năm 60 \$ (22 số thường 220 \$ + 2 số đặc biệt và số Tết 40 \$ = 260 \$)

● Mua dài hạn Bách-Khoa để gửi tặng các bạn quen là một món quà trang nhà trong mọi dịp kỷ niệm mà người nhận sẽ vui thích và lưu giữ mãi mãi.

(1) Một năm hoặc 6 tháng.

(2) Trả tiền mặt, hay bằng chi phiếu hoặc gửi bưu phiếu.

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do Ấn-Chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 6.600.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 7.150.000 Anh-kim

●
LUÂN - ĐƠN TÔNG - CỤC

38, Bishopsgate, London E. C. 2

●
SAIGON CHI - CỤC

CHI - CỤC CHÍNH : 3, Đường Võ-Dĩ-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhất

(Immeuble Esso Standard Eastern Inc.)

●
NAM - YANG CHI - CỤC

10, Phlaur Preah Kossamac

●
CHI-NHÀNH THÀNH-LẬP TẠI CÁC NƯỚC VIÊN-ĐÔNG

●
Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

THẺ-TÍNH

ĐOÀN-THÊM

Nỗi khó khăn của người nghiên cứu trong phạm-vi này, là sự thiếu danh-từ ; nên cần tạm giải quyết ngay, để tránh sự hiểu lầm, và trình bày nổi những ý-niệm nấp dưới một tiếng móng lung mà người Pháp gọi là Style.

Chữ Kiểu của ta chỉ cho liên tưởng đến Thẻ chung của những vật được tạo thành nhiều đơn-vị giống nhau : kiểu nhà, kiểu áo, kiểu ghế... nghĩa là ở kiến-trúc và mỹ-nghệ, trang-trí. Song nếu nói « kiểu điêu-khắc hay kiểu hội-họa » thì trái tai, không đúng, vì chẳng bao giờ nghệ-sĩ vẽ tranh hay nặn tượng thành nhiều bức hay nhiều pho.

Kiểu-thức, cũng chưa xứng, vì gọi ra những định-lệ bề ngoài, không bao hàm biệt-tính và kỹ-thuật riêng của người sáng tác. Thẻ-cách hoặc Thẻ-thức đều hẹp nghĩa, nặng về chi-tiết và xảo-kỹ. Bút-pháp có thể là của thi-sĩ, văn-nhân, họa-sĩ là cùng. Nên chỉ còn một chữ, xin tạm dùng cho tới khi tác-giả nào tìm được chữ thích-ứng hơn : Thẻ-tính.

D. T.

Các sách biên-khảo và các từ-điển thường nói đến Thẻ-tính thời Phục-Hưng (Renaissance), Thẻ-tính triều Vua Louis XIV v.v... Nhiều tác-giả dùng tiếng « nghệ-thuật, Art », như Nghệ-thuật Lãng-Mạn (Art Roman-tique) Nghệ-thuật thế-kỷ XVIII (Art

du XVIII^e siècle) song dưới các đầu đề này, vẫn thấy bàn về Thẻ-tính ở mỗi thời-đại. Như vậy, các nhà khảo cứu nghệ-thuật hay văn-học, đồng ý về một điều được coi từ lâu như hiển-nhiên bất-dịch : thời nào có thẻ-tính của thời ấy. Nói một cách

khác, trong mỗi thời, nghệ-thuật mang những tính-cách chung. Có thực vậy không ?

Vì chỉ có nghệ-thuật khi có sáng tạo. Mà sáng tạo thì phải độc-đáo, và nghệ-sĩ thành công phải đạt được thể-tính riêng, chứ không phỏng của ai hết ; đập theo khuôn mẫu đóng sẵn, noi đường của người khác vạch, là dễ tới thất bại. Nghệ-thuật trong một thời, thực ra gồm những tác-phẩm riêng của một số nghệ-sĩ đáng kể, nhưng mỗi người theo một lối khác. Vậy làm sao có Thề-tính chung ? Và nếu có, thì cái nghĩa thề nào sự mâu-thuẫn hoặc sự dung hòa Riêng-Chung ? Tùy câu trả lời, người sáng - tác và người thưởng - thức sẽ có một khuynh-hướng hay một thái-độ khác.

* *

Chung quanh ta, nhiều thứ đồ đạc tầm-thường hoặc có tính-cách mỹ-thuật, được dùng hàng ngày mà không rõ từ bao giờ, và do ai làm ra : ấm nước, kính đeo mắt, quạt giấy, giày guốc... tất-nhiên có người chế tạo đầu tiên. Song khôn nổi, giúp ích cho nhân-loại nhiều nhất, thì tác-giả lại vô-danh, chẳng dễ nổi tiếng như những người khéo làm trò giải-trí. Dù sao, khởi thủy, ở công-nghệ hay mỹ-nghệ, vẫn là một cá-nhân nào đó.

Rồi hễ thấy tiện - ích, tự - nhiên nhiều người dùng, trước còn theo nguyên-thể lúc phát-minh, sau theo biến-thể của những nhà chế - tạo

khác, nghĩa là những kẻ phỏng lại và thay đổi ít nhiều vềchi-tiết mà phổ biến. Sự cạnh tranh xui ra nhiều kiểu, kiểu nào kém thì sớm bị loại-trừ theo luật đào-thải, kiểu nào hợp với nhu-cầu và cảm-quan của đa-số, thì được quảng-bá và có cơ tồn-tại.

Lại có những đế-vương đã khiến các nghệ-sĩ đặt các kiểu nhà cửa, quần áo, bàn ghế... Mọi thứ đều phải tốt đẹp và chiều nôi thánh-ý. Vua đã ưa, thì quần - thần và cả những lớp trưởng - giả học làm sang cũng nức - nở hòa theo ; các nhà thủ - công thấy lợi thì tội gì làm trái thị-hiệu của giới có quyền có cửa ? Bởi thế mới thành ra những tử Henri II, những giường Louis XV... Và khi uy-thể của một quốc-vương bành trướng, như trường-hợp Louis XIV, Thái-Tổ nhà Minh, hay Càn-Long nhà Thanh, thì ảnh-hưởng về nghệ-thuật cũng như chính - trị, vượt quá các biên-thùy nước Pháp nước Tàu : nhất là ở Âu-Châu, từ cổ, sự vãng-lai thông-thương rất dễ dàng, nên các thể - tính cũng theo hàng-hóa và nghệ-sĩ mà lan tràn trao đổi. Thề-tính Cổ-Điển, Trung-Cổ Romain, Trung - Cổ Gothique, Phục-Hưng... không riêng gì cho Đức, Ý, Pháp, mà chung cho hầu hết các nước phương Tây.

Tóm lại, kiểu-thức ở đồ đạc, là một thể-tính do cá-nhân phát minh và được xã-hội-hóa. Sự phổ-biến được mau lẹ nhờ hai yếu-tố : sự cần-thiết tương-hợp của những người chung sống trong một hoàn-cảnh (conformisme)

và đó là nguyên-do của các thời-trang ; rồi đến sự can-thiệp của các nhà cầm quyền yêu mỹ-thuật và muốn in dấu vết của mình vào thời-đại để lưu truyền cho hậu-thế.

Như vậy, chắc đâu công-nghệ và mỹ-nghệ phản chiếu sở-thích thành thực của quần chúng và thời-đại ? Nã-Phá-Luân I mất ngôi thì « kiểu Đề-quốc, Style Empire » (1800-1815) cũng chẳng còn, vì chỉ là của vài nghệ-sĩ do ông thuê mượn để chế tạo cho vừa lòng ông, nghĩa là đập theo những kiểu La-Mã nặng-nề, với dụng ý ganh đua cho kịp huy - hoàng của giống người thượng-võ đã từng làm bá-chủ Châu Âu.

Nhưng về sau, đời sống được dân-chủ-hóa, nhà công-nghệ hay mỹ-nghệ muốn thành công, không thể chỉ chiếu ý một người, mà phải chinh phục quần-chúng, hoặc ít nhất là một vài giới có nhiều ảnh-hưởng ; dù sao, họ cũng lệ thuộc khách hàng và những nhin đa số. Khó khăn lắm, vì biết bao sự cạnh tranh, song nếu thắng lợi, thì có thể được hoan nghênh khắp hoàn-cầu, và chỉ khi đó, sản-phẩm của cá-nhân mới mang được tính-cách thời-đại ; tí như trường-hợp nhiều thể-tính đơn-thuần của chuyên-viên mỹ-học kỹ-nghệ.

*
* *

Trái lại, trong địa-hạt nghệ-thuật thuần-túy, cá-nhân nghệ-sĩ giữ phần chủ yếu. Dù ở dưới các chế - độ chuyên - chế, nhiều nghệ - sĩ đại -

tài thời xưa vẫn được tự-do phát triển tài năng ; nếu họ theo qui-tắc của thầy học, hay chiều sở-thích của vua chúa nào, sự tuân-hành của họ cũng thành-thực, lòng có ưng, thì tay mới làm ; họ coi như cần-thiết những qui-cứ mà đời sau cho là gò bó. Ai đọc thử-bút của họa-sĩ Nicolas Poussin hoặc những điều-lệ của Charles Lebrun (thế kỷ XVII) đều thấy họ tin tưởng vững chắc vào đường lối của họ. Họ không hề nổi loạn chống thầy như Manet chống Couture (thế-kỷ XIX). Cho nên cá-tính vẫn nảy nở rất mạnh, và không ai chối cãi được điều đó khi ngắm tác-phẩm của một Michel Ange, một Rubens, hay một Goya, tuy những vị này sáng tác cho nhiều đề-vương.

Khi một nghệ-sĩ nhờ biệt-tài mà nổi tiếng, nhiều người kéo nhau lại xin thụ-giáo, hoặc không đến học cũng ngưỡng phục và đã phục thì dễ nhận ảnh-hưởng. Thể-tính của trường-phái nào có uy-tín nhất, sẽ mang một vài tính-cách chung cho cả một lớp người. Thời Phục-Hưng, đường lối của Paolo Uccello và Masaccio thành đường lối của họa-phái tỉnh Florence (Ecole Florentine), của Bellini và Carpaccio, thành ra của họa-phái đảo Venise (Ecole Vénitienne). Vuông và méo của Picasso hay Gleizes đã gây phong-trào Lập - thể (Cubisme). Những thể phôi trần của Le Corbusier hay Wrigt đã chuyển các qui-mô kiến-trúc cho hướng về tạo-tác ứng-dụng (architecture fonctionnelle).

Nhưng phải theo điều-kiện gì, hoặc trong trường hợp nào, thể-tính cá-nhân

lan rộng và được coi là thể-tính thời đại ? Dĩ-nhiên phải hợp ý quần-chúng hoặc đa-số người hiểu biết. May mắn nhất, thì nghệ-sĩ cũng có những khát-khao mơ ước như nhiều người đương-thời, song nhờ cảm-năng mạnh mẽ hơn, thấy một cách thâm-thía hơn, nên bắt được tiếng hoặc tìm được hình, nghĩa là có những phương-tiện biểu-lộ các tâm-trạng đã rõ-rệt ở chính mình, nhưng còn lơ-mơ ở người khác. Khi đó, thể mới thành ra tấm gương phản chiếu ý-nguyện của nhiều tầng lớp, nên được hoan nghênh nhiệt-liệt : đó là trường-hợp Hòa-khúc Thi-ca và Tín-ngưỡng (Harmonies Poétiques et Religieuses) của Lamartine đời với thanh-niên 1830 ; hoặc là của thời-trang Phụ-nữ bừng nở « Femme-Fleur » của Christian Dior 1948. . .

Nhưng ở nhiều trường-hợp khác, sự hưởng-ứng không dễ dàng như vậy. Thể mới hiện ra sớm quá, khi Thể cũ chưa bị đa-số chán ghét, tuy đã lộ ra cho vài con mắt tinh đời những khía cạnh thiếu kém ; những khía cạnh đó báo hiệu sự suy-tàn mà bao người chưa nhận rõ. Dầu sao, ra đời không đúng lúc, « lầm thể-kỷ », nên Thể mới hay bị hắt hủi như một quái - thai, nhất là khi gặp sự đồ-kỵ của những thi-bá nghệ-bá còn được tôn - sùng, hoặc khi vấp phải sự bài bác của những nhà phê-bình thủ-cự. Song các dị-điểm, nếu có chân-giá, vẫn được một ít thức-giả xét kỹ ; thiếu-số này so sánh với các Thể cũ, nhận ra vẻ đẹp tân-kỷ, và đôi khi họ có can-đảm bênh vực vì đoán biết rằng các Thể rồi ra

cũng theo hướng mới. Một số đồng-nghiep có tâm-hồn cởi mở lại khuyến khích hoặc noi gương. Và quần-chúng lâu dần cũng chịu chú ý, quen rồi ưa. Đó là số-phận các Thể của nhiều nghệ-sĩ nổi danh ở các ngành các phái từ giữa thế-kỷ XIX tới nay.

* * *

Xét các kiệt-tác, thì thấy một tác-giả thành công vừa đáp lại được đòi hỏi của đa-số, vừa mang tính-cách cá-nhân đặc-biệt. *Riêng* và *Chung* cùng gặp gỡ ngay khi hoàn-tất, hay sau một thời-gian, nhưng sự tương-phùng này không thể không có. Xã - hội chỉ chấp nhận phần *Chung*, và khi thấy rõ rồi, mới chú ý tới phần *Riêng* là phương-tiện phơi bày ra vẻ đẹp mới.

Phần *Chung* kia, trước hết là chung cho các nghệ-sĩ và các nhà chế-tạo. Như ở cuối thế-kỷ XIX, tô-điểm cầu - kỷ là một tính-cách chung, ở lâu đài, chiếc bình, các hộp (Modern Style). Từ vài chục năm nay, xe hơi, máy bay quần áo... càng ngày càng đơn-giản và

(1) Có sự tương-đồng hiển-nhiên về Thể-tính, giữa những vật khác nhau, ở xe hơi, máy bay, kiến-trúc của Le Corbusier hay Wright, điêu-khắc của Henri Moore, họa-phẩm của Villon hay Manessier : Il existe une parenté stylistique évidente entre les formes des automobiles, des avions, des créations architecturales de Le Corbusier ou de Wright, des compositions sculpturales de Henri Moore ou des tableaux de Villon ou de Manessier (E. Souriau : Les Catégories historico-stylistiques).

thuần-nhã. Đồ gỗ mặt chạm trổ, vài lụa bột thêu thùa, nhà cửa nhẵn và thẳng, không còn đường ra nét vào hoặc đắp hình hoa lá ; những nhung-y lộng lẫy của giới quân-chính nhiều xứ, được thay bằng những đồng-phục gọn ghẽ trút bỏ tua, lon, ngù và hàng chàng bội-tinh. Văn cùng thơ đều bớt hoa-mỹ, và ngay đến các hình-ảnh bóng-bầy cũng bị những thi-nhân như J. Cocteau cực-lực đả kích (1). Đối với phần đông nghệ-sĩ hiện nay, tô-điểm là vương, thừa, giả dối, làm hại các Thê.

Thời-đại-tính mà nghệ-sĩ cảm thụ thâm-thiết, khi qua lăng-kính của mỗi tâm-hồn, không khỏi pha màu sắc cá nhân, nên tuy vẫn mang dáng vẻ chung lại hiện ra với biệt-thể, khiến tác-phẩm không lẫn với của ai hết. Chẳng khác nào cùng một chủng-tộc, cùng được nhận là người Việt-Nam bây giờ, mà diện-mạo của Ất không giống của Giáp. Thê-tính phải chứa phần Chung để giao cảm, nhưng còn phải độc-đáo như của Hóa-Công, mới có sáng-tạo là nghệ-thuật-tính thuần-túy.

Nhưng làm thê nào đạt-kết quả đó ? Ngoài những bí-quyết của sức mạnh gọi là thiên-tài, mà chưa ai giải thích nổi, có thể căn cứ vào những yếu tố khách-quan và thực-nghiệm để tạm giải đáp. Mỗi nghệ-sĩ đi tìm đường, thường phải dò dẫm lâu ngày mới thấy, và chỉ thấy, khi nào tới được một vài chú-ý đặc-biệt, giản-dị nhưng minh-xác và chí-thành. Tất cả nghệ-thuật của Léonard de Vinci gồm trong ý-niệm bóng-ráng Sfumato ; của Cé-

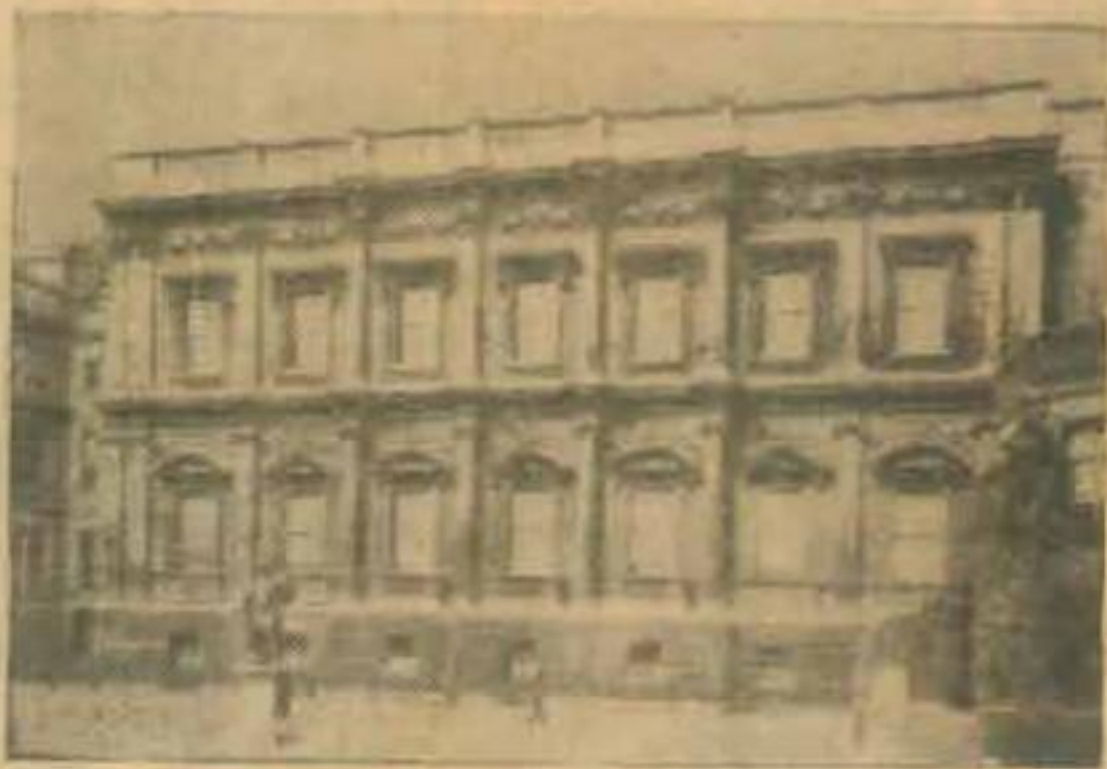
zanne, trong ý-niệm thu gọn mọi vật vào các hình nón hình ống hình cầu (tout ramener au cône, au cylindre et à la sphère) ; của Gauguin, là tính-cách bí-huyền ở màu sắc (le mystère de la couleur) của Buccioli là động-lực ào-ạt xô đẩy cuộc sống . . .

Chú-ý có sức nảy nở như vậy, phát sinh theo những điều - kiện nào, thì chẳng ai dám quyết. Tuy-nhiên, nếu dựa vào một số trường-hợp, thì thấy cần nhiều công-phu, và chữ « tìm tòi, recherches » đáng lẽ chỉ áp-dụng cho khoa - học, đã thành thông - dụng đối với nghệ-thuật. Tìm, tất phải nhìn, nghĩ, so sánh, cọ sát, và sự tương-phản tương - khắc thường làm nảy nguồn đẹp mới. Mục thước quá nghiêm-khắc của Cổ-Điền, đã gợi nhu-cầu giải-phóng của Lãng-Mạn, và sự buông thả quá chớn của nhóm này đã khiến Tao-Đàn trở về trang - trọng khách-quan ; và đôi lại Tả-Chân khô khan, đã thấy Tượng - Trưng lẫn xa thực-tế . . .

..

Muôn bao quát dễ dàng thê-tính của một thời-đại, các nhà mỹ-học và sử-gia nghệ-thuật thường hay căn cứ vào thê-tính và đặc-điểm của các

(1) Đã từ quá lâu, lối dùng hình-ảnh vì hình-ảnh làm hư hại cả thơ (Depuis longtemps, l'image pour l'image abîme la poésie : Jean Cocteau). Trong thơ, tôi không ưa những vẻ đẹp phong-phú quá rõ rệt (Je n'aime pas en poésie les richesses trop apparentes : Jules Supervielle).



xu-hướng trường-phái hơn là của mỗi nghệ-sĩ.

Song mỗi học-giả theo một cách phân chia để nhận định. Hegel chỉ thừa nhận có Tượng-Trưng (Symbolisme) Cổ-Điển (Classicisme) và Lãng-Mạn (Romantisme). Souriau công kích là thiếu sót mất cả nghệ-thuật Trung Cổ và nghệ-thuật Cận-Đông ; theo ông, thì cần bỏ khuyết, và kể đến cả nghệ-thuật Sơ-khai (Primitivisme) nghệ-thuật Thô-lỗ (Archaisme) Tà-chân (Réalisme) Thiên-nhiên (Naturalisme) Xác-thực (Vérisme). Nhưng thiết tưởng dù kể nhiều nữa, cũng vẫn chưa hết : tại sao bỏ quên Nghệ-thuật Ngày Mai (Futurisme), Siêu - Thực (Surréalisme) v.v... Và chẳng nêu xét tỉ-mỉ từng môn-phái, thì khó lòng thấy rõ thời-đại-tính, vì trong một giai-đoạn ngắn như tiền-bán thế-kỷ XX, đã thấy bao nhiêu nhóm khác nhau. Lập-Thể kèn cựa với Siêu-Thực Siêu-Thực lan tràn cùng Trừu-Tượng, không thể-tính nào tiêu biểu nổi cho 50 năm vừa qua. Cho nên cần có những phương-thức gì giản-dị hơn, để vượt lên trên các chi-tiết dị-biệt, mà dò ra các trạng-thái tương-đồng phổ-quát : đó chính là một khám-phá nữa của Focillon.

Theo tác-giả này, thể-tính ở nghệ-thuật xứ nào cũng trải ba thời-kỳ

biến cải : Cổ-Lỗ (Archaisme), Cổ-Điển (Classicisme) và Cầu-kỳ hay Phá-cách (Baroque). Ở thời-kỳ thứ nhất, các thể còn thô-sơ, cục-mịch, ngập ngừng giữa các tính-cách thiên-nhiên và nhân-tạo, chưa phát hiện được theo hướng rõ rệt (nặng người coi giống thân cây). Sau nhiều thí-nghiệm, các thể mới tới lúc trưởng thành, có quy-mô vững vàng để trường-tại, toàn-bị trong hòa-hợp (la plus haute convenance des parties entre elles) đây là thời-kỳ Cổ - Điển. Nhưng rồi Cổ-Điển mất dần linh - hoạt, chỉ còn trơ những cốt-cách khô - khan, vì bị hiểu như một mớ qui lệ cứng - nhắc, (Académisme). Nên trong nghệ - thuật nảy ra nhu-cầu thoát ly, bỏ tính sang động, vượt quá các mực thước, vẫy vùng tìm sinh-khí mới mà không ngại đi vào hướng lạ (Baroque).

Quan-điểm của Focillon được nhiều nhà mỹ-học chấp nhận, và sự tiến triển qua ba thời kỳ, được gọi là định-luật tam-thái (*loi des trois états esthétiques*). Và nếu theo định-luật này, thì dễ dò ra các hướng chính trong rừng sáng-tác, và mỗi xu-hướng đều có thể liệt vào một trong ba trạng-thái kể trên, loại bớt số danh-hiệu riêng biệt của hàng chục trường-phái.

Xù-xì nghệch-ngoạc chẳng phải là đặc-tính của tượng thái-cổ, nhưng

<— Một phần lâu đài Whitehall của Anh 1919 ; — Nhà Guarantee Building 1900 tại New-York ; — tượng Đức Bà ở Pháp thế kỷ XIII ; — tượng Quan-Âm của Tàu thế-kỷ XVI : đều cho cảm tưởng thăng-bằng, điều-độ và hòa-hợp.

còn thấy ở nhiều thể hiện-đại ; điêu-khắc của Brancusi có khi nhắc lại những tảng đá đục chạm (menhirs) từ trước hay đầu Dương - lịch. Nếu người xem không biết tên tác-giả cùng niên-đại và bắt-thần đứng trước những tác-phẩm kia, tất dễ lầm thể mới với thể cũ.

Bình ngọc, đỉnh đồng, án thư thời Đường, Tống, hay Minh, cũng cho cảm-tưởng tương-tự như kiến-trúc Cổ-Điển Hy-Lạp hoặc như đồ trang-trí Cổ-Điển của triều Louis XIV : bền vững trong thẳng-bằng, tinh-tề và trang-trọng, kích thước cùng ánh sắc dung hòa nhờ điều-độ, nghệ-thuật phản chiếu tâm-trạng bình-tĩnh khi lý-trí làm chủ được tình-cảm, nghệ-sĩ biết rõ mục-đích muốn đạt và đường lối cần theo. Như thế, và nếu chỉ dùng mắt và theo lòng mình, thì khán-giả hồn-nhiên sẽ thấy họa-phẩm gọi là « Tả thực » của Courbet, hay « Lập thể » của Villon, thực ra cũng có phong-cách và thể-tính Cổ-Điển.

Trái lại, khi tác-phẩm rung động khán-giả, độc-giả hay thính-giả, khiêu gợi những tâm-tình sôi nổi, cho cảm-giác là hình-sắc âm thanh chan chứa ra ngoài các qui-mô, hoa-mỹ đèn riêm rúa, tân-kỹ đèn bí-hiêm, thì dù môn-phái nào, ở thời hay xứ nào, cũng có thể thâu gọn dưới danh từ Phá-cách : phá-cách theo nghĩa thường của kiến-trúc-sư Le Bernin hay của họa-sĩ Rubens : phá cách theo nghĩa rộng của Lãng-Mạn (Romantisme) của Dã-Thú (Fauvisme) của Nghệ-Thuật

Ngày Mai (Futurisme) và các xu-hướng tự-do nhan nhản trong hiện-đại. Cột nhà có thể vặn vẹo như thùng, nét màu trên tranh cuộn cuộn như sóng, câu thơ lạc điệu mắt vẫn rền-rĩ hay la hét như gió bão, hình thù quái-dị biến ra rề cây vò sắt . . . có thể thấy ở thể - kỷ XVI và ở thể - kỷ XX, trong nhiều nghệ-thuật mang tên đặc-biệt do các nhà nghiên-cứu đặt ra.

Thành thử danh-hiệu đánh lừa và che khuất sự thực. Theo nghĩa chung vẫn được thừa nhận, Tượng-trưng là một xu-hướng ám chỉ bằng biểu-hiệu, gợi ra hơn là vạch rõ, mượn sự vật nọ để nói về sự vật kia. Song nếu vậy, thì-chẳng phải là phương-pháp riêng của phái Symbolisme ở cuối thế-kỷ XIX : rồng ở Tàu, sư-tử ở Chaldée, đại-bàng ở La-Mã đều thay cho sức mạnh quyền cao, và dùng tiếng ngai vàng để chỉ ngôi vua, là thói thường của các nhà văn thơ mọi thời mọi xứ. Tâm-tĩnh và tượng-tượng, hai đặc-tính của các tác-phẩm Lãng-Mạn, cũng chẳng thiếu tuy kín đáo hơn, ở nghệ-thuật Cổ-Điển, Tả-Thực, Siêu-Thực. La Fontaine làm thơ ngụ-ngôn, lấy súc vật mà kể chuyện con người, thì là Cổ-Điển hay Tượng-Trưng ? E. Souriau, tuy phân biệt 9 loại thể-tính, cũng phải nhận rằng trong nghệ-thuật này có cả tính-chất của nghệ-thuật kia, dù ở những thời rất xa nhau (1).



Thế-tính của một nghệ-sĩ đã thành công, thường dễ nhận. Song thế-tính của cả một thời-đại, nhiều khi rất khó xác-định.

Có những trường-hợp hầu như giản-dị. Nói về thế-tính Louis XV, là nghĩ tới các điểm chung ở nhiều tác-phẩm triều vua này; và khi Louis XVI lên ngôi, thì mọi đồ vật thông-dụng hoặc quý báu cũng đều đổi thế: cứ như vậy, đổi với bàn ghế, quần áo, nhà cửa...

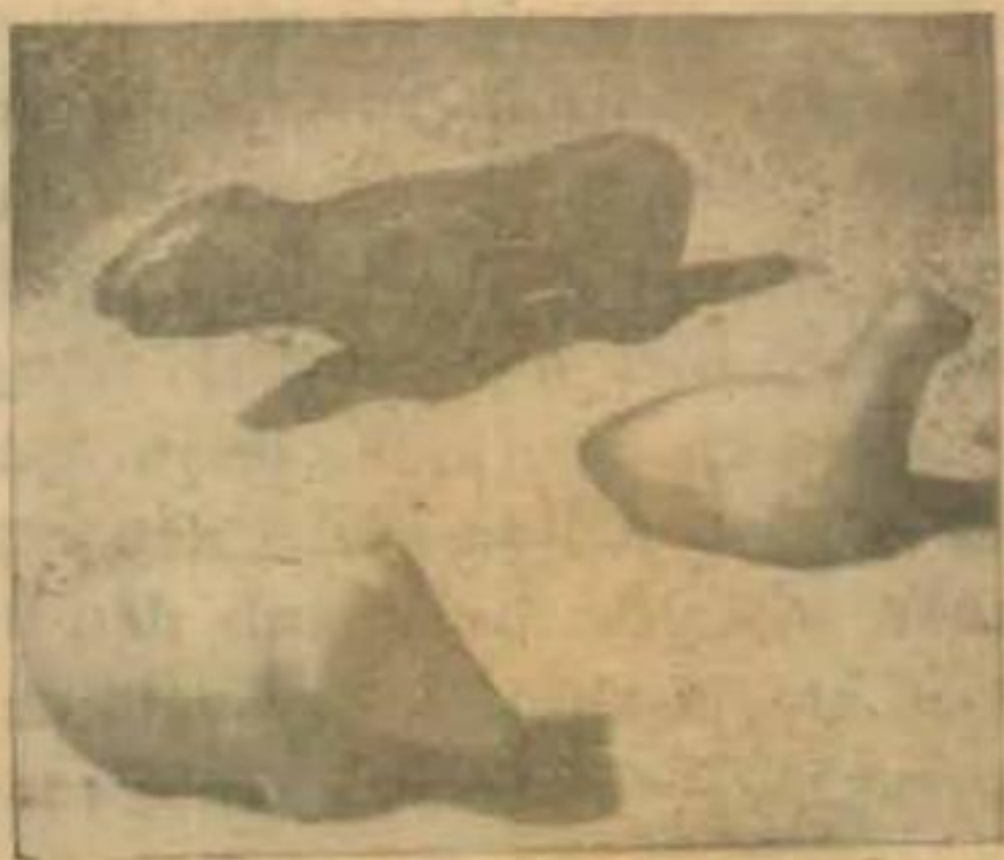
Song cũng có những thế-tính không lệ thuộc triều-đại. Triều-đại qua rồi, thế-tính vẫn còn mạnh mẽ. Louis XVIII, Charles X, Cộng-Hòa Đệ nhị, Nã - Phá - Luân III..., kế tiếp nhau từ 1815 đến 1870, mà tính-chất Lãng-Mạn vẫn nảy nở và lan tràn.

Nhất là khi rất nhiều thế với nhiều xu-hướng cùng phát hiện, thì thế-tính của thời-đại nằm trong thế nào và tùy môn-phái nào? Người viết sử sau này

— (1) Các tính chất Lãng-Mạn (thế-kỷ XIX) lại thấy phần nào ở thơ đời Louis XIII (thế-kỷ XVII) hoặc ở văn - chương Hy, La như của thi-sĩ Lucain. Bernini, Poppelman thuộc phái Phá-Cách chính-cống, song tính - chất phá - cách cũng thấy trong Thế « Gothique loè loet » (Les caractères du Romantisme se retrouvent en partie dans la poésie de l'époque de Louis XIII. De même, on peut découvrir des Romantiques dans la littérature gréco-latine (Lucain)... Bernini, Poppelman sont des Baroques; mais les caractères de leur style se retrouvent partiellement dans le Gothique Flamboyant. E Souriau — Catégories historico stylistiques).

không thể bảo rằng thế-kỷ này là thời Picasso, hay Mondrian, tuy các đường lối của những họa-sĩ này có ảnh-hưởng sâu rộng; vì còn biết bao nhiêu nghệ-sĩ và thế khác, hiện nay cũng nổi tiếng. Nghệ-thuật tiến tới giai - đoạn quá phức-tạp vì quá phong-phú, nên mọi cách phân loại và định danh đều vô hiệu, hoặc khiếm-khuyết, hay nghĩ cho cùng, chẳng cần thiết nữa. Tình-rạng này là kết-quả của quyền tự-do không bờ bến mà các nghệ-sĩ đòi hỏi, trong quan-niệm nghệ-thuật cũng như ở kỹ-thuật sáng tác. Ngán nào cá-nhân, ngán ấy thế-tính. Và ở phạm-vi rộng lớn hơn, thì ngay đến các dân-tộc-tính cũng biến cái vi pha trộn, giữa sự đột-phát và hỗn-hợp của mọi trào lưu xô đẩy nhân loại.

Ngoài ra, thế-tính ở thời xưa, vì ít cạnh - tranh nên dễ nổi bật và sống lâu: có bền thì về sau mới được thừa-nhận là của một thời đại. Song hiện nay, các thế nghệ-thuật và các thời-trang liên tiếp mau lẹ, đến nỗi chưa kịp phổ - biến rộng rãi thì đã bị thay đổi. Từ 1900 tới nay, biết bao nhiêu kiểu áo, bát đĩa, giường tủ, thế thơ và lối vẽ? Trong khoảng vài chục năm và ngay ở Việt - Nam, nhà xây theo sáu bảy kiểu, các đô-thị thành ra nơi tập hợp hỗn độn các loại kiến-trúc của cùng một thế-hệ nghệ-sĩ, kỹ-sư, và người hưởng-dụng. Chẳng nhân-vật nào, không tổ-chức nào còn dám nuôi hoài bão hoặc đủ uy-quyền vạch lệ chung cho các giới sáng-tác và kiến-tạo. Thế-kỷ không còn là quãng thời-gian có thế-tính



riêng. Nên rất đáng ngờ vực, mọi sự phân loại sau này của nhà nghiên-cứu nào còn nói về thể-kỹ XX như đã nói về thể-kỹ XVII.

Đứng về phương-diện thưởng-thức, lại càng phải tránh sự sắp xếp. Có những người thấy một mỹ-phẩm, thì quen thói hỏi ngay : thuộc môn-phái nào, và thể-tính gì, theo kiểu gì ? Như vậy là để hiểu biết từ nguồn gốc, không để tìm thú và hưởng đẹp (1) ; và sự hưởng thú lắm khi còn bị những kiện-văn sách vở xen lẫn mà ngăn chặn sự thông-cảm tương-giao giữa tâm-hồn và-ngoại-vật.

Đ. T.



Tôi đây, tác giả xin tạm ngừng loạt bài nói chuyện về Mỹ-học đã in dưới tiêu-đề *Tìm Đẹp*, ở B.K. từ số 124 đến 150 :

- Đẹp là gì ?
- Đẹp bên lề nghệ-thuật
- Đồ đạc
- Điêu-khắc hiện-đại
- Tổ điểm trong mỹ-nghệ
- Đẹp ở người.
- Ý niệm về Thể
- Các Thể nhân-tạo

(1) Bởi vậy, đã thấy chớm nở một quan-niệm mới về trang trí. Trước kia, đồ đạc trong một căn nhà hay căn phòng, phải thành bộ, hoặc cùng một kiểu một thời... Bây giờ, người ta có thể bày cạnh nhau những đồ thuộc nhiều kiểu ở các thời khác nhau, miễn sao gợi nổi cảm-tưởng nào và gây một bầu không khí nào thích-hợp với mình (*Les intérieurs tendent à se définir non plus par leur époque, mais par le climat que leurs possesseurs ont tenté d'y établir — Les cinq nouveaux langages de la décoration — Réalités No 207 — 4-1963*).

<— Những tượng vật và người ở phần trên đầu có những tính cách chung dễ nhận : chắt-phác và đơn-thuần. Song không phải là của cùng một trường phái hay cùng một thời đại : Gấu và Chim ở Scandinavie thời thượng cổ, trâu 1929 của nhà điêu-khắc Mataré, người múa của Tàu thế-kỷ thứ II trước Dương-Lịch — Ở dưới, tượng Siêu-thực nào chăng ? Người sắt của Tàu, thế-kỷ thứ II trước D. L. và hai người xi-măng 1949 của Arnold d'Altri. Đây là thời-đại-tính ?

MỚI PHÁT HÀNH

THƠ TRẮNG

Thơ của ĐỖ-TẤN

Tựa của VÕ-PHIẾN

Bìa do ĐINH-CƯỜNG trình bày

THỜI MỚI xuất bản

30 \$ 00

DÒNG SÔNG HỒNG

TÌNH YÊU VÀ TUỔI NHỎ

triều sao đại

Tôi quay về tuổi nhỏ cùng một con sông.
Một con sông chảy băng băng khắp vùng trí nhớ
Lời mẹ ru dặt dìu như con nước đỏ.
Lời mẹ ru còn xoáy mãi trong da
Bãi nắng chênh vênh đất lở cây già.
Tiếng sóng du đưa trong suốt thời tuổi đại
Mầu nước đỏ như mầu môi con gái
Tiếng sóng mơ hồ như giấc ngủ chiêm bao
Tiếng sóng hung tàn như mang nặng đẻ đau
Tiếng sóng chập chùng như những ngày bão lụt
Tiếng sóng vỗ đời mẹ con những buổi chiều hiu hắt
Tôi lớn lên bằng nhịp vỗ đưa
Đầu mình tay chân lớp lớp sương mù
Tôi cùng sóng như dòng sông cùng bãi lở.
Tôi mang con sông đi vào đời bờ ngõ
Tiếng sóng dầy tôi xa hoài quê hương
Tiếng sóng đặt tôi nằm trơ trọi dưới tình em
Vì xa lạ nên em chưa một lần cúi xuống
Tôi đã ngồi cô đơn trước công viên trường Đồng-Khánh
Nước sông Hương có phải nước sông Hồng
Nhịp mái chèo có phải tiếng sóng vỗ mênh mông
Sao cũng chẻ những giòng con thương nhớ
Tôi xa em như tôi xa dần tuổi nhỏ
Một tuổi nhỏ quấn quít với tre lau
Một tuổi nhỏ đắm dĩa bãi trước nương sau
Một tuổi nhỏ vật vờ như mây đêm tối
Tiếng sóng vỗ trong hồn tôi đau nhói
Tiếng sóng lừa gai ốc mọc trên da
Tiếng sóng gào khỏa lấp lời mẹ ru
Con sông chảy hiền ngang cùng đời sống
Con sông vô tình chẻ ra từng nhánh
Những khúc quanh, những bờ bãi, những đầu ghềnh
Những hân hoan, những tuyệt vọng, những cuộc tình
Tôi nhìn thấy con sông hùng hồ đến
Chỉ mình tôi ngồi giữa vùng nước lớn
Ôi quê hương ôi tuổi nhỏ chơi vơi
Lời mẹ ru trong trí nhớ ngậm ngùi

TRIỀU-SAO-ĐẠI
(Quảng-Trị)

BÁCH KHOA CLXIV

Thư biên

● *hoài hương*

*Nhỏ neo, từ già Kiên-Hòa
Ngước về phố cũ. Lòng ta nhớ mình
Sông dài, chiếc sóng linh đình
Gửi lòng biển rộng cảm tình bao la
Nặng buồn con nước phù sa
Dừa trên bến vắng lá già nhớ thương.
Thư xanh chấp mây đêm trường
Khó trao về đất trũng-dương thiết thời.*

Đóm sáng

*Nửa đêm được lệnh giang hành
Vẫy tay, thắm chúc châu thành ngủ yên.
Sao trời tỉnh giấc cô miên,
Trôi theo chiếc sóng về miền xa xăm.
Độc hành giữa khoảng tối tăm,
Ngoái nhìn đóm sáng, dăm dăm nhớ người.
Hỏi em, còn được nụ cười,
Rạng ngày ra bến, tàu xuôi mắt rồi !*

Rừng

● *tường linh*

*Lời mờ mắt hút trong cây
Mưa gieo từ những cánh mây cuối mùa
Đường lên thác vọng băng quơ
Không run rẩy bước mà ngỡ ngàn hôn
Thầy mình như đá cô đơn
Buồn vương nắng cuối chiều phơn phớt vàng
Con chim lạ vút qua ngàn
Bỏ sau núi cũ mây hoàng hôn xưa ?
Thêm đầy đo ánh cho Thơ
Lạc nhau hỏi đến bao giờ hỏi ai ?
Ngày vơi trong ý thu dài
Mẫu trăng châu thổ phai ngoài dặm quanh...*

cao nguyên

Cây trùng điệp bỏ xuống kia
Quán run gió vọng trời khuya vọng trời
Đèn soi phở với hồn tôi
Phở nghiêng trong khói hồn trời trong buồn
Em nằm một góc quê hương
Nhớ anh phiêu bạt trăm phương núi rừng ?

thu

Mùa thu em mặc áo chùng vai
Cổ tròn thon thon, da trắng đầy
Mùa thu đợi chờ anh chỉ thấy
Hàng cây cổ tròn vươn lên mây

...và đời sông

Đời sông không phải quán cà phê
Cho anh tự do thở khói tròn
Không phải môi em cười thành tiếng
Trên khuôn mặt còn vết trẻ con
Đời sông không phải cốc rượu bia
Anh uống khi hồn mang buồn về
Không phải những mắt nhìn bạn hữu
Trao nhau từ thừa hãy say mê
Đời sông không phải giọng hát sầu
Run trên môi người ca sĩ ho lao
Không phải nghìn sao nhìn nhấp nháy
Soi trên đầu anh như chiêm bao
Đời sông không phải những lần chờ
Em — khi mùa đang nghiêng mưa
Không phải những bài thơ tình ái
Anh làm một mình trong đêm khuya
Đời sông không phải là ước vọng
Trong hồn anh, trong cả đời anh
Nên gặp nhau anh chưa dám ngỏ
Nên tình yêu còn đó mong manh.

Từ thi đua hòa bình đến sống chung hòa bình !

Thời kỳ thứ ba

Thời kỳ thi đua hòa bình bắt đầu từ năm 1960 do Nga-Xô đề ra, được phần lớn các nước Cộng sản (kể cả Trung Cộng) hưởng ứng. Đó là một cuộc thi đua hòa bình giữa các nước cộng sản và tư bản trên mọi phương diện kinh tế, văn hóa xã hội. Hay nói cho đúng hơn thì theo chủ trương này, chiến tranh không còn phải là một phương tiện thanh toán lẫn nhau như ý muốn của Nga Xô và nhiều nước và đảng cộng sản khác. Họ lấy các tiêu chuẩn kinh tế, xã hội... mà các quốc gia tư bản đã đạt được trong một thời gian nào để xây dựng cho họ một kế hoạch nhằm đuổi kịp hay vượt các quốc gia tư bản đó trong một thời gian là bao nhiêu. Giữa các nước tư bản và cộng sản không hề có những giao ước thi đua. Nhưng nước nọ chỉ nhằm vào nước kia để liệu đường mà tiến. Khi đưa ra vấn đề thi đua hòa bình này, Nga đặt cho mình tiêu chuẩn sẽ vượt Mỹ trong vòng 7 năm, Trung Cộng sẽ vượt Anh về khối

lượng sản xuất thép, Tiệp Khắc sẽ vượt Pháp, Đông Đức sẽ vượt Tây Đức v.v... Chúng ta đều biết là sau một thời gian cố gắng sản xuất thép tới 18 triệu tấn một năm, Trung Cộng đành phải bỏ cuộc vì khối thép sản xuất ra chỉ có lượng mà không có phẩm, và lại sự thất bại của Trung Cộng trong vấn đề công xã nhân dân và sản xuất nông nghiệp đã làm cho các nhà cầm quyền Trung Cộng phải hướng tất cả mọi hoạt động vào công việc chống thiên tai, hạn hán, bảo vệ mùa màng. Hơn nữa từ khi Nga ngưng viện trợ cho Trung Cộng và gọi các chuyên viên về, nhiều nhà máy ngưng hẳn hoạt động, nhất là ở Thượng Hải và Thiên Tân, số thợ thất nghiệp rất nhiều. Trung Cộng phải dồn họ về đồng quê giúp vào công việc chống thiên tai, hạn hán, mức sản xuất sụt hẳn đi, không còn hy vọng gì, bất kịp Anh trong một thời gian ngắn. Người ta đã bắt đầu dè dặt hơn, không nêu những khẩu hiệu quá khích như : « Một ngày bằng 20 năm ». Ngoài ra, Trung Cộng đã bắt đầu lo ngại khi thấy Nga trong cuộc thi đua hòa bình với Mỹ

TỪ THI ĐUA HÒA BÌNH ĐẾN SỐNG CHUNG HÒA BÌNH

có xu hướng thỏa hiệp rõ rệt và mức sống của nhân dân Nga đã khá cao khiến người Nga sẽ dần dần đi vào con đường trưởng giả hóa (embourgeoisement) khác hẳn tính cách cách mạng lúc ban sơ mà Trung cộng tự hào là vẫn còn giữ được truyền thống (phải chăng là vì nhân dân Trung Cộng vẫn còn đói rách, có khi còn hơn cả những dân ở miền Đông Nam Á, nên mới có thể tự khoe là giữ vững được tinh thần vô sản).

Vì thế cho nên Trung Cộng đã bỏ vấn đề thi đua hòa bình để quay về đẩy mạnh phong trào sống chung hòa bình với các nước Trung lập thân Cộng. Làm như vậy Trung cộng vừa giữ được vai trò lãnh đạo, vừa cảm chân được Nga không để cho đi quá xa trên con đường trưởng giả hóa mà quên mất nhiệm vụ của mình đối với các nước Cộng sản anh em và các nước « dân tộc chủ nghĩa ».

Nay ta hãy thử xét xem Nga đã đặt vấn đề « thi đua hòa bình » (Compétition pacifique) như thế nào ? Khi đặt vấn đề này cả Nga Xô lẫn Tây phương đều nhằm vào các nước thuộc lực lượng thứ 3, bên nào cũng muốn chứng minh sự hơn hẳn của chế độ mình, bên thì khoe khoang những đức tính của tự do kinh doanh, bên thì đề cao nền kinh tế kế hoạch hóa. Trước kia nhiều người đã nghi ngờ không biết nền kinh tế này có đưa đến đâu không, mãi đến khi Nga chiến thắng Đức và sau này kiến thiết kinh tế nhanh chóng người ta mới bắt đầu thấy rằng nền kinh tế có kế hoạch của Nga cũng đã có những ưu điểm thực sự. Nhiều kinh tế gia Tây phương đã phải phân vân tự hỏi : « Nền kinh tế kế hoạch hóa của Nga

Xô tuy có vẻ vô nhân đạo hơn, nhưng nó có vẻ hữu hiệu hơn. Vậy thì có nên theo gương Nga Xô mà thực hiện những công cuộc kế hoạch hóa quốc hữu hóa không ? » Khi Khrouchtchev đưa ra vấn đề thi đua hòa bình, ông đã long trọng hứa với dân chúng Nga là trong vòng 10 năm sẽ bắt kịp và vượt Mỹ về phương diện sản xuất và cũng sẽ vượt Mỹ về mức sống của nhân dân. Câu nói này có lẽ làm cho dân chúng Nga giật mình (vì họ sẽ phải nai lưng ra làm việc trong 10 năm nữa) và Mỹ cũng phải giật mình lo bị Nga bắt kịp. Khrouchtchev đã căn cứ trên những tiêu chuẩn nào mà dám đặt ra một mức thi đua táo bạo như vậy ? Chương trình 20 năm nằm trong kế hoạch mới của đảng cộng sản Nga đã đặt ra những tiêu chuẩn sau :

Trong lãnh vực kỹ nghệ — Tăng gia khối lượng sản xuất kỹ nghệ lên hai lần $1/2$ trong 10 năm đầu (1960 — 1970) và sau 10 năm đầu đó sẽ bắt kịp và vượt qua mức sản xuất của Hoa-Kỳ.

Trong vòng 20 năm (1980) khối lượng sản xuất kỹ nghệ sẽ tăng hơn ngày nay tới 6 lần và sẽ vượt hẳn Hoa-Kỳ.

Trong lãnh vực nông nghiệp. — Trong 10 năm đầu mức sản xuất nông nghiệp tăng 2 lần $1/2$, và vượt Hoa kỳ trong việc sản xuất tính theo đầu người về những loại ngũ cốc chính ; Năm 1980, mức sản xuất nông nghiệp tăng lên 3 lần rưỡi.

Về phương diện lợi tức quốc gia. — Tăng 2 lần $1/2$ trong 10 năm và 5 lần trong 20 năm. Như vậy là lợi tức tính theo đầu người sẽ tăng hơn 3 lần $1/2$ sau 20 năm.

Vậy theo chủ trương của Đảng Cộng Sản Liên Xô, tỉ lệ tăng hàng năm như sau :

TÂN PHONG

	10 NĂM ĐẦU	10 NĂM SAU
Sản xuất kỹ nghệ	9,6 %	9,3 %
Sản xuất nông nghiệp	9,6 %	3,5 %
Lợi tức quốc gia	9,6 %	7 %

Đối với vấn đề lợi tức quốc gia, ta thấy sự phát triển trung bình trong 20 năm là 8,3. Con số này nhỏ hơn con số hồi hậu chiến cũng do Nga Xô đưa ra (10,70%). nhưng cao hơn con số do các nguồn tin Tây phương ước lượng đưa ra (75%). Căn cứ vào những chỉ số đó, và cũng căn cứ vào những chỉ số phát triển của nền kinh tế Hoa kỳ, Khrouchtchev dự tính một chương trình bắt kịp nền kinh tế Hoa kỳ trong một thời gian ngắn. Chúng ta có thể tính toán để đưa đến những giả thuyết sau:

— Tổng số lợi tức của Nga Xô năm 1960 = 50 % lợi tức của Hoa kỳ.

— Lợi tức tính theo đầu người của Nga năm 1960 = 45 % lợi tức tính theo đầu người của Hoa kỳ.

— Chỉ số phát triển lợi tức Nga Xô là 9,6% trong 10 năm đầu sẽ hạ xuống 7% trong 10 năm sau.

— Chỉ số phát triển của lợi tức Hoa kỳ: 3% mỗi năm.

— Chỉ số phát triển dân số: 1,5% chung cho cả hai nước người ta sẽ đi đến một kết quả sau đây:

(1) Xem politique étrangère 262. trang 178

THỜI HẠN BẮT KỊP	Giả thiết: Lợi tức Nga Xô tăng 9,6 % hay 7% mỗi năm	Giả thiết II Lợi tức Nga Xô tăng 7% mỗi năm
Lợi tức tổng hợp Hoa-Kỳ 1960	8 năm	11 năm
Lợi tức theo đầu người Hoa - Kỳ 1960	15 năm	17 năm
Lợi tức tổng hợp Hoa Kỳ vào 1970	11 năm	10 năm
Lợi tức theo đầu người Hoa-Kỳ 1970.	14 năm	20 năm
	để bắt kịp Hoa-Kỳ	để bắt kịp Hoa-Kỳ

(1) Xem politique étrangère 2/62 trang 178.

Người ta đi đến kết-luận là « sự bất kịp thực sự » sẽ thực hiện sau 14 hay 20 năm nữa, 14 năm theo giải-pháp của Nga, 20 năm theo sự ước đoán của Tây-phương căn cứ trên những chỉ số có thể tin được do Nga đưa ra.

Kết luận đó xem ra có vẻ táo bạo và thiếu căn bản.

Những tiêu chuẩn hai bên đưa ra đều không giống nhau. Nếu Hoa-Kỳ và các quốc-gia Tây-phương khác, căn cứ vào yếu tố cá nhân để xác định những tiêu chuẩn về sản-xuất và tiêu thụ, thì Nga-Xô và các nước Cộng-Sản khác đều căn cứ vào yếu tố tập thể. Ví dụ : nếu Hoa-Kỳ nghĩ đến việc cho mỗi người dân một chiếc xe hơi, thì Nga-Xô dự định phát-triển cực độ việc chuyên chở công cộng, chẳng hạn như thành lập những trạm để xe cho thuê, ai muốn thuê cũng được, cứ việc đến mà lấy và chỉ phải trả một giá rất hạ. Làm thế, Nga-Xô vừa nâng cao mức sống mà không lo đi ngược lại nguyên tắc công hữu của chế độ vô sản. Để thỏa mãn những nhu-cầu tương-tự, những tiêu chuẩn do Mỹ và Nga đưa ra cố nhiên là khác nhau. Một thí dụ nữa về máy vô-tuyến truyền-hình, Mỹ có xu hướng cung-cấp cho mỗi người hay ít nhất mỗi gia-đình một máy điện-thị (cung cấp đây là theo nghĩa thị trường tiêu thụ), trong khi ở Nga-Xô máy vô-tuyến điện thị thường chỉ đặt ở những câu lạc-bộ, những quán ăn cho từng nhóm người xem, tính sao cho vài người có thể được hưởng một máy vô-tuyến điện thị; chỉ có những nhân-viên cao cấp của đảng và nhà nước Liên-Xô là được hưởng những chiếc xe hơi riêng, những ngôi nhà riêng và những máy điện thị riêng mà thôi. Mà họ

cũng chỉ được hưởng với tư cách đó. Chẳng nào họ không còn giữ những nhiệm vụ đó nữa, họ cũng chỉ được coi như những người công dân Xô Viết khác mà thôi.

Với những tiêu chuẩn khác nhau như vậy, làm sao có thể nói đến việc bất kịp và vượt nhau. Nếu theo tiêu chuẩn cá-nhân của Mỹ nhằm sự đầy đủ cho mỗi người công-dân, có lẽ còn lâu lắm, Nga mới bất kịp Mỹ. Nếu theo tiêu chuẩn xã-hội của Nga, thì có lẽ chỉ trong 10, 15 năm nữa là Nga có thể bất kịp Hoa-kỳ, nhưng bất kịp theo kiểu đó thì nhất định là Hoa-kỳ chưa cho là bất kịp.

2) Nếu chỉ căn cứ vào Hoa-kỳ và Nga thì nhất định là Hoa-kỳ phát triển chậm hơn Nga. Điều đó cũng dễ hiểu : vì Hoa kỳ đã tiến tới một trình độ phát triển rất cao, với một mức sống rất cao. Nay nhích lên một chút cũng đã thấy khó khăn rồi. Còn Nga là một nước cách đây chừng 40 năm vừa thoát ra khỏi tình trạng chậm tiến lại chịu sự tàn phá ghê gớm của cuộc đại chiến thứ 2, vẫn đề phát triển gấp rưỡi hay gấp bội cũng không khó khăn gì lắm vì tất cả đều phải làm lại và xây dựng lại từ một mức rất thấp. Nhất là ở Trung-Cộng người ta đã đưa ra những chỉ số sản xuất cao hơn Nga nhiều vì ở Trung-Cộng tất cả đều bắt đầu từ 0, ví dụ người ta những chỉ số 1000 lần hay 1500 lần hơn trong khi Nga chỉ đưa ra những chỉ số chừng 200% thôi. Vậy nếu xét theo chỉ số thì khối cộng hơn khối tự do nhiều, nếu xét theo khối lượng thì khối tự do lại hơn khối cộng nhiều. Nay ta hãy thử so sánh chỉ số sản xuất của Nga và của một nước tự do khác ở Âu-châu cũng ở trong tình

TÂN PHONG

trạng kiến thiết và phát triển mạnh như 1958, ta sẽ thấy 2 chỉ số đó sắp sỉ nhau
Nga (Tây-Đức), căn cứ vào sự phát triển chứ không khác xa như giữa Hoa-kỳ và
trung bình hàng năm từ 1950 đến năm Nga-Xô.

	NGA XÔ	TÂY ĐỨC
Kỹ-nghệ	12,0 %	12,4 %
Canh-nông	5,5 %	4,3 %
Xây-dựng	13,3 %	9,8 %
Lợi tức quốc gia	10,7 %	9,7 %

Nếu đem so sánh tỉ số phát triển kinh tế và lợi tức quốc gia của Nga-Xô với nhiều nước tự do khác như Ý và Nhật chẳng hạn, chỉ số cũng không khác xa nhau lắm như giữa Hoa-kỳ và Nga Xô. Và lại muốn cho không sai lạc lắm, ta phải so sánh chỉ số phát triển của khối tự do và

của khối các nước Cộng sản chứ không thể chỉ so sánh chỉ số phát triển qua hai nước đứng đầu hai khối mà thôi.

Ví dụ so sánh khối lượng sản xuất thép từ năm 1951 đến 1960 giữa các nước Cộng sản, không Cộng sản và Tây Phương ta sẽ thấy: (1).

	TÍNH TRIỆU TẤN THÉP		CHỈ SỐ 1960
	1951	1960	CHỈ SỐ 1961 = 100
Bắc Mỹ	98,6	95,2	97
(Riêng Hoa Kỳ)	(95,4)	(90,0)	(94)
Tây Âu	58,1	108,5	186
(Riêng khối thị trường chung)	(37,7)	(12,8)	(193)
Những nước không C. S. khác	12,6	36,2	288
(Riêng Nhật Bản)	(6,5)	(22,2)	(341)
Tổng cộng các nước không Cộng sản	169,3	239,9	142

(Xin xem tiếp bản bên (nối tiếp))

(1) Trích trong Politique Etrangère 2/62 tr. 182

TỪ THI ĐUA HÒA BÌNH ĐẾN SỐNG CHUNG HÒA BÌNH

	TÍNH TRIỆU	TẤN THÉP	CHỈ SỐ 1960
	1951	1960	CHỈ SỐ 1961 = 100
Nga Xô và Đông Âu (Riêng Nga Xô)	41,3 (31,4)	85,6 (65,0)	207 (207)
Trung Cộng	0,9	18,5	190
Tổng cộng các nước Cộng sản	42,2	104,1	246
Tổng cộng toàn Thế giới	211,5	344,0	163

Nhìn vào bảng trên ta thấy có mấy nhận xét sau cần nêu lên.

1) Nếu ta chỉ so sánh Hoa Kỳ và Nga Xô thì trong vòng 10 năm, sản lượng thép của Nga Xô đã tăng hơn gấp đôi, còn sản lượng của Hoa Kỳ lại thụt lùi 6%. Cho dù vào năm 1961, tất cả các nhà máy thép Hoa Kỳ đều hoạt động đầy đủ chẳng nữa, sản lượng thép cũng chỉ lên tới 129.000.000 tấn là cùng, chỉ số 135 vẫn còn thua xa Nga Xô tuy rằng khối lượng gấp đôi.

2) Nhưng nếu đem so sánh sản lượng thép của Xô Viết và của khối thị trường chung chẳng hạn thì ta thấy hai chỉ số đã sắp xỉ nhau: 193 và 207 tuy rằng sản lượng của phe Thị Trường Chung có trội hơn: 72,8/65. Nếu lại đem so sánh với Nhật Bản thì chỉ số của Xô Viết còn thua kém hơn Nhật: 341%. Nga Xô: 207% tuy vì khối lượng thì Nhật còn kém xa: Nhật 22,2, Nga Xô: 65.

3) Nay muốn cho hợp lý hơn, ta hãy đem so sánh chỉ số sản xuất của cả khối Cộng và của cả khối không Cộng ta sẽ thấy

chỉ số của khối không Cộng là 142, còn chỉ số của khối cộng lên tới 246, tuy về khối lượng thì các nước không cộng sản xuất thép gấp hơn 2 lần (2,3). Riêng về Trung-Cộng từ khi đạt được mức 18,5 triệu tấn, thì sản xuất đã thụt lùi vì thiếu nguyên liệu cũng có, vì công nhân phải dồn vì đồng ruộng để chống hạn cũng có, vì Nga-Xô cúp viện trợ và rút chuyên viên về cũng có. Hơn nữa trong số 18,5 triệu tấn kia chỉ có một số lượng nào chế tạo ở các nhà máy đúc thép tối tân là đúng tiêu chuẩn, còn những thứ thép sản xuất ở các công xã nhân dân đều là những thứ gang tồi, còn phải đúc lại mới có thể sử dụng được.

Vậy khi nói « thi đua hòa bình » mà chỉ nói tới Nga và Mỹ không cũng không đúng, chỉ nói tới những chỉ số không cũng không đúng. Cần phải đem so sánh khối lượng sản xuất của cả 2 bên.

Về lợi tức nhân dân tính theo đầu người cũng vậy, nếu chỉ tính chỉ số của riêng Nga và Mỹ thì Nga mới chỉ là 45% của Mỹ và hy vọng có thể bắt kịp Mỹ trong vòng

20 năm. Nếu đem so sánh chỉ số của cả khối Cộng và cả khối Tự do thì ôi thôi, không biết bao giờ mới bắt kịp! Trung-Cộng tuy có cố gắng vượt bực nhưng mấy trận hạn hán vừa qua đã làm đảo lộn nền kinh tế khiến nước này phải nhập cảng hàng triệu tấn gạo. Nền sản xuất nông nghiệp cũng bị ảnh hưởng theo và mức sống của nhân dân không nâng cao lên hơn trước được chút nào khiến Trung-Cộng vẫn còn bị liệt vào loại các quốc gia chậm tiến. Vậy xét về lợi tức tánh theo đầu người, khối 700 triệu người sống lam lũ kia đã làm cho khối Cộng Sản ít có hy vọng bắt kịp khối Tự Do. Nhưng nền kinh tế Trung Cộng vẫn có nhiều khả năng phát triển mạnh vì dân số đông đúc (1/4 thế giới) lại cần cù nhàn nại, nguyên liệu dồi dào, vả lại cũng đã có nhiều cơ sở sản xuất tối tân sẵn có. Tuy thời kỳ lùi bước ngày nay chỉ là một thời kỳ tạm thời nhưng cái ngày mà Trung-Cộng có thể bắt kịp các nước Tự do về mức sinh hoạt tính theo đầu người và mức sản xuất tối tân hiện tại của các nước Anh Pháp Mỹ Đức cũng còn xa lắm. Phải hàng dăm bảy mươi chục năm là ít chứ không phải chỉ độ 15, 20 năm như Nga Xô. Ấy là nói Trung-Cộng cứ cắm đầu vào kiến thiết hòa bình trong một thời gian lâu dài mới được. Nếu cứ tiếp tục chằm mồi lửa chiến tranh ở mọi nơi, thì nền kinh tế chắc chắn sẽ còn gặp nhiều khó khăn trở ngại. Nhưng xét cho đúng thì Trung-Cộng là một nước mà cách mạng còn đang sôi nổi, cuộc đấu tranh giai cấp còn đang gay gắt, tình trạng cách mạng và chậm tiến đó khiến cho Trung Cộng gần các nước Á Phi hơn là Nga Xô. Do đó mà Trung Cộng chủ trương cách mạng giải phóng trước đã rồi mới kiến

thiết kinh tế sau. Trung Cộng trách Nga là đã bỏ rơi các nước chậm tiến mà chỉ chú trọng thi đua hòa bình với Mỹ. Biết là mình không thể thắng nổi dù là trong một phần nào trong cuộc thi đua hòa bình đó, Trung Cộng đã quay sang một hướng khác, kích động các nước chậm tiến Á Phi để tranh đấu giành lấy cái mà họ gọi là « độc lập kinh tế » trong tay bọn « đế quốc » đứng đầu là « đế quốc Mỹ. Đi theo hướng này họ sẽ là nước lãnh đạo, đi theo hướng kia, họ chỉ là nước theo đuôi. Họ không đặt vấn đề thi đua hòa bình với các nước tư bản, nhưng họ cũng phải cố gắng nâng cao mức sản xuất để thỏa mãn một phần nào nhu cầu trong nước và nhất là để có phương tiện quấy rối các nước Á Phi.

Trong cuộc tranh chấp lý tưởng giữa họ và Nga Xô, điểm mà họ nhấn mạnh hơn cả là vấn đề này. Theo Trung Cộng thì chỉ có thi đua hòa bình giữa các nước Cộng Sản anh em và các nước dân tộc chủ nghĩa Á Phi trên con đường kiến thiết. Nhất định không thi đua hòa bình với các nước tư bản. Đối với các nước này, quan hệ chính là quan hệ đấu tranh. Theo họ đấu tranh không nhất thiết phải là chiến tranh, đấu tranh chỉ nhằm mục đích làm giảm thế lực của tư bản chủ nghĩa và đế quốc chủ nghĩa, bằng cách gây sự đoàn kết chặt chẽ giữa các lực lượng cách mạng và nhân dân quần chúng bị áp bức. Trái với lời tuyên bố của Chu Ân Lai, Trung Cộng đã dùng phương pháp quấy rối, bạo động để làm sáo trộn tình hình ở Đông Nam Á. Họ làm như vậy cũng là cốt để cho thế giới biết rõ sự cần thiết của họ trên và đòi quốc tế Còn theo Nga Xô, tuy vẫn chủ trương

TỪ THI ĐUA HÒA BÌNH ĐẾN SỐNG CHUNG HÒA BÌNH

nâng đỡ, ủng hộ cuộc tranh đấu cho các dân tộc nhược tiểu giành độc lập, nhưng vì đã có chỗ ngồi vững chắc ở Liên Hiệp Quốc nên luôn luôn muốn sử dụng đến những phương pháp hòa bình để giải quyết.

Khi đã dùng đến những phương pháp hòa bình tất nhiên là phải nghĩ đến việc thỏa hiệp với các nước Tây phương trên một số vấn đề nào đó. Đó là điều mà Trung Cộng phải làm một cách bất đắc dĩ (như vụ thỏa hiệp ở Lèo : Trung và Việt cộng thì muốn tung quân ra nuốt sống Ai-Lao, nhưng thái độ Nga thì có vẻ thành thực muốn bảo vệ hòa bình và Trung lập ở Ai Lao hơn). Do đó mà trong nhiều vấn đề, Nga Xô đã đi đến chỗ thỏa hiệp với Mỹ trước cái nhìn giận dữ của Trung Cộng. Mặc dầu Nga đã giải thích hết lời (như ở vụ Cuba), Trung Cộng đã coi không hơn không kém Khrouchchev như một kẻ đầu hàng nhục nhã trước sự dương oai diễn võ của Hoa Kỳ. Rồi mỗi khi Nga hay Mỹ phóng thành công một phi thuyền không gian vào quỹ đạo trái đất, hai bên không hết lời ca tụng nhau trước cái nhìn khó chịu của họ Mao. Có những phi thuyền không gian đó kể ra cũng vẻ vang cho phe Cộng Sản thực, nhưng nếu để số tiền đó vào việc nâng đỡ kinh tế các nước Cộng Sản anh em khác (ám chỉ họ) hoặc các nước Á-Phi thì có lẽ còn có ích lợi hơn nhiều. Tuy các nhà lãnh đạo Trung Cộng có thể nghĩ như vậy nhưng không dám nói rõ ra, vì họ cho rằng đó cũng là một cách để cho Nga Xô tỏ ra đã hơn Mỹ về một phương diện nào. Chính Trung Cộng ngày nay cũng đang dự bị thử vũ khí nguyên tử ở vùng sa mạc Tây Bắc. Nhưng đối với những thành tựu khoa học của Mỹ,

Trung Cộng không bao giờ nói tới hay có nói tới chăng nữa thì cũng coi là một dụng cụ chiến tranh của « đế quốc Mỹ » nhằm tàn sát nhân loại.

Thực ra, mục đích thi đua hòa bình của Nga Xô không phải là một xu hướng hữu khuynh tiến gần lại các nước tư bản. Nó biểu lộ tâm trạng của người dân ở các vùng Cộng Sản (Nga Xô và Đông Âu) ngày nay cũng khao khát tiến tới một đời sống no ấm và đầy đủ tiện nghi. Đời sống đầy đủ của các nước Tây phương về phương diện vật chất làm cho họ thêm khát. Các nhà cầm quyền Xô Viết muốn xoa dịu những nổi bất bình trong nhân dân để giữ ngọn lửa cách mạng nên đã phải đặt ra vấn đề « thi đua hòa bình » để cho họ tin tưởng và hy vọng. Trong số các cán bộ và các đám người khá giả, nhiều người cũng đã đạt được mức sinh hoạt của các nước Tây phương. Nhưng đại đa số quần chúng còn xa mới đạt được mức đó. Nhiều người còn nhìn theo những chiếc xe hơi riêng bằng một con mắt thèm muốn. Đó cũng là một lý do khiến cho Đông-Đức xây bức tường Berlin. Các nhà cầm quyền Cộng Sản không muốn cho dân chúng Đông Berlin hàng ngày trông thấy cảnh huy hoàng thịnh vượng diễn ra trong vùng Tây Berlin. Hiểu rõ ý định đó, các nhà cầm quyền Tây Berlin đã khuyến khích dân chúng vùng này lợi dụng một khoảng đường được đi qua Đông Berlin để ùn ùn cho xe chạy vào khiến cho dân Đông Berlin đứng xem phải thêm thường (1). Tất cả những cái đó khiến các nhà cầm quyền Nga nghĩ rằng phải làm thế nào cho dân các nước Cộng Sản có một mức sống ít nhất là ngang bằng nếu không

(1) Xem ảnh Paris Match số tháng 5 63

phải là hơn mức sống của các nước Tây-Phương. Tiêu chuẩn của cộng sản đưa ra có khác các nước Tây-Phương. Tại các nước Tây - Phương, thị trường là thị trường tự do phát triển tùy theo nhu cầu của người tiêu thụ. Người tiêu thụ ở Hoa-Kỳ hay ở Tây-Âu, đều là những cá nhân có những nhu cầu phức tạp (chứ không phải là những đơn vị tập thể như ở Nga-Xô). Những nhu cầu đó chỉ được thỏa mãn khi mỗi cá nhân đều có đầy đủ tiện nghi như nhà ở riêng, xe hơi riêng, tất cả mọi thứ đều riêng cả. Mỗi người đều hưởng theo ý riêng của mình và không ai có quyền hạn chế (chỉ có đồng tiền mới có quyền hạn chế). Đối với các nước tư bản, số giờ làm việc của công nhân chỉ có thể giảm tới một mức nào thôi, nếu giảm nhiều quá thì sẽ có hại cho giới chủ. Tuy họ được hưởng mức sống cao, nhưng họ cũng phải làm việc nhiều, tối thiểu cũng là tuần lễ 40 giờ. Còn Nga-Xô thì lại khác, là một nước theo xã hội chủ nghĩa, nên vấn đề thất nghiệp không đặt ra. Ngày nay, số giờ làm việc có thể là 48 giờ hay hơn nữa. Nhưng ngày mai, nếu cơ khí phát triển, ít phải dùng đến nhân công hơn, họ sẽ chia ra làm nhiều kíp hơn để có thể giảm giờ làm việc xuống còn 36 giờ một tuần hay ít hơn nữa. Đó là một viễn vọng mà tất cả thợ thuyền Nga đều mơ ước và các nhà cầm quyền Cộng Sản đã khôn khéo hứa với họ để bắt họ phải làm việc như trâu ngựa trong hiện tại. Họ mơ ước trong tương lai sẽ có nhiều thời giờ để đọc sách ở thư viện, tập dượt ở những sân vận động tối tân, có những nhà ở cao ráo sạch sẽ trong một khu vực gồm đủ tiện nghi. Khi cần đến xe đi chơi chỉ cần đến một trạm xe xin ticket lấy một cái xe

ra sử dụng, khi nào không cần nữa sẽ đem trả lại trạm, không phải lo vấn đề sửa chữa, giữ gìn, họ sẽ được rảnh tay hơn và lúc nào cũng có xe đi. Máy điện thị, máy thu thanh ở bất cứ chỗ nào cũng có, sử dụng giờ nào cũng được. Trong khi người dùng cái máy này thì người kia sử dụng cái khác. Làm như vậy nhà cầm quyền Nga-Xô vừa giải quyết được những nhu cầu càng ngày càng tăng của dân chúng, vừa gạt bỏ được óc tư hữu có thể nảy nở ra trong đầu óc họ. Họ cho rằng khi nhà nước đã cung cấp đầy đủ cho cả rồi thì cần gì phải có của riêng. Của riêng chỉ là một thứ gì cũng kèngh vô ích, đặc biệt của xã hội tư bản. Căn cứ vào tiêu chuẩn tập thể và cũng rất hợp với lý tưởng Cộng Sản đó, Nga-Xô hy vọng bắt kịp Hoa-Kỳ trong vòng 14 năm. Thành ra vấn đề thi đua hòa bình đối với các nước Đông-Âu (kể cả Nga-Xô) là một vấn đề rất quan trọng. Nếu thi đua không thắng lợi với các nước tư bản thì chủ nghĩa Cộng Sản không những không lan tràn được ra các nước Tây-Âu mà còn phải lùi bước ngay ở sau hậu tuyến của họ nữa. Vậy vấn đề thi đua hòa bình của Nga-Sô đối với các nước tư bản là một vấn-đề chính-trị nằm trong chiến lược chung của Cộng Sản chinh phục thế-giới. Nó là một hình-thức mới của chủ - nghĩa Staline. Nó cũng chỉ là thực-hiện những điều mà Lénine mong muốn trong hoàn-cảnh lịch-sử mới của vũ khí hạnh nhân và vệ tinh nhân tạo. Nó là một vấn đề sống còn đối với Cộng-Sản Nga và Đông Âu. Nhưng đối với Trung-Cộng thì nó lại là một vấn-đề chưa cần thiết. Dân Trung Hoa đã quen với đè nén áp bức, quen với những cảnh sống cơ cực, chỉ cần nâng cao

TỪ THI ĐUA HÒA BÌNH ĐẾN SÔNG CHUNG HÒA BÌNH

mức sống một chút được ăn no mặc ấm là đã thỏa mãn lắm rồi. Họ lại tin tưởng một cách gần như mù quáng vào các nhà lãnh đạo của họ, bảo sao họ vui lòng dồn hết sức lực khổng lồ của 700 triệu con người để làm như vậy. Họ vẫn còn đang ở trong thời-kỳ cách-mạng sôi nổi, sẵn-sàng hy sinh mà không đòi hỏi gì nhiều. Vấn-đề ở Nga-Xô và ở Trung-Cộng đặt ra khác nhau như vậy nên hai bên khó lòng dung hòa được quan điểm mặc dầu cả hai đảng đều có thiện chí muốn xích lại gần nhau hơn vì lợi ích của khối Cộng Sản nói chung, vì sự xích mích Nga Hoa đã gây chia rẽ trầm-trọng trong khối, phe Thân Nga và phe thân Trung-Cộng cãi nhau inh-ỏi, mỗi phe đều cho là mình Mác-xít-Leninit hơn ai hết, và vì sự lợi-ích của từng nước nói riêng, vì Nga-Xô nếu không bị Trung-Cộng thọc gậy bánh xe thì sẽ dễ dàng mặc cả với Mỹ hơn, và Trung-Cộng nếu được Nga giúp đỡ sẽ kiến-thiết kinh-tế dễ dàng hơn.

Cuộc tranh chấp gọi là lý - tưởng đó (différend idéologique) nhưng thực ra đã được thúc đẩy ở đằng sau bởi những quyền lợi quốc-gia của hai bên. Quyền lợi quốc-gia của Nga Xô bắt buộc nước này phải đi sâu vào cuộc thi đua hòa-bình với Mỹ. Còn quyền-lợi quốc-gia của Trung-Cộng ngày nay là phải củng cố thế lực của mình bằng cách phát-triển ảnh-hưởng ra ngoài trong vùng lục-địa Á Phi, thực hiện chung sống hòa-bình tích-cực với các nước này.

Điều mà chính Khrouchtchev ngày nay cũng phải lo ngại là trong cuộc thi đua hòa bình, dân chúng Nga dần-dần nghĩ đến tiện nghi nhiều hơn và các cán bộ mới thuộc phái trẻ cũng có xu hướng khuynh hữu nhiều

hơn. Họ cũng muốn được hưởng một đời sống vật chất như Tây-phương, nhất là những người nào đã xuất ngoại thì lại càng khao khát được hưởng tự do như các nước Tây phương. Vừa rồi Khrouchtchev đã phải lên tiếng đã kích nhóm nhà văn trẻ cho là họ có những quan niệm sai lầm về tự do và có xu hướng hưởng lạc. Nhóm đối lập của Khrouchtchev thuộc phái Cộng Sản kỳ cựu muốn theo đường lối khắc khổ của Staline cũ, nhóm này đồng ý với Bắc Kinh và cho là Khrouchtchev vì quá phóng túng tự do nên mới để xảy ra tình trạng ngày nay. Trong cuộc điều đình với Bắc Kinh trong tháng 7 tới, Khrouchtchev cần phải nắm vững uy thế của mình ở trong nước, lấy nghị quyết của Trung ương đảng đã rồi mới nói chuyện với Bắc Kinh, làm như vậy là cốt để cho phe đối lập phải thúc thủ, không dám chống lại đa số. Nhưng một đảng khác, Khrouchtchev cũng phải nhân nhượng một phần nào với Trung Cộng để cho cuộc điều đình có thể tiến tới. Chứng cớ là hồi tháng 4 vừa qua Khrouchtchev đã tuyên bố trong một bài diễn văn không thể nào có sự chung sống hòa bình giữa hai lý tưởng Cộng Sản và Tư bản được và rút cuộc lý tưởng Cộng Sản sẽ thắng. Tuyên bố như vậy không biết Khrouchtchev có ý muốn làm vui lòng Mao-Trạch-Đông không, nhưng việc thay đổi thái độ đó cũng làm cho Tây phương e ngại vì lo có sự cứng rắn trở lại trong thái độ của Nga Xô, hoặc để xích lại gần Trung Cộng hơn rồi tiến tới một cuộc hòa giải ngoại mục với sự reo mừng đặc thắng của cả phe Cộng-sản, hoặc để mặc cả về một vài điểm nào với Hoa-Kỳ ở Tây bán cầu hay ở Đông

bán cầu và do đó để thanh minh với Trung cộng về thái độ của mình. Hiện nay tại hai nước Việt và Lào là hai nơi độc nhất trên thế giới mà chiến tranh nóng đang tái phát trầm trọng hơn bao giờ hết sự mâu thuẫn lập trường của hai nước Nga Hoa cũng là một điểm lợi cho hòa bình thế giới. Vì chủ nghĩa sống chung hòa bình của Trung Cộng có tính cách quá « tích cực » và nhắm đánh lại phe mà họ gọi là « đế quốc chủ nghĩa và tay sai » nên dễ gây tình hình căng thẳng ở nơi này, bắt buộc Nga Xô phải can thiệp để dập tắt một ngòi lửa chiến tranh ở nơi đây có hại cho thuyết « thi đua hòa bình » của họ. Vì thế cho nên Nga Xô chỉ muốn giữ nguyên hiện trạng mà không muốn tiến xa hơn. Trong khi đó Trung Cộng tỏ ra hiếu chiến hơn và muốn cho Cộng Sản phải thắng ở vùng này để đẩy mạnh chủ nghĩa chung sống hòa bình mà họ đang đem thực hiện ở các nước Á Phi.

Để kết luận, khi đặt vấn đề chung sống hòa bình và thi đua hòa bình ta đã đặt ra vấn đề mâu thuẫn chính yếu giữa Bắc Kinh và Moscou. Bề ngoài cuộc tranh chấp đó được che đậy bởi những danh từ nẩy lửa, những lý luận khúc chiết như là : Bọn theo chủ nghĩa xét lại hiện đại đang đưa phe Cộng Sản vào một đường lối phiêu lưu mới càng ngày càng xa rời khỏi chủ nghĩa Mác-Lê, và gây chia rẽ trầm trọng trong hàng ngũ cộng sản quốc tế (Đó là lời buộc tội của Bắc Kinh đối với Moscou). Còn Moscou thì cũng thẳng tay chỉ trích Trung Cộng là giáo điều, là ấu trĩ, là không theo kịp thời đại, là không biết áp dụng một cách linh động biện chứng pháp duy vật của

chủ nghĩa Mác Lê, mà chỉ cứng đờ trong những lý thuyết cổ điển lỗi thời. Nhưng thực chất bề trong thì là quyền lợi của hai nước Cộng Sản khổng lồ đó không phù hợp với nhau và nhiều khi còn tương phản với nhau nữa. Vì thế cho nên ngày nay Nga Xô phải vội vã di dân khai thác miền Đông Sibérie, để cho sau này Trung Cộng không thể lấy cớ là quá đông dân mà di một số dân sang miền này của Nga. Vì thế cho nên ngày nay Trung Cộng đang ráo riết tiến hành việc phân ranh với Ngoại Mông (một chư hầu của Nga Xô) hoặc vùng Tân Cương với Turkestan của Nga để tránh việc sau này Nga có thể gây những khó khăn về biên giới. Quyền lợi buộc Trung Cộng phải củng cố về phía Nam, do đó gây sóng gió ở Đông Nam Á. Còn quyền lợi của Nga Xô bắt buộc phải sống chung hòa bình với Hoa Kỳ để cùng nhau được hưởng những thành tựu mới nhất của khoa học, để sau này hai nước đó có thể trở thành hai siêu quốc gia, mạnh hơn hẳn các nước khác về mọi phương diện và biết đâu không thể chung sống hòa bình với nhau. Vì chính Krouchtchev đã nói rằng khi hai bên biết rằng không thể thanh toán được nhau, thì nên cùng nhau chung sống hòa bình để cho nhân loại khỏi bị tiêu diệt. Lập trường của Trung Cộng lại khác, vì Trung Cộng có 700 triệu dân, có chết mất 300 triệu dân họ vẫn còn là nước đông nhất thế giới. Họ còn có Đài Loan là cái gai trước mắt muốn nhỏ, họ còn có hạm đội thứ 7 của Hoa Kỳ thường xuyên đe dọa, họ còn phải đối phó với thiên tai, địa họa, dân họ còn nghèo đói, kỹ-thuật của họ còn kém cỏi chưa khai thác hết khả năng

TỪ THI ĐUA HÒA BÌNH ĐẾN SÔNG CHUNG HÒA BÌNH

của đất nước. Họ còn phải đối phó với biết bao khó khăn bên trong và bên ngoài tạo ra. Tình trạng của họ chưa thật vững vàng như của Nga-Xô. Họ còn phải tiến hành cách-mạng trong vòng nhiều năm nữa. Nên đối với họ, vấn-đề chưa phải là hưởng thụ mà là đấu tranh.

Tuy họ mâu thuẫn trầm trọng như vậy, nhưng ta đừng vội lạc quan cho rằng họ cứ mâu thuẫn mãi. Căn cứ vào hai bức thư của hai trung ương Cộng đảng Nga-Xô và Trung-Hoa thì ta thấy họ đã cố gắng nhân nhượng nhau để mong đi đến một sự đoàn-kết trở lại giữa các nước trong khối Cộng-Sản. Vài tháng sau đây

chắc sẽ có nhiều quyết-định ngoạn mục. Nhưng muốn đi đến chỗ san bằng mâu thuẫn Nga - Hoa thì cũng còn phải chờ một thời-gian khá lâu nữa, khi những người của thế hệ trước không còn nữa, những người của thế hệ sau sẽ sẵn sàng bắt tay hòa giải hơn. Nhưng mâu thuẫn đó còn kéo dài bao lâu nữa có lợi cho phe Tây-phương, ta cần phải trông vào sự khéo léo của các nước lãnh đạo thế-giới tự-do. Mong rằng thế-giới tự-do có thể làm được công việc đó để cho phần đất Đông Nam Á này khỏi lọt vào tay Cộng-Sản.

TÂN PHONG

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN

DESCOURS & CABAUD

BẢO-HIỂM

17 - 19, Đại lộ Hàm-Nghi — SAIGON

Điện-thoại 23 739

ACCIDENTS — INCENDIE — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Ta¹-Nạn

Hỏa-Hoạn

Hàng-Hải

Linh-Tính

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GÉNÉRALE FRANCAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANEE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi nhánh: PARIS — TOURANE — CHOLON — DALAT — CANTHO

VIENTIANE — HONGKONG TANANARIVE — TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

VIỆT-NAM CÔNG-THƯƠNG NGÂN-HÀNG

BANQUE COMMERCIALE & INDUSTRIELLE du VIET-NAM)

Số vốn : V.N. \$ 50.000.000

TỔNG CUỘC SAIGON :

93 - 95, Đại-lộ Hàm - Nghi

Điện thoại : 21.558 - 21.559

Điện tín : VIETNAMBANK

CHI NHÁNH :

- SAIGON, 209-213 đại-lộ Trần-Hưng-Đạo
 - ĐÀ-NẰNG (Tourane), 59 đường Độc-Lập
-

ĐAM-NHIỆM tất cả **NGHIỆP-VỤ** **NGÂN-HÀNG**

— **CÓ ĐẠI-DIỆN KHÁP HOÀN-CẦU** —

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE **pour le Commerce et l'Industrie**

S. A. au capital de : 120.000.000 F.F.
siège social : 16 Bd des Italiens Paris 9^e

SAIGON

36 Rue TÔN-THÁT-ĐẠM
135, Đại lộ NGUYỄN-HUY
(ex Charner)
Téléphones : 21.902 — (3 lignes)
22.797 — B.P.R. 5

PHNOM-PENH

Maha Vithel Preah Bat Norodom
(ex Dudart de Lagrée)
Téléphones : 385 et 543
B.P. 192

Succursale de Hongkong

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601

P.O. Box n° 763

La B. N. C. I. et ses filiales possèdent plus de 1.350 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A. O. F., A. E. F., Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Aden, à Heba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kano, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico Banco del Atlantico ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.).

ĐỌC BẢN DỊCH

« Nhân - sinh - quan của Trang - Tử »

NGUYỄN-VĂN-THU

Vì muốn tra cứu tổng-tích của loài người nên ta chú trọng vào phía động vật có xương sống.

Cái tiến phương-tiến của bộ xương sống động vật là một cái roi dài nằm chính giữa và suốt lưng con vật (Con lăm gai, Echinodermé). Loài động vật trước nhất có roi lưng (notocordes) được mệnh danh là Chordés « Yêu sách ».

Có yêu sách tức là phân tả hữu đôi xứng, và sinh thần-kinh-hệ trước nằm dọc trên roi lưng rồi sau lần vào roi lưng để chuẩn bị xương sống.

Muốn xem tận mắt động vật này thì ta có thể lại tiệm khách trú đời mua con « xề sùng » tức là xa trùng, tên chữ là Amphious (thân hình như con sâu nhỏ, dùng để rang mỡ nồng rượu hay nấu nước dùng làm phở).

Thực ra động vật này là một loại cá thô-sơ mồm không có quai hàm, miệng tượng có đôi mang để hút đồ

ăn trong nước, không mắt, không tai... Cái roi lưng ấy chuẩn bị xương sụn (cartilage) của loài cá chỉ có xương sụn Chondrichthyes (loài nhệch... cá thiết linh) rồi chuẩn bị đèn bộ xương cứng của loại cá có xương (Ostéichthyes).

Cho nên loài có xương sống trước nhất là cụ tổ cá. Xem thể hệ của loài cá thì ta thấy các quá trình biến-hóa tiếp diễn như sau đây :

1. — Thời kỳ thứ nhất có loài Ostracodermes (Bồi-cốt-ngư) loài này mồm chỉ là một cái lỗ không có quai hàm, có một lỗ mũi, không xương sống, thân thể chui trong một vỏ cứng chỉ hở bụng với đuôi để ngo ngoay, tỉ dụ như con Céphalaspis (Khiên-thủ-ngư) đầu hình như cái thuẫn.

2. — Thời kỳ thứ hai có loài Giáp-cốt-ngư Placodermes, ông xương phá vỡ ra từng mảng và mồm cá bắt đầu sinh quai hàm. Những loại này đã mất

giống từ hai trăm bảy mươi lăm triệu năm về trước.

2.— Thời kỳ thứ ba sinh ra loài cá có xương sụn Chondrichthyes. Loài cá này bắt đầu ở nước ngọt thỉnh thoảng mới bò ra cửa sông. Chúng nó đều bé nhỏ cả trừ một con là con gặt gù Athrodire. Con này là hung thần bể cá dài 12 thước và được mệnh danh là quái ngư Dinichthyes. Loài gặt gù hàm trên cử động, hàm dưới thẳng đờ, lúc đớp mồi đầu phải cử động tựa như gặt gù vậy.

4.— Thời kỳ thứ tư mới sản xuất loài cá có xương sụn Ostéichthyes. Trong loại này có họ nhà cá « vây bóng nhoáng » (Ganoide)... là đông dân hơn cả. Dân đông nhưng cơ thể lại không tiền bộ bằng họ « cá kín mũi ».

Nguyên là trong các tông phái cá có xương sụn có một chi phiếu lưu trên sa mạc lúc nước lên. Đối với chi này : có một nạn đe dọa là nạn nước rút ; nếu chạy không kịp thì sẽ phải phơi mình trên cạn nên phải tìm phương tự vệ. Ngoài bộ mang thở dưới nước loại cá này còn võ trang thêm hai lá phổi ngấm, nên chúng có tên là con Choanichthyes: Cá kín mũi (mũi lặn vào trong). Trong đám con cháu họ nhà cá kín mũi này có một dòng đặc biệt là dòng cá « vây nổi khía », Crossoptérygiens, có liên hệ nhiều với loài thú vật sau này.

Người ta tưởng giống cá này đã bị tuyệt chủng từ mấy trăm triệu năm về trước nhưng bỗng nhiên vào khoảng năm 1939 dân chài lưới bỗng



Cá Coelacanth

Đặc điểm : Hai bộ máy hô hấp để thở được cả dưới nước trên cạn.

— Múi thịt và đường gân nổi khía để chuẩn bị biến bộ vây cá thành các cặp chân của loài lưỡng thể, loài thú...

bắt được một con Coelacanth thuộc loại vây nổi khía. Nhà bác học hay tin nhưng đèn quá chậm nên chỉ còn giữ được bộ da. Các nhà khoa học liền tổ chức tìm kiếm và sau 10 năm tới 1952, người ta mới bắt được một vài con, khiến cho cái nhà khảo cứu được nhìn tận mắt loại này.

Con Coelacanth (1) sở dĩ quan yếu là vì nó là tổ của loài lưỡng thể, loài rắn, loài chim và loài có vú trong đó có loài người. Là tổ của các loài trên đây vì nó sinh ra loài cá đặc biệt biết bò sông nước và tìm lối lên cạn.

Chúng nó có mũi kín để thở bên trong khi gặp nước cạn, nó lại thêm 4 chiếc vây nở gò có những múi thịt chắc để rạch trên bùn và đưa cao mình lên làm thành tiền phương tiện cho bốn cẳng.

1 Có từ 350 triệu năm về trước

Cá lên cạn hóa sinh ra loài lưỡng thể : ếch nhái, rùa rùa, cá sấu. Nhưng không phải tất cả các loài cá trở thành loài lưỡng thể được, mà chỉ có loài cá thuộc giống vây nổi khía, kín mũi và nở vây mới đủ điều kiện để lên bộ quan phong.

Dần dần đuôi thu rút lại; thoát trước chân còn mọc ngang sườn như vây cá, sau chân kéo xuống dưới bụng. Tuy nhiên nó vẫn hãy còn giống với cá, ở điểm khi đẻ phải trở về nước; trứng nở trong nước và con lưỡng thể nhỏ cũng phải ở trong nước ít lâu.

Loài lưỡng thể xâm chiếm đất liền trước tiên đã làm chủ sông núi một thời-gian khá lâu.

Con lưỡng thể vốn phải đẻ ở nước, nhưng khi có một giống lưỡng thể nào đã vượt khỏi được lệ thói đẻ nước, khi nó sinh trứng có thể ấp bóng được, khi nó đã tìm ra được lối mới để co đầu nghẹo cổ, khi nó đã tìm được thể võ tăn công chớp nhoáng bằng cách quăng mình mà nhảy tới thì nó không còn là lưỡng thể nữa, nó đã hóa ra loài rắn.

•••

Trở lại loài cá có xương sụn người ta nhận thấy với loại này quai hàm đã bắt đầu thành hình. Với loài cá có xương sống thì quai hàm đã chu tất lại có thêm răng nữa.

Với loài lưỡng thể thì răng được chuẩn bị kỹ-lưỡng nên người ta lấy răng mà đặt tên rắn.

Trong bọn thằn lằn bò sát đất, con cháu xa của loài lưỡng thể có một

giống đáng ghi danh là loài thằn-lằn (Cotylosaurien) thuộc loại Chấn-cốt-xà và khối răng uồn khía (Labyrinthodonte). Gọi là Chấn-cốt-xà vì xương sống nó nối nhau như chén úp.

Loài này đã thủ vai trò chính vì tuy nhỏ bé nhưng nó đã lưu hạ được ba gia-phả của họ nhà rắn :

— Chi thứ nhất gọi là loại Thécodontes rắn quái tổ-xà sinh ra các loại khủng-long quái xà Dinosaurus hồi đệ nhị địa chu-kỳ.

— Chi thứ hai lưu hạ các loài rắn có vây bướm Pelycosauriens.

— Chi thứ ba gọi là therapsidiens lại phân hai ngành :

* *Phái nhà rắn đầu to* Dynocephale gọi là phái to đầu vì nó to đầu thiệt. Con thì vươn mỏ ra ; Con thì thò răng ra.

* *Phái nhà rắn mang răng thú* (Thú sĩ sà) loại này là Ông Tổ trực tiếp của loài thú. Chẳng hạn như con rắn mõm chó Cynognathus « Cậu hàm xà » sau tiến hóa thành con Tritylodon.

Con rắn mõm chó trông như hình thú, vì trong ngực nó đã xếp hoành cách mô (diaphragme) nhưng vẫn còn là rắn vì chưa có máu nóng và quai hàm chưa thay đổi đúng cách.

Vấn đề các con vật trung gian giữa rắn và thú tức là loại sà thú vị phân (loài Reptiles mammaliens) sẽ được trình bày rõ ràng trong dịp khác.

*
* *

(1) Kỹ nhân năng khảm từ triều hoa ?

Chim và muông

Loài « Quái tổ sà » vẫn còn tồn chân, nhưng nó được phân làm hai giống :

1) Bắt đầu là « giống chân chạy » thì có hai chân trước lại dựng đứng lên, lấy đuôi làm thế. Dần dần chân trước bé đi, chân sau mạnh lên và háng được nâng lên, sau biến hóa thành 2 họ :

— Họ câu chim Ornithischia.

— Họ háng rắn Saurischia.

Hai họ này họ nào cũng có con cháu gồm ghê hồn danh là Khủng - Long là Quái Sà « dinosauriens ». Trên đất liền, con Đại-tây-sà Atlantosaurek nặng 40, 50 tấn, mỗi ngày trổng miệng hết 3 tạ rau đậu và ngoài bể cả con Mosasaure [vì tìm thấy ở địa hạt Meuse] đuổi mồi rất mau lẹ.

2) Thứ đến « giống chân chồm » thì mỗi khi di chuyển đều vươn hai tay và quặp chân lại cứ thế mà chồm lên. Rồi chân trước mọc da và sinh cánh biến thành loại Phi sà, khi thượng thăng thì dớp sâu, ăn bọ, lúc hạ giáng thì mò cá, bới tôm, thực phẩm toàn nuốt chửng.

Phân chia ra chạy và bay tức là bắt đầu phân định muông thú và cầm điều.

Loài phi sà biến vảy thành lông, biến răng thành mỏ và lập tức giải quyết vấn đề từ máu lạnh (poikilotherme) chuyển sang thành máu nóng (homéotherme) để ứng dụng với động tác bay bổng và vì đó mà hóa thành kiếp chim.

Con chim cổ nhất mà ta được biết là con Archeopteryx « Cổ Đại-Điều » mồm có răng và đuôi còn trong những khớp xương của giống rắn.

...

Trở lại loài chân chạy chuyển thành muông thú.

Ta nên biết không phải các con quái sà hóa ra thú đâu. Gặp lúc trời đất chuyển hướng, hơi lạnh của băng kỷ bao trùm thế gian. Các con quái sà ăn nhiều, uồng khỏe không còn hiệu năng phải ứng ịp thời nên đã bị đào thải một cách phũ phàng đến diệt chủng.

Còn sống lại là những con rắn bé nhỏ, những con này đều biết đạo sống. Biết đạo sống bây giờ là biết tròn tránh các ông Sà lớn nên hình thù phải bé nhỏ, phải ăn nấp khéo. Biết sống là biết ăn uồng, nghĩa là bắt cứ thịt cá sâu bọ, rau cỏ đều phải ăn được hết nên hàm răng biến hình. Do các đức tính ấy đến hồi trời đất biến động, loài nào chết thì chết còn chúng vẫn tồn tại.

Khi rắn to đã chết, rắn nhỏ rộng càng chạy tứ tung, nên mới biến hình, biến thế, biến tính và sau đó muông thú liền xuất hiện.

Hồi đầu chúng còn nhỏ bé như con chuột con, như con chồn cáo, nhưng vũ đài hồi này đã thuộc hẳn về sắc dân mới rồi :

Sinh căn bọc phát ra mọi chiều, mọi hướng, mọi bình diện, ra sừng, ra móng, ra vuốt, ra nanh, ra ngà, sinh lông,

sinh bì và sau cùng sinh ra suy tư nghĩa là sinh ra bộ óc của giống linh-nhân.

Trong các đám rắn nhỏ này một lần nào đó có một vài con biến thành loài nhóc « tupaïdes » loài sinh vật nhỏ bé như con sóc hay chuyển cây và ăn sâu bọ.

Trong đám nhóc ấy đột nhiên sản ra con Khếch cô hồn (Tarsier spectre) hình dạng như con cu-ly bây giờ : đây là bóng dáng các tổ tiên của loài viên-hầu và giả-nhân.

Từ trước tới bây giờ con vật có vú cổ nhất mà ta được biết là con Tritylodon bé bằng con chuột cống, nhưng đúng là loài có vú chứ không phải là Sà nữa ; nhưng vừa đây Giáo sư Kermack lại cho nó là loài phi thú phi sà, sau khi khảo sát lại khớp quai hàm của nó. Và Giáo-sư Crompton, năm 1958 cũng lại vừa tìm thấy tại Nam Phi - Châu một « con hai khớp quai hàm » (Diarthrognaethus) ; con này vừa có khớp quai hàm của loài có vú, lại vừa có khớp quai hàm của loài rắn. Thật là khó nghĩ, nó hóa ra con « nhị bất tương, chẳng là rắn, mà chẳng phải thú !

Rồi luật tiến hóa chia nan quạt ra mọi hướng, có hướng biến thành khỉ (Mã hầu và Khuyển hầu), có hướng biến thành vượn, và có hướng chuyển hóa ra loài ngợm.

Loài khỉ to (Mã hầu) như Đười-ươi, Khỉ độc đầu tiên thộc mấy con Khỉ khai canh như Khỉ Thủy-Tổ (Propliopithecus). Khỉ thừa sai (Proconsul) chẳng hạn. Chúng nó không phải có

trực-hệ với người nhưng cũng là họ xa của loài người.

Cái giờ phút quan-trọng nhất trong lịch-sử của nhân-loại là cái giờ phút mà *nhân tính* tách lìa *hầu tính*. Giờ phút ấy là kết quả của hoàn cảnh khi bốn mùa xuất hiện. Lúc giá lạnh đương hành, mỗi hiểm, cây thưa, khỉ ta phải bỏ rừng xuống đất. Lũ nào đại lãn, cam tâm làm khỉ thì bám lấy cây và suốt đời sẽ làm khỉ và sinh con cháu. Lũ nào anh hùng quyết một phen bỏ cây xuống đất sinh nhai, thì bắt đầu học đi hai chân và ngừng mắt nhìn trời để chuẩn-bị làm giống Ngợm.

..

Giai đoạn chuẩn bị tạm gọi là giai đoạn « hoài nhân ».

Cứ xem mặt mà bắt hình dong, xét xem răng, xem óc, ngắm cách ăn ở đi đứng mà phê phán, các nhà bác-học đã ghi dấu những Hoài-nhân hầu sau đây :

1.— Oréopithecus (tìm thấy từ năm 1872 ở Toscane nhưng mới được đưa lên hàng Hoài-nhân từ năm 1949 sau sự can-thiệp của Giáo-sư Hurzeler người Thụy-Sỹ).

2.— Australopithecus có nhiều giống và tìm thấy ở Phi-Châu.

Giới Cổ-sinh-vật-học đã dùng lời Quốc-tê ngoại-giao mà gọi loài Hoài-nhân-hầu là Phi nhân (Paranthropiens).

..

Sau đây là đại quan về loài ngợm và loài người.

1.— Có loài phi-hầu, phi nhân (trước chúng ta từ 900.000 năm đến 600.000 năm) đó là loài Ngợm (Pithécanthrope)

Pithecanthrope thấy ở Java năm 1890.

Sinanthropus thấy ở Bắc kinh 1929

Africanthrope thấy ở Rhodésie 1920

Atlanthrope thấy ở Algérie năm 1954

2.— Có loài dã nhân Néanderthal (xương tìm thấy ở đất Néander).

3.— Sau hết loài linh nhân homo sapiens từ Đông tràn sang Tây, bước vào sân khấu sau giá rét của đệ tứ kỷ Băng-Hiện (glaciation de Wurm vào khoảng 80.000 trước kỷ nguyên) lúc mà bọn dã-nhân Néanderthal sắp tuyệt chủng vì đói rét.

Loại Linh-nhân còn phân ra cổ linh nhân với kim-thê-nhân, tùy theo văn-hóa đá cũ, đá mới, đồng, sắt và bây giờ nguyên tử và nylon mà định danh!

Loại Linh-nhân cổ lỗ là loại người Cromagnon (lấy tên đất mà gọi vì

tìm thấy ở hạt Gromagnon.)

Loại người da Chancelade (địa danh.)

Loại Negroïde de Grimaldi. (địa danh)

Loại dã nhân đã biết khóc biết cười, biết chôn người, biết họa hình và biết sử dụng khí mảnh.

Loại Kim thê Linh nhân bây giờ thì biết lái tàu bay, bắn súng và tính đường cho phi thuyền độ không gian, dùng nguyên tử lực và chế ra tia sáng Laser và biết suy tư, triết lý và có tôn giáo.

Đền đây với truyện Linh-nhân là kết thúc câu truyện của chúng tôi.

Chúng tôi rất tiếc rằng có nhiều truyện lý thú và ly kỳ mà không trình hết được trong khung cảnh nhỏ hẹp của một vài trang phiếm luận và thiên phiếm luận trên đây chỉ đủ để làm đề tựa cho những thiên trường luận của chúng tôi sau này.

NGUYỄN-VĂN-THU

✱ Người điên không phải là người đã mất lí trí.

Người điên là kẻ đã mất tất cả, trừ lí trí.

G. K. Chesterton

✱ Khi mà bọn rợ vùng Louisiane muốn có trái cây ăn, chúng chặt cây ngã xuống và hái trái. Cai trị theo lối độc tài là thế.

Montesquieu

✱ Những nợ nần mà chúng ta mắc với chính mình là những thứ nợ khó trả nhất.

George Meredith

✱ Trong những cuộc khủng hoảng chánh trị, điều khó nhất cho một người quân tử không phải là làm bõn phận mình, mà là biết bõn phận ấy.

De Bonald

Dịch bài thuyết trình bằng Pháp văn của TRẦN-VĂN-KHÊ
tại « hội nghị quốc tế Đông và Tây trong lãnh vực Âm-
nhạc » ở Jérusalem (1).

NGUYỄN-HỮU-NGƯ dịch

Về cách trình bày trên làn sóng điện NHỮNG TÀI LIỆU CHÍNH XÁC VỀ ÂM NHẠC CỔ TRUYỀN : DÂN CA VÀ CỔ NHẠC

NĂM 1961, Hội đồng quốc tế Âm nhạc của UNESCO có gởi cho các đài Vô tuyến truyền thanh trên thế giới hai loại câu hỏi sau đây :

— loại câu hỏi A (cho các đài vô tuyến truyền thanh những nước Á, Phi)

— loại câu hỏi B (cho các đài vô tuyến truyền thanh những nước Tây phương).

Hội đồng quốc tế Âm nhạc đã nhờ các đài cho biết thời giờ mà họ dành trong hai năm 1950 và 1960 cho mỗi loại nhạc ghi trong hai loại câu hỏi đó.

Trong loại câu hỏi A có :

- a) nhạc cổ điển cổ truyền
- b) nhạc cổ điển cổ truyền Tây phương
- c) nhạc cổ điển Tây phương
- d) nhạc dân ca đích thực (2)
- e) nhạc dân ca hiện đại (3)
- f) nhạc vui nhẹ (4)
- g) nhạc Jazz

Trong loại câu hỏi B có :

- a) nhạc dân ca đích thực (gồm cả nhạc

dân ca các nước Đông phương)

b) nhạc dân ca tân thể (5) (gồm cả nhạc dân ca các nước Đông phương)

c) nhạc cổ điển cổ truyền các nước Đông phương.

1) Thời gian hội nghị : từ 5 đến 12 tháng 8. Bạn Trần-Văn-Khê thuyết trình vào ngày thứ ba của hội nghị, tức ngày thứ tư 7-8-1963.

Theo chỗ chúng tôi được biết, thì bài thuyết trình này của bạn Trần-văn-Khê sẽ đăng ở tập san của Hội đồng quốc tế Âm nhạc bình dân tại Luân-Đôn (Anh) và ở một tập san Âm nhạc tại Genève (Áo), trong đầu năm tới. Và những biện pháp bạn Khê đề nghị trên đây sẽ được nhiều nhà chuyên môn nhạc Á Châu áp dụng trong việc họ trình bày nhạc châu Á cho thính giả Âu-Mỹ (LTS).

Phần nhiều các danh từ chuyên môn trong bản dịch này vốn theo cuốn « Danh từ âm nhạc » Pháp-Việt của Lê-Thương, soạn xong từ năm 1951, mà chưa có dịp xuất bản. Đề các bạn từng quen với danh từ âm nhạc Pháp dễ hiểu, chúng tôi xin ghi chú nguyên văn một số danh từ ấy.

(2) musique populaire authentique

3) musique populaire moderne

4) musique légère

5) musique populaire modernisée

VỀ CÁCH TRÌNH BÀY TRÊN LĂNG SÓNG ĐIỆN...

d) nhạc vui nhẹ

e) nhạc jazz

Trên ba mươi đài vô tuyến truyền thanh đã trả lời, và một nhóm chuyên viên dưới sự chủ tọa của ông Alain Danielsu, nhân viên trường Bác cổ Viễn-Đông, đã xét các câu trả lời này tại La-Mã, vào tháng mười năm 1962; tôi được hân hạnh ở trong nhóm chuyên viên này:

Trong mấy hôm chúng tôi nghe những đoạn chương trình mà nhiều đài Vô tuyến truyền thanh có nhã ý gửi đến chúng tôi. Chúng tôi đã bàn đi cãi lại chẳng những về những danh từ được dùng (nhạc quốc phòng (6), nhạc dân gian (7) nhạc cổ truyền (8), nhạc bác học hay nhạc thượng đẳng (9), mà cả đến những phương pháp trình diễn. Ông Jack Bornoff, thư kí chấp hành của Hội đồng quốc tế Âm nhạc của UNESCO, lãnh phần phân tích các báo cáo của các đài Vô tuyến truyền thanh tóm tắt các cuộc trao đổi ý kiến của những người dự họp, so sánh các thống kê trong bản báo cáo về « vai trò của các phương tiện kĩ thuật trong việc gìn giữ và phổ biến cổ nhạc và dân ca trong các nước Đông-phương; Phi-Châu và Tây phương »: bản báo cáo này được đăng trong tờ báo của « British Institute of Recorded Sound », (viện âm thanh Anh-quốc) số tháng tư.

Chúng tôi nhận thấy trong buổi họp tại La-Mã rằng danh từ âm nhạc chính xác — dầu nó là bình dân hay bác học — không được tất cả mọi người hiểu cùng một cách. Nhiều ví dụ về âm nhạc được vài đài vô tuyến truyền thanh cho

là chính xác, với chúng tôi, thì đó là những mẫu âm nhạc « tân thể », hay trình bày với ý thức Tây phương (10). Dầu cho có nhận là chính xác thứ âm nhạc mà vài đài Vô tuyến truyền thanh giới thiệu như thể đi nữa, thì chúng tôi cũng phải nhận rằng âm nhạc cổ truyền chính xác — bình dân hay bác học — trừ ở vài nước như Ấn-Độ ở Á, An-Ba-Ni và Bảo-Gia-Lợi ở Âu, không ít thì nhiều bị âm nhạc bình dân tân thể, âm nhạc vui nhẹ hoặc âm nhạc mệnh danh là « tạp thể » (11) lấn áp, Ở Nhật

âm nhạc cổ điển cổ truyền $\left(12 \frac{1}{3} \% \right)$

và âm nhạc bình dân đích thực $\left(1 \frac{2}{5} \% \right)$

bị âm nhạc Tây phương cổ điển vượt quá xa (57.5 %); theo ông Luis Sandi, chủ tịch ủy ban quốc gia Mỹ - Tây - Cơ về âm nhạc, thì ở đài Vô tuyến truyền thanh Mỹ-Tây - Cơ, người ta nghe nhiều một thứ « âm nhạc thương mại », chứ không phải âm nhạc đích thực. Ở Í, nơi mà số giờ phát thanh âm nhạc bình dân đích thực quan trọng nhất (195 giờ trong năm 1960) trong số các nước Tây-phương đã trả lời loại câu hỏi B, thì âm nhạc vui nhẹ và âm nhạc jazz chiếm cũng trong năm ấy (1960) 3.750 giờ. Ở Tây - Đức, tỉ lệ là 4 giờ rưỡi cho âm nhạc bình dân đích thực đối với 4.928 giờ cho âm nhạc vui nhẹ và âm nhạc jazz.

(6) musique folklorique

(7) musique populaire

(8) musique traditionnelle

(9) musique savante ou de haute culture

(10) musique « modernisée » ou occidentalisée

(11) musique « de variété »

Giới thiệu âm nhạc bình dân đích thực của một nước đối với quần chúng nước ấy không phải là điều dễ, do đó mà giới thiệu cho công chúng một nước khác, lại càng không phải dễ. Trong việc xếp chương trình Vô - tuyến truyền - thanh, người ta phải quan tâm đến thị hiếu, tâm - lí, lối sống, trình độ giáo-dục âm-nhạc của thính giả. Người ta đã làm gì và người ta còn có thể làm gì để giới thiệu trong những buổi phát-thanh âm - nhạc cổ-truyền đích thực một nước này cho quảng đại quần-chúng một nước khác ?

(Tôi căn cứ vào những điều tôi nhận-xét những kinh-nghiệm rút trong các buổi tôi trình bày âm nhạc cổ-truyền đích thực các nước Á Châu cho công chúng Tây-phương ; thuyết trình này chỉ để làm căn bản cho chúng ta bàn cãi, cuộc thảo-luận có thể mở rộng ra).

NHỮNG GÌ ĐÃ LÀM

Nhiều phương-pháp đã được dùng để trình bày trên làn sóng điện âm-nhạc cổ-truyền, bình dân hoặc bác học. Ông Peter Crosley - Holland, trong buổi họp ở La-Mã vào tháng mười 1962, có đưa ra một số áp dụng ở đài B.B.C :

1. — Nói chuyện hoặc diễn thuyết với những ví-dụ âm nhạc lựa chọn kĩ càng ;
2. — Hòa nhạc có dẫn giải với những ví-dụ âm-nhạc thâu-thanh hay do những nghệ sĩ có mặt bất thường diễn tấu ;
3. — Nhạc dân ca trình bày trong khuôn khổ một chương trình địa-phương ;
4. — Âm-nhạc thuộc vào một chương-trình giáo huấn âm-nhạc (buổi phát-thanh cho các học đường) ;

5. — Dùng âm-nhạc bình-dân trong các chương-trình chuyên về tài liệu ;

6. — Các cuộc phỏng-vấn nhạc-sĩ và phê-bình gia (ở đài B.B.C, Yehudi Menuhin và Narayana Menon đã thảo-luận về âm-nhạc cổ-truyền Ấn-Độ)

Tất cả những phương-pháp này đều được các nhà sản xuất Vô-tuyến truyền-thanh, truyền-hình Pháp (R.T.F.) áp-dụng. Phần tôi, trong vài chương-trình, tôi đã nói chuyện về âm-nhạc Việt và âm nhạc cổ-truyền của những nước Á-Đông : âm-nhạc Việt trong buổi phát-thanh của giáo sư Étiemble về Đông-Nam-Á (đài vô-tuyến Pháp thứ III), âm nhạc Trung-Hoa, âm-nhạc Nhật-Bản, âm nhạc Tây-Phương và âm-nhạc Đông-Phương trong buổi phát thanh của bà Marina Scriabine về các loại âm-nhạc Đông-Phương (đài vô-tuyến Pháp thứ IV), âm - nhạc Việt tại đài B.B.C. (chương-trình thứ ba), tại đài vô - tuyến Thụy Sĩ (chương-trình Romand). Tôi đã trình-diễn những buổi hòa nhạc có giải-thích tại đài vô tuyến truyền - hình Pháp ở buổi phát thanh « Các nghệ-sĩ ghé qua » (đài vô - tuyến Pháp, thứ I), tại các đài vô-tuyến truyền-hình Pháp, Anh và Thụy Sĩ. Tôi đã chuẩn bị sáu buổi phát-thanh, mỗi buổi nửa giờ về âm-nhạc cổ-truyền các nước Á - Châu cho học sinh đệ nhị cấp trong loạt « Tận nguồn-gốc của âm-nhạc » do Lila Maurice - Amour phụ trách (đài vô-tuyến Pháp, thứ III).

Tôi đã được Claude Samuel phỏng-vấn về âm - nhạc các nước Viễn - Đông ở mục. « Diễn đàn của âm-nhạc trực tấu » (đài vô-tuyến Pháp, thứ III), và John Witty phỏng-vấn về âm-nhạc Việt tại đài vô-tuyến truyền-hình Anh.

VỀ CÁCH TRÌNH BÀY TRÊN LÀN SÓNG ĐIỆN...

Hần là các phương-pháp giới-thiệu trên đây cũng đã giúp thính - giả Tây - Phương hiểu biết phần nào nền âm nhạc cổ truyền đích thực của những nước Á - Châu. Song phải công nhận rằng các buổi phát thanh này rất là hiếm hoi và vốn dành cho một nhóm chuyên môn hoặc sinh viên chú ý đến nhân chủng nhạc học (12) Quảng-đại thính giả không nghe những buổi 'phát thanh này mà họ cho là quá chuyên môn. Muốn họ chú ý đến một loại nhạc không mấy quen thuộc với họ, người ta phải dẫn dắt họ từ từ, cho họ nghe âm nhạc đích thực phụ vào các cuộc phát thanh chuyên về tài liệu, chương trình các cuộc du lịch, chuyện cổ tích, chuyện truyền kì, tiểu thuyết đọc từng ngày v.v., chuẩn bị họ để tiếp theo đó, họ nghe các buổi phát thanh lấy âm nhạc làm nòng cốt những tài liệu đối chiếu về các nhạc khí, về các loại nhạc.

NHỮNG GÌ CÓ THỂ LÀM

Đi từ nguyên tác là trước hết nói thẳng vào tiềm thức của thính giả, tôi đề nghị những phương pháp giới thiệu sau đây :

1. — Dùng âm nhạc *đích thực* và *thích ứng* cho chương trình chuyên về tài liệu Tôi nhấn mạnh về các tính cách *đích thực* và *thích ứng* của âm nhạc bối cảnh (13) Thường thì người ta chọn một cách khinh suất loại âm nhạc để đệm theo (14) một bài giới thiệu ở đài Vô tuyến truyền thanh hay một số hình ảnh liên tục trên màn ảnh Vô tuyến truyền hình. Miễn là loại nhạc đó có vẻ « *viễn phương* » (15) và có thể gợi một xứ nào xa xôi, là được rồi. Vì thế mà người ta cho thính giả nghe một đoạn Nam-Xuân ngay trước bài nói chuyện

về phép nấu ăn của người Trung-Hoa, bản Nam-Xuân trong nhạc Việt vốn để diễn tả niềm bình thản. Người ta lại dùng nhạc Việt thu thanh để bối cảnh một buổi phát thanh về hội họa Trung-Hoa ở đài Vô tuyến truyền thanh Pháp, và khán giả Việt đã nghe một điệu hò Huế bối cảnh cho các bức tranh Tàu. Và nghe một điệu nhạc Cam-Bốt bối cảnh cho những hình thời sự Việt-Nam, chẳng phải là điều hiếm. Và điều này chẳng có gì quan trọng đối với thính giả Tây-Phương không quan tâm đến các âm nhạc ngoài châu Âu. Song đối với thính giả đã từng lưu trú ở nước Việt, thì sự sai lầm này quả là thô kệch : khác nào người ta dùng nhạc của Granados hoặc các bản *paso-dobles* để bối cảnh những hình ảnh của giáo đường Notre-Dame de Paris. Và lại, âm nhạc đánh vào tiềm thức của người nghe. Sau đó, cũng thứ nhạc ấy làm sống lại trong trí nhớ họ bài văn đã được nghe cùng những hình ảnh đã thấy, và một loại nhạc chọn càng có cơ gây cho người nghe một ấn tượng sai lầm về bản chất của nhạc một nước nào đó. Cái mà công chúng nghe bất thường trong những cuộc phát thanh khác nhau huấn tạo thị hiếu họ, gợi tánh tò mò và kiến thức của họ do đó mà phong phú thêm.

2. — Dẫn dắt công chúng nghe nhạc cổ truyền đích thực trong khi kể một chuyện du lịch, phiêu lưu hay cả trong khi đọc truyện dài hằng bữa. Tỉ dụ như người ta có thể tưởng tượng một chuyện phiêu lưu, một tiểu thuyết từng

(12) *ethnomusicologie*.

(13) *musique de fond*.

(14) *accompagner* ; *musique d'accompagnement*.

(15) « *exotique* »

đoạn đọc bằng ngày mà câu chuyện xảy ra tại một xứ ở Á-Châu. Lúc đó các người anh hùng trong chuyện có thể vượt sông này qua sông nọ, như sông Hương ở miền Trung nước Việt chẳng hạn, với giọng hò mái đẩy làm nhạc bối cảnh. Họ có thể mạo hiểm lội những đầm ruộng nương ngập nước ở Nam-Việt (nhạc bối cảnh : hò cấy lúa hoặc hò gặt gạo), hoặc ở trung châu sông Hồng (nhạc bối cảnh : hát đối, cò lả, quan họ, Thính giả có thể cùng các vị anh hùng trong tiểu thuyết xem một tuồng hát bội, và người giới thiệu sẽ tả sân khấu, các nhân vật, các nhạc khí, dịch các bài hát trong khi thính giả nghe những ví dụ đích thực về nhạc sân khấu.

3. — Những chuyện tích và truyền kì cũng có thể dùng làm đề tài cho các buổi phát thanh về âm nhạc :

a) những chuyện truyền kì liên hệ đến chính các nhạc khí :

— cuộc tình duyên giữa người cầm đầu nhị thập bát tú với nàng chần chiến Mông-Cổ và sự sáng tạo cây *khil khur* (16) mà cái cần hình đầu ngựa ;

— tích cây *vina*, một thứ đàn sáu dây có ống mà thần Mehadev sáng tạo theo hình ảnh Parvati, vợ ngài, hai cái bầu biểu hiệu cho hai cái vú, các phím bằng kim khí biểu hiệu cho đồ nữ trang của bà ;

— tích sự du nhập đàn *Koto* vào nước Nhật dưới triều vua Temmu (năm 673 trước Tây lịch), do một nhạc sĩ Trung-Hoa tiết lộ cho một mệnh phụ của Triều đình (bà Ishikawa Jroko) âm thanh của một thứ đàn mà chưa hề được biết trên đất Phù - Tang, thứ nhạc được biết dưới danh hiệu nhạc Cửu - Châu

(Kiyjushiu), và con cháu đã truyền cho nhau trong môn phái *Tsukushi*.

— chuyện truyền kì về nàng công chúa Lộng-Ngọc và chàng Tiêu-Sử, nàng thì thổi ống sanh có tiếng, chàng chuyên thổi ống tiêu. Đôi lứa nhạc sĩ này về sau được thành tiên và được đôi chim phượng hoàng đưa về Tiên giới ;

b) những chuyện truyền kì liên hệ đến các thể nhạc hay nhạc thức (17) :

— âm nhạc thần thánh (18) của Nhật để làm cho Thái Dương thần nữ nấu mình trong hang sâu xuất hiện ;

— thần điệu (19) *Dipak*, thần điệu của lửa trong âm nhạc cổ truyền miền Bắc Ấn-Độ, do danh ca *Tan Sen* hát gây hỏa hoạn ở đền hoàng đế Akbar, và thần điệu *Megh*, thần điệu của mưa, do một nữ nhạc sĩ diễn tả, làm tắt các cuộc hỏa hoạn do thần điệu *Dipak* gây nên ;

c) những chuyện truyện kì liên hệ đến các nhạc, ca sĩ :

— chuyện chàng ca sĩ người Việt, *Trương-Chi*, say mê nàng Mị-Nương, con gái một vị quan đã tương tư chàng vì tiếng hát, chàng chết, và tìm chàng kết thành khối, biến thành chén ngọc, tan thành nước khi giọt lệ hối hận của người đẹp rơi vào ;

d) những chuyện truyền kì không chút liên hệ đến âm nhạc nhưng có thể dùng một thứ nhạc chính xác làm bối cảnh để làm nổi chúng.

(16) Tiếng Hán Việt : mã đầu dê cầm, xin xem truyện của Trần-Nguyễn-Anh-Ca đăng ở Bách Khoa, số 75, trang 39.

(17) Genre musical ou mode musical

(18) Musique céleste

(19) Raga

VỀ CÁCH TRÌNH BÀY TRÊN LÀN SÓNG ĐIỆN...

4. — *Những tài liệu đối chiếu.* — Trong những buổi phát thanh này, ta nói với một hạng thính giả đã được huấn bị hoặc thích nhạc. Ta đi từ một yếu tố mà họ đã am hiểu và so sánh nó với các yếu tố khác sẵn có ở các nước Tây-phương.

Tỉ như sau khi cho nghe bài hát « *Những người kéo thuyền trên sông Volga* » (Les bateliers de la Volga) ta gọi những bài hát khác của những người chèo thuyền, và ta sẽ thích giải rõ ràng về nội dung xã hội tính (20) và về lời ca. Cũng trong một loại ý niệm đó, là có thể trình bày các bài hát đối đáp, các nhạc khí, các nhạc đội (21) của nhiều nước khác nhau. Thính giả Tây phương quen với tiếng hạc cầm (22) và tiếng sáo sẽ tò mò nghe tiếng hạc cầm Miến-Điện và tiếng tịch (23) Trung Hoa, Cao Li, Nhật Bản, Việt Nam hay Ấn Độ. Ta có thể chuẩn bị các buổi phát thanh với các đề tài như: ái tình, mùa xuân nước, v.v... bằng cách dùng âm nhạc chính xác của mỗi xứ, mỗi miền để chú giải.

Ở một giai đoạn khá hơn, ta so sánh các âm sắc của giàn nhạc *piphat* Thái-Lan, Cam-Bốt, Ai Lao với giàn nhạc *gamelan* của Anh-Đô-Nê-Xi-A, với giàn nhạc *gagaku* của Nhật-Bản hoặc với giàn nhạc thính phòng, (24) giàn nhạc đại hòa tấu (25) của Tây phương. Muốn đến giai đoạn đó ta phải bắt đầu bằng cách làm cho quăng đại thính giả quen-nghe các loại âm nhạc khác hơn là âm nhạc phương Tây.

Những tài liệu về âm thanh không thiếu. Có ở viện âm-thanh, ở viện đĩa hát của đài Vô tuyến truyền-bình Pháp, ở các viện đĩa-bát của Tàng cổ viện Nhân chủng và Tàng cổ viện Guimet.

Các nhà sản xuất của đài vô-tuyến truyền thanh có thể chuẩn bị những buổi phát thanh về các loại nhạc ngoài Âu-Châu với sự góp sức của các nhạc học giả chuyên-môn. Hoặc giả, như bà Caldaguès đã làm cho sẽ tài liệu của viện âm-thanh đài Vô-tuyến truyền thanh và truyền Pháp quốc, người ta có thể dự bị các mục lục với những điều chỉ dẫn rõ ràng do những nhà chuyên-viên cung cấp về nguồn gốc bản-chất, nội-dung xã-hội tính các loại âm-nhạc chủng tộc, các nhạc khí được dùng, cách sắp xếp những nhạc đội. Ghi trên thẻ theo sự phân biệt ra từng vùng địa lí, từng loại nhạc khí, từng thể nhạc là việc rất ích lợi cho các nhà sản xuất Vô-tuyến, họ nhờ thẻ này mà có thể tìm một yếu-tố âm-nhạc thức ứng với mỗi buổi phát thanh của họ.

Lẽ dĩ nhiên công việc phân tích và ghi thẻ tài liệu này cùng các lối trình bày như tôi đề nghị ở trên gom lại chỉ là một điểm phát xuất, một nền tảng để luận bàn. Dem đối chiếu những kinh-nghiệm của các nhà sản-xuất ngành vô-tuyến, chúng ta sẽ tìm được nhiều phương tiện khác để làm cho quăng đại thính giả một nước nghe âm-nhạc chính xác một nước khác mà họ khỏi mệt trí vì cố gắng.

Ngành Vô-tuyến sẽ đóng một vai tuồng quan-trọng trong việc làm cho các dân-tộc trên thế-giới gần nhau.

TRẦN-VĂN-KHÊ
(NGUYỄN HỮU-NGUYỄN dịch)

(20) contexte sociologique

(21) ensembles instrumentaux, ensembles orchestraux

(22) harpe

(23) lute traversière

(24) orchestre de chambre

(25) orchestre symphonique.

THIẾU ĐẤT

● Y UYÊN

THĂNG Quí cuộn tròn cuộn tập cầm tay đi ra ngoài cột đèn. Nó ngạc nhiên không thấy cha ngồi trên xe Mobylette chờ nó ở đây như mọi đêm. Nó ngơ ngác nhìn lên đầu phò, nhìn xuống cuối phò.

Buổi học cuối cùng đã tan sớm hơn mọi tối. Thầy giáo đã chúc các trò đậu hết. Thầy lại khuyên các trò nếu chẳng may bị rớt trong kỳ thi đệ thất sắp tới, chớ nghĩ mình quá kém bạn bè, chỉ nên nghĩ đến việc tìm trường nào có uy tín mà học. Tuy nhiên thầy rất tin tưởng vào các em vì sự chăm chỉ của các em, sự làm việc có phương pháp, khoa học của thầy, những bài được lựa chọn giảng dạy trong những ngày luyện thi vừa qua có thể gặp lại trong kỳ thi và nhất là vì những kết quả vượt mức nhà trường đã thu lượm được trong các kỳ thi trung, tiểu học vừa qua.

Quí chờ đã được mười lăm phút.

Bọn học trò đã về gần hết. Còn lại lẻ tẻ vài đứa đứng ở cổng trường chờ anh em học ở những lớp khác. Một đứa lại gần cột đèn hỏi Quí.

— Mà chưa về sao ?

— Ông già tao chưa lại đón.

— Sao vậy ?

— Ai biết được. Chắc ông ấy hỏng xe hoặc... bị bệnh nặng. Lúc chiều tao có mua Cortal về cho ông uống.

Nghe nói, thằng bé lộ vẻ băn khoăn hơn cả Quí. Quí đã cảm động. Nhưng thằng bé lại hỏi :

— Chúng mình nghĩ, ông thầy cũng nghĩ luôn sao.

— Ông ấy thiếu gì lớp dạy. Với lại... nếu ông-nghĩ, ông ấy càng được đi chơi chớ sao.

— Bộ mấy thầy ông ấy đi chơi luôn sao ?

— Thầy luôn. Ông ấy thường đi chơi với các bạn của ông ấy. Trước kia, chưa có nhiều lớp hè, sáng ông ấy mang kính đi dạy học, chiều ông ấy mặc quần cao bồi đi chơi. Vì ông ấy ở mãi phía nhà tao, tụi bây đùa nào biết nổi. Thấy tao đâu có ưa ông ấy.

— Thế sao còn cho mấy học ở đây ?

— Thấy tao nói thà cho tao học ở đây còn hơn học ở ngôi trường cạnh nhà.

— Sao kỳ vậy ?

— Mấy hỏi lời thôi quá.

Quý khó chịu đáp, ngóng nhìn về phía đầu phố. Đường đã vắng người. Trừ tiệm tạp hóa ở ngã tư, mấy tiệm gạo, tiệm ảnh đã đóng cửa. Bên kia đường, dưới một cột đèn đôi điện với Quý, một người cảnh binh đứng gác.

— Sao kỳ vậy ?

Thằng bé hỏi gặng. Thầy Quý ngần-ngờ không đáp, nó lúi thủi đi lại cổng trường, ngẩng mặt nhìn tầm bằng quảng cáo sô học sinh đậu những kỳ thi vừa qua. Còn thằng Quý, càng lúc càng sốt ruột. Lần đầu tiên nó buồn vì sự xích mích giữa cha và ông hiệu trưởng ngôi trường cạnh nhà. Nếu ông hiệu trưởng không chê cha nó là « giáo cùn », « giáo thịt chó », không bảo anh Tân nó là « linh thờ lò mũi xanh », nếu cha nó không gọi ông hiệu trưởng là « thương mại », « thủ đoạn », thì đâu đến nỗi nó phải tới tận đây học, cha nó đâu phải đêm

đêm mang chiếc xe ọp ọp tới đứng chờ nó ở cột điện.

Thầy ông Đông - y - sĩ Hoàn - An - Đường vẫn còn thức, đang lúi húi tưới mấy chậu kiểng ở trước nhà, thằng bé lân la lại gần gọi chuyện cho đỡ nóng lòng. Trong ngôi nhà lát gạch bông của ông, đèn néon sáng trắng dịu dàng, có giọng hát quan họ trong ra-dô phát ra. Nghe Quý nói đứng đợi cha, ông cụ hỏi :

— Bà cụ ở nhờ nhà em vẫn mạnh đây chứ ?

Câu hỏi khiến Quý nhớ ngay đến những cơn ho liên-tiếp của bà cụ trong mấy bữa nay. Nhất là về các buổi chiều, khu xóm trở nên yên-tĩnh, tiếng ho của bà từ trong căn lầu cuối vườn phát ra nghe càng rõ, khô khan và mệt nhọc. Nó cũng nhớ ngay đến sự liên-hệ giữa bà cụ và ông Đông-Y-Sĩ Hoàn-An-Đường. Từ ngày ông bà về ở nhờ khu vườn nhà Quý, ông là người duy nhất thỉnh thoảng vác ô lại thăm bà. Nó nghe nói, trước kia ở Bắc, bà cụ khá giàu có, đã từng chèo chở và giúp đỡ ông Đông-Y-Sĩ trong một « vụ án cách mạng ». Vì vậy, Quý đáp rất rõ và rất chậm :

— Thừa cụ, dạo này bà ấy ốm luôn. Nhiều đêm cháu với thầy cháu đã ngủ một giấc dài, tỉnh dậy vẫn nghe thấy tiếng ho của bà ấy ở dưới vườn. Bà cụ lại có máu đau bụng kinh niên nữa.

— Tội nghiệp quá nhỉ. Thế bà ấy có uống thuốc gì không ?

Quý lưỡng lự một lát, nửa như cò nhớ lại, nửa như suy tính, rồi đáp :

— Châu cũng không được rõ. Nhưng trong số những thứ lật vặt bà cụ mang ở Bắc vào như cái máy lửa, cái còi giã trấu, con dao bài cụt chuôi, cái khăn vắn nhung, thề nào chả có một cục một cục hương.

Ông Đông-Y-Si cười « khà » một tiếng, rũ tay bước vào nhà :

— Thằng bé này lém quá . . . Nói năng thì vậy, học hành thì sao.

Câu cuối cùng ông kéo dài ra như muốn ngâm thơ. Thằng Quí ngo-ngác nhìn theo ông cụ rồi lại lững thững ra phía cột đèn. Nó lại ngóng, lại chờ.

Nỗi thắc thỏm trong lòng thằng bé đã thành nỗi thắc thỏm ở chân, tay nó. Nó chống tay vào cột xi-măng để có ý-niệm về sự yên-lặng, lạnh-lùng. Nó giở cuốn tập để có ý-niệm về sự dơ dáy, nhàu nát và liên-tưởng đến những phương-pháp khoa-học của thầy. Chân nó hết chà lên mặt đất như bị ngựa dữ dội ở gan bàn chân, lại chéo khoeo, sát vào nhau nghe xương chạm ghê thột.

Nhưng kia, cha nó đã đến.

Tiếng máy xe nổ phú phách, cái đèn tròn như cái bát, vàng hoe ở trước xe gợi cho thằng bé hình-ảnh một nhà máy hoạt-động dưới ánh trắng. Khi qua mặt người cảnh binh, cha nó trả bớt « ga » nên lúc dừng lại trước mặt nó xe tắt máy. Thằng bé ngạc-nhiên thấy cha chít khăn kín cả đầu và hai má, trông lộ rõ hai vành xương vênh lên hai bên mũi. Cha nó lại còn vắn thêm tầm áo len màu huyết-dự, đan hình quả trám to tướng, cụt tay mà

ông vẫn thường gọi là áo trần-thủ của du-kích ngoài Bắc.

Tuy cả năm mới được gần gũi với cái lạnh vài ba tuần, thằng bé cũng đủ sức tưởng-tượng cha nó vừa từ một miền giá rét tới đón nó. Nó lo ngại hỏi :

— Thấy bị sốt hả ?

Cha nó chống hai tay lên ghi-dồng, oằn người ra thờ mà không đáp.

— Thấy đi thề này, nhớ bị gió dọc đường thì sao !

— Tao ở nhà thì ai đi đón mày, sao hỏi ngờ ngán thề ?

Ông giáo đột nhiên nói phêu-phào, giận dữ.

Thằng bé hồi hận, biết mình lỡ lời. Nó lo ngại nhìn cha, sợ ông sẽ mắng thêm mấy câu hàm ý giáo-huấn như mọi khi. Đối với ông giáo, những lỗi lầm nhỏ nhất hiện tại, nếu bỏ qua, chúng sẽ « trưởng - thành » hết sức mau lẹ.

Quí nhìn cái giá sắt sau xe, thầy mời chân và nhìn cha thờ.

Được một lát, chừng đã đỡ mệt, cha nó nói vội vã :

— Thôi về.

Dứt lời, ông nhắc đít, dướn người lên đạp máy. Thằng Quí ngậm chặt cuốn tập gấp đôi vào hai hàm răng, hai tay nắm lấy mép cái yên, co giò đẩy đi. Sang tới bên kia đường xe vẫn kêu xẹt-xẹt, chưa bắt được máy. Cha nó ngậm hơi đạp riết. Nó ngậm vờ đẩy riết. Tới lúc tay Quí đã chùn,

chân Qui đã có những bước hết tin-tưởng, chiếc xe chột giật mạnh, bỏ Qui lại. Nó giật mình, phóng tay tóm chặt lấy cái giá sắt.

Cha nó thở phào hỏi :

— Xong chưa ?

Nó quăng tốt người lên ngồi, một tay giữ yên, một tay cầm vớ đáp hoan hỉ :

— Xong rồi thấy ạ.

•••

Những ngày tháng Qui đi thăm trường, đi thi, ông giáo ốm liệt giường. Với nỗi lo lắng của một người cha cho tương lai của con, với chút ít kinh nghiệm của một ông thầy đã giải nghệ, buổi sáng con mang bút mực lên đường, ông cõ dậy nhắc nhở, dặn dò con những lời ông đã nhắc nhở, dặn dò trước kia. Lúc con đi, ông lại nằm vật xuống giường, đắp chăn, thiếp đi với sự ân-hận mình đã không đưa con đi cho tròn bốn phận. Lúc ông tỉnh dậy, nắng đã qua khe cửa, trái vệt ngang vệt dọc trên nền nhà. Ông nghĩ con giờ nấy chắc đang thi và lo lắng không đâu.

Có tiếng trẻ ồn ào ở trường học bên kia vọng lại. Ông giật mình nhòem dậy ra sau nhà. Thân thể ông như một sự giả tạo. Chân ông bước mà sao có lúc ông thấy chạm đất, lúc không. Hai tay buông thõng mà sao vẫn có lúc mặt thẳng bằng.

Ông vịn vào cái cột gỗ ở gian nhà trông trơn bên cạnh, cúi nhìn một

con chó bị xích vào chân một cái bàn học trò ngồi trước kia. Đó là một con chó mực lốm đốm lông trắng, hoen lờ những vết ghê. Nó nằm dài trong một vũng đất được cào rộng, mồm ghêch lên hai chân trước đoãi dài, đôi mắt ngân ngơ đầy sự buồn phiền. Ông đổ một gầu nước vào cái chậu sành trước mặt nó. Nó nhìn ông rồi trề nải đặt cả khúc mồm vào thành cái chậu, thè lưỡi tớp từng miếng. Ông giáo chột nghĩ đến ông hiệu trưởng ở ngoài ngõ với tiếng « giáo thit chó ». Ông nhìn bao quát gian nhà trông trái ba mặt. Lớp học ngày trước của ông đó. Tấm bảng sơn xanh Mỹ viện-trợ vẫn còn đó, những dãy bàn ghê xiên vẹo vẫn còn đó...

Tại mình thiếu khoa học chăng ?

Ông giáo nghĩ lại một ý nghĩ quen thuộc. Ông trở ra sau nhà, định xuống túp lều của bà cụ già ở dưới góc vườn xin một ít cơm cho chó. Nhưng ông chột thờ dờc và choáng váng. Ông đành quay vào nhà nằm xuống giường. Khi ông vừa có đủ sự im-ả để nghe ngóng sự mỗi một mông lung trong mình, chột có tiếng gõ cửa « cách, cách ».

Ông giáo nhăn mặt hỏi ra :

— Ai đó ?

— Ông giáo có nhà không ? tôi, tôi đây mà.

Giọng nói âm âm như giọng ênh-ương khiến ông giáo ngơ ngác, thoáng chốc, ông chột giật mình nhớ ra, vội gượng dậy mở cửa cho khách. Khách là một ông người Tầu to bự mặc áo

nylon cắt tay, túi ngực phơi lộ lộ một xấp giấy bạc. Sau lưng ông là bà vợ người Bắc, vắn tóc, nhai trấu bồm bồm.

— Chào ông giáo.

— Chào ông, bà chủ. Mời ông bà chủ vào chơi.

Người đàn bà tò mò ngắm ông giáo rồi kêu lên :

— Chắc ông giáo bệnh ?

— Vậy, chúng tôi vẫn khó ở mấy bữa nay.

Ông giáo nói trang trọng theo giọng cổ hũu.

— Thăm nào chúng tôi tới ngoài hàng không gặp ông giáo.

Người đàn bà nói mau mắn và toan tiếp tục thì người chồng đã ngắt ngang :

— Như vậy, chắc ông giáo không làm được thịt chó ?

Ông giáo ngần ngại trước hai người khách sang trọng. Tuần trước họ đã mang xe hơi xuống mua cả con chó ba trăm bạc. Khi ông làm xong con chó, họ lại có nhã ý biểu ông cả bộ lông. Mà con chó ấy, ông chỉ mua có tám mươi lăm đồng bạc.

Thầy ông giáo lưỡng lự, người đàn bà hỏi :

— Thề nào, ông giáo xem có cò giúp được chúng tôi không ?

Ông giáo áy náy đáp :

— Ông bà đã có lòng tín nhiệm tới đây, tôi xin cảm tạ. Nhưng hiềm vì

mây hôm nay, tôi ốm dữ quá nên chưa thể làm gì được. Xin ông bà cảm phiền. .

Người chồng quay hỏi vợ :

— Bây giờ đi đâu ?

— Trở lại mấy hàng cũ mà mua vậy.

Hai vợ chồng người Tàu quay gót sau khi chào ông giáo. Ông giáo nói theo :

— Kỳ sau mời ông bà tới đây, có mấy con thịt ngon lắm.

Người đàn bà quay lại. Bàn tay móng đỏ tím sẽ sàng gỡ cái gai khô ở bụi tre bám vào vạt áo.

Ông giáo đóng cửa vào giường nằm. Trong lúc đang mơ mơ màng màng, ông nghe có tiếng người nói rất nhỏ ở đầu. Ông tỉnh dậy nhưng không mở mắt. Giọng bà cụ già ở góc vườn tiếp tục như có trốn :

— Thề nào, ông giáo đã đỡ chưa ?

Thầy mệt, ông giáo im lặng làm như vẫn ngủ. Bà cụ nghe ngóng một lát rồi đi lẩn trở ra sau. Một lát, ông nghe có tiếng ông trưởng ấp chào bà cụ ở ngoài hàng đậu.

— Cụ vẫn mạnh chứ ?

— Cảm ơn ông. Tiết trời mây hôm nay đôi quá.

— Hôm nào khỏe, cụ lại nhà con lấy cái sò nhà cho tiện việc kiểm soát cụ ạ.

— Cảm ơn ông. Để chừng nào khỏe tôi xin lại.

Nghe tới đây ông giáo giật mình.

oan ngồi dậy nhưng không được. Ông thở mạnh rồi lại thiếp đi. Trong giấc ngủ, ông thấy mình hoan hỉ đi trên con đường lát gạch, quanh co chạy trên những bờ ao rộng. Hai bên đường cỏ vừa được dọn sạch, cây cối được phát quang, phơi lộ bầu trời xanh lơ lơ. Những bụi tre, bờ dâu được rào lại chắc chắn, gọn ghẽ. Những diềm canh, đình chùa được quét vôi lại sáng sủa, tươi tắn. Những khẩu hiệu chiến đấu kẻ phơi phơi trên tường. Ông đọc những danh từ mới trên miệng, lòng sung sướng như chính mình là chủ nhân những danh từ sống động đang mở dần cho mọi người một con đường đi đến tương lai. Ông đến đình làng tập nập những người. Họ bao lấy ông, mừng rỡ, hân hoan chờ ông khai mạc lớp học bình dân. Ông cũng thấy bà Tư bé được người nhà đột được đưa từ làng dưới lên đình, chờ ông tan lớp học tối để hỏi về nghĩa mấy chữ « phòng thủ thụ động ». Và cuối cùng là hình ảnh hai cha con ông ngạc nhiên ở giữa khu « chợ trời » bên hồ Ha-Le, nhìn những bộ mặt cũng ngạc nhiên như mình, hỏi xem đường nào dẫn tới tòa thị chính để ghi tên di cư vô Nam.



Ông giáo lắng tai nghe ngóng. Bọn trẻ lại kéo nhau tới đánh bạc ở gian nhà trống. Chúng nói thăm thì với nhau như sợ làm kinh động giấc ngủ của ông. Có những tiếng suýt xoa lẫn những tiếng cười hích hích trong cửa miệng. Thịnh thoàng một đứa đang

trí bật lên nói to lập tức có những tiếng « suýt suýt » nổi lên ngăn cản, nhắc nhở. Ông giáo cò ý ho một tiếng. Bọn trẻ im bật. Rồi lại cười rúc rích với nhau. Thấy người đã bớt mệt, ông yên lặng xuống giường, ra sau, sang gian nhà bên cạnh.

Bọn trẻ độ năm sáu đứa, cỡ 15, 17 tuổi, đang ngồi quây xung quanh một cái bàn dài dùng làm bàn bạc. Thầy ông giáo xuất hiện đột ngột, yên lặng đi lại phía mình, bọn trẻ hơi ngạc nhiên. Một vài đứa lộ vẻ lúng túng. Thằng Tịnh — một đứa đã từng cầm dao cản bờ không cho đánh mẹ — ngừng nhìn ông giáo rồi nói :

— Thầy giáo đã đỡ chưa ?

Một đứa khác tiếp :

— Thấy bình từ hôm kia ? Thấy chích thuốc tây hay uống thuốc bắc ?

— Vẫn dùng thuốc tây từ hôm bình đến nay.

Ông giáo đáp. Thấy những lời sẵn đón của bọn trẻ phảng phất có đôi chỗ giống trong giấc mộng vừa rồi.

— Hôm nay Quí đi thi phải không thầy ?

— Ừ, hôm nay em nó đi thi. Không biết có hy vọng chút nào không ?

— Quí thi chắc ăn quá rồi thầy còn phải lo gì.

— Biết thế nào mà nói trước. Thi concours chứ có thi thường đâu mà đoán được.

— Vâng, kỳ thi này khó thật. Nghe đâu ông Trường-ấp phải chạy tiền để lo cho con ông ấy.

Ông giáo cau mặt. Hai lỗ mắt trở nên sâu hơn.

— Tịnh chịu khó xuống dưới góc vườn gọi bà cụ già lên đây.

Thằng Tịnh có vẻ bằng lòng vì được giúp ông giáo. Nhưng trước khi đi còn cò hỏi :

— Gọi bà ấy lên làm gì hở thầy ?

— Cứ gọi bà ấy lên đây rồi khác biệt.

Nghe câu trả lời úp mở của ông, bọn trẻ giương mắt nhìn nhau rồi nhìn thằng Tịnh chạy xuống dưới vườn.

Một lát sau, bà cụ theo thằng bé lên. Mấy tuần nay nom bà cụ sút hẳn người. Hai vai mỏng đi, nhô xương. Da mặt tóp lại, xỉ xuống. Mớ tóc vẫn trần bất đầu lệch lạc. Tầm áo lụa buông trên người bà ít khi được phảng phiu như trước. Bà vịn vào một mép bàn, hỏi giọng khàn khàn :

— Ông giáo cho gọi tôi lên, có điều gì dạy bảo ?

— Có phải bà định xin ông trưởng ấp sở nhà ?

— Dạ, tôi cũng chưa biết có nên hay không.

— Tôi nói thực, nếu bà định xin sở nhà để rồi bán đất của tôi thì thật là hết cả tử-tề của tôi từ trước tới giờ.

— Ô hay, tôi có định bán nhà, bán đất bao giờ đâu ?

— Thề bà định xin sở nhà làm gì ?

— Để tôi nói ông giáo nghe. Lúc sáng tôi lên thăm ông giáo nhưng ông giáo ngủ. Lúc tôi ra tới bờ dậu thì

gặp ông trưởng-ấp. Ông ta bảo tôi lúc nào rảnh thì lại nhà ông lấy cái sổ nhà cho tiện việc sổ sách. Tuy vậy, tôi vẫn định chờ để hỏi ông giáo xem có phải ai cũng phải có sổ nhà cả không rồi mới dám lại nhà ông ấy.

— Không cần, không cần. Bà ở đất của tôi, dùng sổ nhà của tôi là hợp-lý lắm rồi. Bà xin sổ nhà, khi bà bán nhà tôi mất đất hay sao. Tôi nói thực, bà làm như vậy không được đâu. Từ trước tới giờ tôi ăn ở với bà con ở đây ra sao, bà đã biết. Đừng phụ lòng tôi:

— Ông giáo cứ dạy quá lời. Ông giáo, tôi dám đâu sao lãng. Nếu tôi có chết hoặc đi nơi khác, căn nhà ấy tôi cũng xin để lại cho ông giáo.

Ông giáo cười nhếch mép như vừa nghĩ tới túp lều của bà cụ. Bây giờ, thêm vào nỗi bức mình vì sợ đất của mình bị bán, ông còn khó chịu vì bà cụ dường như khẳng khẳng không chịu hiểu ông là người vốn sẵn sự đại-lượng. Sự khó chịu càng tăng khi ông nhận ra những lời như cam chịu thiệt-thời của bà già. Ông nói rõ từng tiếng :

— Nói thề, không phải vì tôi cần túp lều của bà. Tôi chỉ muốn tránh những điều phiền phức có thể xảy ra sau này.

Bà cụ vẫn với dáng đứng xeo xo, buồn buồn, vẫn có những lời phân minh đáp lại :

— Ấy chết, ông giáo vẫn cứ dạy quá lời. Nếu tôi là người ăn ở thiếu trước thiếu sau, có bao giờ trời lại

cho tôi gặp người quí quá như ông giáo. Nếu tôi là người ham tiền bạc hơn nhân-tâm, tôi đã không bỏ mấy trăm mẫu ruộng ở ngoài kia để vào đây.

Ông giáo nhìn bà cụ, khó chịu ra mặt. Cuộc sống lấm lũi như lần-khuất của bà làm ông có lúc ái-ngại, nhưng « mấy trăm mẫu ruộng của bà ở ngoài kia », « mấy người bà con có ô-tô của bà ở Sài - Gòn » làm ông bực mình. Nhiều lúc ông đã toan bảo bà cụ : « Sao bà không ở lại với mấy trăm mẫu ruộng của bà, sao bà không ở với mấy người có ô-tô ở Sài-Gòn mà lại về đây, ngày này qua ngày khác oa ước có một luồng đất trồng rau đây ? » hoặc : « Chẳng lẽ chỉ vì muốn có một luồng đất trồng rau mà bà phải bỏ mấy trăm mẫu ruộng vào đây ? » Nhưng trông dáng người phảng-phất một vẻ cao quí của bà, nhớ lại lời ăn tiếng nói từ trước tới giờ của bà, ông thấy mình không thể vì quá bực tức mà liều lĩnh hỏi những câu như thế.

— Bà cứ lấy sò nhà của tôi là được rồi.

Ông giáo dặn bà cụ trước khi bỏ vào nhà. Bà cụ từ tốn nhìn theo ông giáo cho tới lúc ông đi khuất. Bà quay lại bên bọn trẻ lúc này đã tiếp tục sát phạt. Bà hỏi :

— Các em từ đâu lại đây thế ?

Một đứa đáp, cồ làm ra vẻ nghiêm trang :

— Cháu ở gần đây. Phía cuối xóm.

Một đứa khác vừa vứt một cây bài vừa tiếp lời bạn :

— Còn cháu, cháu ở phía đầu xóm.

Thằng Tịnh bật cười, nheo mắt nháy mấy đứa khác rồi nhìn bộ mặt ngơ ngác của bà cụ, nó nhăn nhó nói đùa :

— Còn cháu, cháu ở ngay trong lầu của cụ, cụ không biết sao ?

Bà cụ cười, lắc đầu :

— Ta hỏi thật tình mà sao cháu đáp lém thề.

Thằng Tịnh bướng bỉnh cãi cò :

— Cụ già rồi, cụ lẩn mắt rồi. Con cháu ở trong nhà mà cụ còn không nhận ra thì thật hết đường.

Bà cụ chớp mắt, hơi nghiêng người nhìn thằng Tịnh :

— Cháu ta đâu có như thề này.

— Cụ lẩn mắt rồi, cụ ơi.

— Cụ lẩn mắt rồi cụ ơi...

Bọn trẻ vừa nhao nhao lên cãi vừa cười như phá.



Mấy cây rau muống bà cụ trồng ở cái hồ sau lều hôm nay nở đầy hoa, trông như những cái chuông tím lúc lắc trên những dây leo bám vào mấy cái que. Lúc rau còn non, ngọn lớn như những ngón tay bụ bẫm, bà cụ vẫn bảo : « Rau thề này chỉ mười ngọn được một bó ». Tuy vậy bà không dám ăn, sợ mang tiếng lợi dụng đất đai của ông giáo. Bà chỉ cần để nguyên chúng mọc ở đó. Sớm chiều ra vào, trông thấy có ngọn đã bò lên tới mái lá, có ngọn đã già bắt

đấu trổ hoa, bà cũng thấy vui vui. Nhiều lần bà ao ước có một con chó để nuôi, một luống đất trồng rau nhưng bà cũng biết bây giờ, ao ước đó chỉ tỏ được rằng ở tuổi già, người ta thường có nhiều mong muốn nhỏ nhặt, tầm thường mà trong những ngày niên thiếu người ta không để ý hoặc cho là lẩn thẩn.

Giữa lúc bà cụ đang ngẫm những cây rau muống, ông giáo cho thằng Quí xuống gọi bà cụ lên. Bà hỏi Quí, giọng bình thường nhưng vẻ mặt dăm chiêu :

— Cậu có biết ông giáo cho gọi tôi lên vì chuyện gì không ?

— Cháu không biết.

Quí đáp gọn lỏn, như không biết thực. Nó lùi lại sau bà cụ, quay nhìn mấy luống sắn xanh um che khuất túp lều của bà. Từ dạo bắt đầu có những cơn mưa tầm tã vào buổi chiều, cây cỏ trong vườn sẫm uất, tươi tốt, ít khi thằng bé thấy bà cụ ra khỏi đám sắn xanh um đó. Nếu thỉnh thoảng không thấy một làn khói mong manh bốc lên ở góc vườn, thằng Quí đã nghĩ bà cụ đã chết âm thầm ở trong lều như một con ếch ương chết trong chum nước hay đã bỏ đi một cách bí mật như một bà già trong truyện cổ.

Bà cụ im lặng đi từng bước, từng bước. Sự chắc chắn, thăng bằng ở bà hầu như chẳng còn lại được bao nhiêu. Từ hôm ông giáo khỏi bệnh đến nay, có lúc bà thấy ông có những thay đổi là lạ. Ngoài giờ xuống phố bán hàng, ông thường đi xe lên tỉnh

nghe ngóng kết quả cho con. Mỗi lần được trả lời chưa tới ngày treo bảng hoặc kết quả kỳ thi còn phải hoãn lại vài ngày mới được công bố, ông trở về với sự hồi hộp mỗi ngày một tăng. Ông như người đang đi trên con đường có nhiều hồ, đã bước hụt nhiều lần. Ông đã không thể giấu được những lời bực tức, thiếu bình tĩnh.

Lên tới nhà ông giáo, thấy ông đang xoay trần, thui con chó với mấy đứa trẻ, bà cụ hỏi :

— Ông giáo cho gọi tôi có điều gì dạy bảo ?

Ông giáo cười hì hà :

— Lúc sáng đi coi bảng cho cháu. May mắn quá cụ ạ, cháu được trúng tuyển.

Bà cụ cười theo. Những nếp nhăn trên má lẫn lộn với những nếp nhăn trên trán khiến nụ cười như chỉ thoáng qua, rất yếu.

— Thê cũng là nhờ hồng phúc tổ tiên đây ông giáo ạ. Cậu ấy đậu tôi cũng được mừng lây.

— Vâng, thê là may mắn lắm đây. Bây giờ càng năm càng thi khó. Hơn năm ngàn người thi, họ chỉ chọn có ba trăm. Mà cháu cụ lại được đậu hạng đầu đây cụ ạ.

— Thê thì dễ chính-phủ cấp cho tiền ăn học đây ?

— Vâng, thê nào cũng xin được cái học bổng.

Ông giáo vừa nói vừa nắm chặt bàn tay đẩy tro với mõ như muốn diễn-tả

một sự chắc chắn. Trong đời ông, những lúc ông vụng về nhất thường là lúc ông sung-sướng, hãnh diện nhất. Những lúc ấy, vẻ trang-trọng, sự cẩn thận thường nhật của ông như đã được cắt đi một chỗ thật kín đáo.

Ông nói tiếp trong lúc mặt vẫn rạng - rõ lạ thường. Nếu nhìn vào gương chắc ông sẽ ngán-ngại không dám nhận ngay bộ mặt đó là của mình.

— Lúc nãy gặp ông giáo dạy cháu. Ông nghe tin, mừng lắm vì cả lớp chỉ có cháu Quí với ba người nữa được trúng thôi.

— Quí hóa quá. Ngày trước, như thế, cả làng ăn mừng đây ông giáo ạ.

— Vâng, trước kia ít người thi mà còn khó thế... Nhân dịp này, lại có anh nó chiều nay về chơi. Vậy chốc nữa mời cụ lên dùng cơm với cha con chúng tôi.

Nghe nói, bà cụ áy náy ra mặt. Bà đang đứng giữa sự muốn làm vừa lòng ông giáo và sự gìn giữ cẩn-thận xưa nay. Cuối cùng bà đành từ chối theo thông lệ :

— Ông giáo đã quí mà cho ăn cơm, tôi thật cảm ơn. Nhưng chẳng nói, ông giáo cũng rõ, dạo này tôi khó ở quá nên vẫn thường phải kiêng khem ăn uống. Ông giáo bỏ lỗi cho.

Ông giáo gạt đi :

— Thôi mà cụ. Lâu lâu mới có một ngày vui cho cháu. Cụ nữ nào từ chối ? Vì bằng cụ không dùng được thịt chó, đã có thịt gà. Có mấy bà con sớm tối quây quần với nhau, xin

cụ cứ coi như chỗ con cháu trong nhà, đừng để chúng tôi phải mời mọc khinh sáo.

— Thôi thì ông giáo đã ép, tôi chẳng còn biết nói sao. Nhưng ông giáo phải cho tôi mó chân mó tay vào giúp các cháu mấy việc vặt mới được.

Bà cụ nói như để một mình nghe rồi vào gian nhà trồng, ngồi xuống dưới cái đèn kéo quân của thằng Quí, lúi húi nhặt rau. Ông giáo trông theo toan nói gì nhưng lại lắc đầu, cúi xuống trở con chó thui.

Thằng Tịnh ôm một bó cỏ khô đèn quăng xuống cạnh ông giáo.

— Chứng nào Tân về hỏi thầy giáo ?

— Nó nhân là chiều nay nó về. Nghe đâu về để đi Vũng Tàu học truyền tin.

— Tân đi được mấy tháng rồi hả thầy ?

— Cỡ ba tháng gì đó.

Thằng Quí đáp thay cha.

— Nghe nói theo học truyền - tin được đeo chữ « thọ » lớn lắm phải không thầy ?

— Cái đó chẳng biết đâu được. Dù sao đi ngành cũng được cái nhãn.

— Anh ấy đi truyền-tin mình tha hồ có « ê-cút-tư », « ga-len » để làm ra-dô củ khoai.

Một đứa nói :

— Sờ phụ-trương Ngôn-Luận tuần này có kiểu ra-dô làm dễ lắm. Quí mua chưa ?

— Mới mua Tuổi Trẻ thôi. Kỳ này hình tờ được in trong mục « Gia-đình Tuổi Trẻ » rồi.

— Thề à ? hay nhỉ !

— Đâu, ở đâu ?

— Chờ nữa hãy coi. Làm gì nóng ruột thề ?

Ông giáo vui chuyện thêm vào một câu :

— Bây giờ ngành truyền tin quan trọng lắm. Ông Kút-xép với ông Ken-ne-đây đang tính mắc điện thoại để nói chuyện tiếng với nhau kia kia. Như vậy nếu có sự hiểu lầm, ông nọ chỉ cần nhắc ông nời, nói toạc với ông kia là xong. Thề giới khỏi phải chiến tranh.

— Họ khôn nhỉ ?

Thằng Quí cười tùm tùm, nhớ lại một điều đã được nghe hay được đọc ở đâu :

— Họ càng khôn, càng dễ chiến tranh. Ngày trước đâu có bom nguyên tử, phi cơ, tàu bò, người ta đâu có giết gân, yếu tim như bây giờ !

— Ủ, bây giờ người ta gần được nhiều thứ mà trước kia các cụ cho là xa xôi. Họ gần trăng, sao, tinh tú... và gần cả cái chết.

Một đứa nói, đặc ý ra mặt. Đôi môi non hồng của nó tươi thêm vì nụ cười sung sướng.

Ngồi xôm bên con chó co quắp, bốn cẳng chống lên trời hàm răng cắn chặt nhau nhe ra, những đường da

nứt để lộ các vết mỡ trắng, thằng Tịnh tâm tắc tiếp lời bạn :

— Thịt này thái mỏng, chấm muối ớt chanh thì có trông thấy ngay ông bà ông vải cũng cam.

Nói xong, nó nuốt nước bọt liên tiếp làm như vị thịt chó nóng sốt, béo ngậy lẫn với vị chua chua cay cay của muối ớt chanh đã ở sẵn trong những hạch nước bọt từ bao giờ. Nó nhớ tới bữa cháo gà tối qua nấu vụng trộm ở bếp nhà một đứa bạn. Nó và mấy đứa nữa nằm ngón ngang trên một chiếc chiếu cối đã tã trên nền bếp chờ nồi cháo chín. Khi chúng nó sắp ăn thì thằng Ruệ đi gác bậc về, rẽ qua đó. Thằng Ruệ từ trước tới nay vẫn nổi tiếng là gan lì. Một bạn nó bị lão hàng xóm đến trước cửa sinh sự, la hét om sòm kêu nó ra nhưng nó vẫn lờ như không biết, ngồi im ở trong nhà uống rượu. Thấy vậy, lão hàng xóm càng làm dữ, sẵn áo, đập cửa, thách đồ nó bước ra khỏi nhà, rồi kêu tên mẹ nó mà văng tục. Thằng Ruệ điên tiết, vớ con dao chạy ra. Thấy đáng bộ hung dữ của nó, lão hàng xóm co giò chạy biến. Thằng Ruệ vác dao sục sạo một hồi không thấy lão đâu, quay trở về, rên rỉ như bị thương nặng. Nó réo tên lão, kêu lão là « thằng hèn » rồi nghiền răng cầm dao bấm vào cánh tay cho máu bật ra chan hòa. Sau vụ này ai cũng sợ sự giận dữ điên cuồng của nó. Nhất là bọn trẻ, chúng luôn luôn tránh những trường hợp có thể làm thằng Ruệ nóng tiết. Gần đây, Ruệ mê đứa con gái út mụ Cả Chanh,

uyên bồ với mọi người sẽ đi làm phu hồ để cưới vợ. Vì vậy khi thấy Ruệ xuất hiện trước nồi cháo, nồi cháo nấu bằng con gà vừa bắt của mẹ Cả Chanh, bọn trẻ lăm lét nhìn nhau sợ hãi. Thành Ruệ nói nó đã biết hết cả. Nhưng nghĩ tình « anh em », nó chỉ yêu cầu bọn trẻ mang nồi cháo sang trả mẹ Cả Chanh và xin lỗi mẹ ít câu cho hợp tình. Thành Tịnh vừa tiếc vừa giận nhưng không làm gì được. Có lúc thành Ruệ cúi xuống nồi cháo ngửi ngửi, hít hít ra chiều khoan khoái, Tịnh đã toan rút một thanh củi lớn than đỏ rực đập vào mặt nó, muốn ra sao thì ra. Nhưng Tịnh đã nhận ngay ra hoàn cảnh bất lợi của mình, đành nín khe nhìn mấy đứa trẻ theo Ruệ ra khỏi nhà với nồi cháo còn nghi ngút hơi. Tịnh nuốt nước bọt như nuốt theo sự căm phẫn của mình.

Giữa lúc Tịnh nuốt nước bọt để nhớ lại cảnh nước nuốt bọt trôi qua, một đứa bé ở ngoài chạy vào báo nó :

— Có một thằng nào lạ lắm đang kiếm mày.

Tịnh đưa cái quạt cho thằng Quý rồi cùng bạn chạy ra.

Một đứa trẻ cỡ mười sáu tuổi, hai hai mắt sáng, gò má cao cứng lại, hai tay cho vào túi quần đang chờ Tịnh ở ngoài cổng.

— Ủa ! tao tưởng mày đang chặn vịt ở Long-An với mấy đứa khác ?

Tịnh hỏi.

— Hết chặn vịt rồi. Đêm qua Việt Cộng với lính bắn nhau chết vô số ở

cạnh chòi. Tao ớn quá, bỏ về đây ngay.

— Sao không về Sài Gòn ?

— Ông già tao đâu có nhận nữa mà về ?

Thằng bé vừa đáp vừa nhìn mái tóc mới sậy loăn xoăn của Tịnh.

— Dạo này sang nhì. Có gì cho anh em ăn không đây ?

— Ở đây chút nữa thấy giáo cho ăn thịt chó.

— Thấy giáo nào ? Thịt chó nào ?

— Thấy giáo trước dạy học ở đây này. Hôm nay con thấy đậu. Thấy khao bọn này một châu. Vào đây.

Tịnh vừa nói vừa kéo thằng bé Sài-Gòn theo.

Khi hai đứa qua cái đèn kéo quân, bà cụ già ngừng lên hỏi :

— Các em từ đâu lại đây thế này ?

Thằng bé Sài-Gòn lúng túng trước khuôn mặt điểm đậm ngừng lên chờ đợi của bà cụ. Nó ấp úng :

— Dạ... dạ, cháu ở Sài-Gòn xuống chơi.

Thằng Tịnh hích vào sườn bạn một cái rồi nghiêng đầu đáp :

— Còn cháu, cháu ở ngay trong lều của cụ, cụ quên sao ?

Bà cụ cười lắc đầu :

— Ta hỏi thật tình sao cháu đáp lém thề. Cháu ta đâu có thề này.

Rồi bà nhìn thằng bé Sài-Gòn :

— Em ở Sài-Gòn, thì em có nghe nói đến con mẹ điên ở Chí - Hòa không ?

Mặt thằng bé Sài-Gòn dãn ra ngạc nhiên. Tịnh nói vào tai nó :

— Mẹ điên chính là bà cụ đó.

— Em không biết mẹ điên đó thật sao ? Mấy đứa cháu ta ở Sài-Gòn, ta thương nó nhất đó. Nó không có xe hơi, không có chồng nhưng cực cho nó quá, nó có nhiều con. Mỗi kỳ sắp năm ở nó thường phát điên lên, hò hét om sòm khắp khu phố. Nó trát phân đầy mặt, tô son đỏ môi, đóng cái quần « si-líp » ra ngoài quần dài, rồi đứng ra ngã tư, chỗ nó vẫn ngồi bán thuốc lá, gọi tên từng người đàn ông mà khóc.

Thầy bạn ngây người ra nghe, thằng Tịnh kéo bạn vào :

— Vào đây mà xem thật chó.

Nhưng từ phía trong mấy đứa trẻ đã nổi đuôi nhau đi ra. Một đứa hỏi :

— « Mẩn » không mày ?

Tịnh cười :

— Ừa, « mẩn », thì « mẩn ».

Cả bọn kéo nhau ra mấy cái bàn dài kê sát nhau đánh bài.

Ở trong này ông giáo gọi con :

— Quí.

— Dạ !

— Từ nay tới ngày tựu trường có đọc sách báo thì đọc chứ đừng bắt chước chúng nó đánh bạc.

••

Ông giáo thành kính thấp hương trên bàn thờ rồi nghiêm chỉnh khăn khứa lăm răm trong miệng. Trước mặt ông hai ngọn nến đỏ cháy bập bùng. Chưa bao giờ ông thành thực tin vào tổ tiên như lúc này. Ông tưởng như các cụ đã nghe rõ lời ông nói với bà cụ già lúc nãy : « Miễn sao cháu nó có chí học, có chỗ học là được. Còn tiền bạc, nhờ trời mà trúng được cái xổ số thì tiêu suốt đời. Mỗi liên lạc với những người đã khuất như đã biểu hiệu bằng dòng chữ « Nguyễn-văn-Quí, số báo danh 1028, Phúc-Yên » trên tờ giấy đánh máy dán trong tấm bảng chàng đây thép mắt cáo. Những ngày tháng đã qua các ngài nằm im lìm trong vùng đất dĩ vãng hoang phế bỗng dựng các ngài như hồi sinh và vùng đất dĩ vãng hoang phế cũng như được sửa sang quang đãng do đôi bàn tay nhỏ bé của thằng Quí. Và ông giáo đã hoan hỉ đứng sau con để thấy được gần gũi các ngài.

Khăn xong, ông giáo quay ra bàn uống nước. Bà già vẫn từ tốn ngồi thu trên tấm ghế, hai bàn tay yên ả đặt trên hai đùi trông như một bức ảnh thờ. Ông giáo chợt có ý nghĩ bà cụ đã ngồi như vậy nhìn ông khăn vái như thân mẫu ông trước kia.

Ông rót một ly trà nóng đặt trước mặt bà cụ :

— Cụ soi nước.

— Tôi không dám.

Giọng bà cụ thật điềm đạm. Ông giáo mỉm cười một mình. Từ ngày

bà đèn đây tới giờ, tuy đã có người nói bà cụ dở người hoặc có nhiều thâm ý, song đối với ông, bao giờ bà cụ cũng tỏ ra nghiêm trang đáng hoàng,

Ông vớ cái điều hút một hơi rồi hỏi giọng sáng khoái :

— Thưa cụ, năm nay chắc cụ tới ngoài bảy mươi ?

— Thưa, kém ba tuổi thì đầy tám chục. Tôi còn nhớ mùa xuân đắp tấu vào đây, có một người ngoại quốc đeo máy ảnh đã nhờ người hỏi xem tôi bao nhiêu tuổi.

Ông giáo cất tiếng gọi thằng Quí :

— Quí, sửa soạn lau bát đĩa đi nhé. À, mà ra ngoài hàng bà Tám mua mấy chai la-de về đây.

Ngoài kia có tiếng thằng Quí nói nhỏ « Ách chuồn, nội rồi ! » rồi nói to « Vâng, con đi mua ngay ».

Một đứa hỏi vọng vào :

— Tới giờ này sao anh Tân chưa về thấy giáo ?

— Không hiểu sao nó chưa về. Có lẽ mắc kẹt gì chăng ?

— Trời muốn mưa mắt thấy giáo ạ.

— Lo gì trời mưa. Mưa ăn thịt chó càng âm bụng.

Bọn trẻ đã thôi đánh bạc, ùn ùn kéo nhau vào trong nhà. Thằng Tịnh kéo thằng bé Sài Gòn đến trước mặt ông giáo :

— Anh bạn con vừa ở Sài Gòn xuống chơi.

Ông giáo nhìn thằng bé được giới thiệu bằng con mắt dễ dãi :

— Cậu ở đây rồi dùng cơm với các em.

— Dạ, cảm ơn thầy giáo.

Thằng bé nói với giọng tin tưởng chủ nhân không khó tính.

Trời dần dần nổi gió. Bụi tre mai nghiêng ngả, xào xạc.

Ông giáo lộ vẻ sốt ruột :

— Không biết sao giờ này thằng bé chưa về.

Bà cụ hỏi :

— Cậu ấy ở đâu về thề há ông giáo?

Bọn trẻ bầm nhăm cười khúc khích. Còn ông giáo đã vội vã chạy ra sau nhà.

Thằng Tịnh nói đùa :

— Cậu ấy ở... Ngã ba chú Ía.

Bà cụ ngỡ ngác rồi dăm dăm ngó thằng bé, chờ một lời giải thích. Thằng bé Sài Gòn vội hỏi :

— Các cậu có biết thằng Xã Rõ vừa tròn trại giáo hóa về ăn ở Ngã Ba Chú Ía ?

Một đứa đáp :

— Nó lại bị lính bắt ngay rồi còn gì.

Đứa khác tiếp :

— Thằng đó hết thời rồi. Nó bị liệt một cánh tay. Đứng trước lính nó lằm lét như con chó dại.

— Nó bị bắt từ khi lính xích nó

Nỗi sầu của mẹ

LÊ-THÙY-LAM

*Khi người mẹ dơ cánh tay sầu tủi
Giữa hư vô và xiết lấy hình con
Tôi chợt thấy tiếng âm vang rừng núi
Len trong thân và lạnh suốt linh hồn*

*Màu năm tháng làm hoa từng mất nhớ
Ở nỗi sầu nào đó cũng ngáy thơ
Sự chua xót thêm mấy lần phần uộ
Tiếng ru mềm mẹ chết những hoa mơ*

*Tôi cô độc buồn rơi từng tiếng khóc
Đêm hoang vu và trời lẩn nơi đâu
Một âm thầm rất cao và hàn học
Lê loi nằm yên ngón nhỏ hoang sầu*

*Giọt nước mắt làm bong từng đi tích
Màu đỏ nào của máu chảy trong tôi
Khi thương để không làm người ham thích
Thì nghĩa gì khao khát ấm trên môi*

*Tôi mất hết bên nỗi sầu của mẹ
Nhưng niềm vui và ý sống hôm nay
Mỗi trót mạn vị hương nồng của bế
Đời hoang vu nghe chơi vơi trong ngày*

đưa về vườn lão Kiệm để chỉ mấy cái xe đạp giấu dưới cái giếng khô,

— Ủ, từ đó đến nay có ai nhớ tới nó nữa đâu.

Một đứa cướp lời thằng Tịnh :

— Thôi đi bỏ. Trước kia bố ngăn nó một cây.

Tịnh bĩu môi cười :

— Tụi bay còn nhớ lần tao đánh chần ở nhà Đội Năm, nhân viên hội đồng xã không ?

Mấy đứa trẻ đều nhớ vụ đó nhưng không đứa nào nói.

— Đội Năm độc nọc ấu tao còn mắng vào mặt nó nữa là.

Một đứa cười lớn :

— ... nhưng sau khi mày chạy về nhà vác dao lại.

Thằng bé Sài Gòn nhún vai như Tây con :

— Vác dao đâu có xấu.

Tay nó vung qua vung lại đập vào vai bà cụ làm bà cụ giật mình.

— Cháu nói chuyện cầm dao. Ai cầm dao thế ? Người ấy ở đâu thế ?

Thằng Tịnh bật cười :

— Cháu cụ cầm dao chứ còn ai nữa.

Tay bà cụ vơ vuu trên thành ghế như xua đuổi cái gì.

— Ấy chết. Cháu đừng nói thế.

Tụi trẻ thấy bà cụ nói ngổ ngỗ, toan trêu thêm mấy câu nữa thì ông giáo đã lễ mễ bưng vào một mâm thịt

chó. Bọn trẻ phải rụt ra cho ông lấy
lỗi đi.

Một lát sau thằng Quí về, theo sau
là ông Đông-y-sĩ Hoàng-An-Đường.
Ông giáo có vẻ ngạc nhiên vì sự có
mặt khá đột ngột và không đúng giờ
giáo của ông cụ. Như hiểu được thắc
mắc của ông, ông Đông-y-sĩ nói :

— Cách đây mười hôm nghe em
nhỏ nói bà cụ ở đây mấy lúc này
không được khỏe, tôi đã định xuống
thăm nhưng dạo này hàng họ bận bịu
quá, mà chính bản thân tôi dạo này
cũng không được khỏe, nên mãi chiều
nay nhân thằng cháu nó có chút việc
xuống đây, tôi mới đi nhờ xe nó để
thăm cụ và ông giáo.

Những lời dài dòng này không
những chẳng làm bớt được sự ngạc
nhiên của ông giáo, còn làm tăng sự
băn khoăn của ông nữa là khác. Ông
lờ mờ thấy trong lời lẽ của ông Đông-
y-sĩ có chỗ không được sáng sủa.
Ông kéo ghế, mời khách uống nước.

Ông Đông-y-sĩ hỏi bà cụ :

— Dạo này cụ thầy đã được khỏe
chưa ?

Bà cụ đáp giọng hơi bất thường
như cảm động :

— Cám ơn cụ. Người tôi lúc này
cũng nhùng nhắng. Mỗi bữa cũng còn
ăn được hai miếng bát cơm. Nửa
tháng trước đây, tôi cứ tưởng khó
qua được cụ ạ.

Bà cụ vừa nói vừa kéo hai chân
sát lại nhau hơn, người cúi xuống
thấp hơn để để phòng một tiếng sét

theo sau tia chớp vừa sẹt một vết
lớn ở ngoài kia.

— Tôi mang xuống hai thang thuốc
bỏ để cụ dùng cho khỏe.

— Quí hóa quá. Cụ đã mất công
lặn lội xuống thăm lại còn cho quà
nữa...

— Có gì mà cụ thắc mắc. « Cây
nhà lá vườn » cả mà.

Tới đây giọng ông cụ trở nên to
tát, rõ ràng hơn.

— Dạo này yếu, có lẽ cụ cần đến
mấy chỉ vàng cụ gửi tôi ?

Bà cụ như ngờ ngác rồi giật mình
nói :

— À, à, tôi cũng chẳng cần dùng
gì tới sỏ tiền đó. Như tôi đã có lời
thưa trước với cụ dạo nọ, nếu chẳng
may tôi có mệnh hệ nào, thì xin cụ
dùng sỏ tiền đó đắp diêm cho tôi
được mồ yên mả đẹp.

Ông giáo tưởng mịa cũng nên
thêm vào một câu :

Cụ lo gì, con cháu cụ ở trên
thành phố, dù lúc cụ sống họ chẳng
ở trọn với cụ, đến lúc cụ chết, chẳng
lẽ họ lại ngoảnh mặt làm ngơ. Dù sao,
họ cũng còn sợ mang tiếng với bạn
bè, họ hàng thân thích của họ. Cụ
đừng có lo.

— Ông giáo dạy phải đây. Cụ cứ
nghe tôi, cầm lấy sỏ tiền đó mà dùng.

— Không được cụ ạ. Xin cụ cứ
giữ giúp tôi.

Bà cụ nói thật điều độ nhưng quả
quyết.

Ông Đông-y-Sĩ nhìn bà cụ rồi cười với ông giáo, hỏi to :

— Thề cụ có còn nhớ cụ gửi tôi bao nhiêu không ?

Bà cụ như không muốn nhắc lại số tiền đó khiến ông Đông-y-sĩ phải nhắc giúp bà. Đoạn ông gật gật đầu cụp râu bạc rung rung :

— Nói ông giáo bỏ qua cho, nhân tiện có ông giáo đây nên tôi cũng muốn nói rõ số tiền bà cụ gửi tôi là bao nhiêu để nhớ khi bà cụ có mệnh hệ nào, tôi còn có chỗ nói với con cháu bà cụ.

Ông giáo nghe nói cười hi hi. Ông đã rõ mục đích ông Đông-y-sĩ tới đây. Nhìn cái ô đen, cái quần sần móng lợn của ông cụ, ông giáo không thấy sự cần trọng đâu, chỉ thấy hình ảnh một sứ giả nhà trời đi tới nhắc nhở với bà cụ cái lẽ gần đất xa trời của tuổi già.

Thầy ngoài trời đã lác đác hạt mưa ông Đông-y-sĩ vội đứng dậy ra về. Ông giáo tiễn khách ra tới cổng, khách còn cò nán lại nó, câu cuối cùng.

— Bà cụ cần thận quá ông giáo ạ. Có ba chỉ vàng bà cụ gửi mua từ ngày mới vào đây, bao nhiêu lần đau yều bà cụ vẫn không chịu lấy.

Quay vào nhà ông giáo vội bảo bọn trẻ :

— Thôi, mỗi cậu một tay dọn giùm cái bàn để ăn cho sớm bữa.

Thằng Qui hỏi :

— Không chờ anh Tân về hả thầy?

— Tôi đến nơi rồi còn đợi nổi gì.

Bọn trẻ chờ đợi phút này từ lâu nên chỉ chốc lát chúng đã giúp ông giáo bày xong các thức lên bàn. Bữa ăn bắt đầu bằng mấy câu trịnh trọng đá chút khôi hài của ông giáo. Bọn trẻ ăn uống một cách hoan hỉ, thiết tình. Riêng bà cụ, lúc nào cũng bình tĩnh, yên lặng. Bà vừa ăn, vừa như đối thoại với người ở thế giới xa xôi nào. Bữa ăn sắp tàn thì Tân về. Ông giáo và mấy đứa trẻ chạy ra một lượt khi chiếc xích lô máy chạy xinh xắn vào trong sân.

Tân ngồi ở cái giá sắt sau xe như muốn bám vào người phu xe lực lưỡng, cao lớn, ngồi ở trước mặt. Đầu lân đội cái mũ lưỡi trai có vạt che kín cả gáy và hai má. Tầm thân nhỏ nhoi của Tân như chỉ là cái cờ đề trưng lên bộ quần áo trận lụng thụng, rúm ró tức cười. Tân vẫn ngồi êm trên xe mặc xe lăn bánh chậm chậm vào gần mái hiên. Rồi Tân nhoén miệng cười với mọi người. Tiếng ồn ào bắt đầu nổi lên.

Ông giáo và mấy đứa trẻ chia nhau

✦ Tôi khá thích những viên kim cương đẹp, song tôi ghê tởm những miếng bảo thạch đeo ở hoa tai ; chúng cho tôi thấy một người đàn bà mang ở tai này miếng cơm của con cái và ở tai khác danh dự của chồng mình.

Alphonse Karr

THIỆU ĐẤT

khuân chần, màn, sà-cốt, giường vải... vào nhà. Tân giải thích :

— Mình nhiều đồ quá, đã thề ông cai Tân lại gửi thêm bao nhiêu nữa nên lúc này phải ngồi nhờ xe xích lô của anh Lưu.

Tân vừa nói vừa cười thật xinh ! Nhưng chợt Tân ngờ ngác nhìn lên bọn trẻ đứng dàn trên thềm, chúng đang ngó ngoáy bầm nhau cười hinh hích.

Tân ngẩn ngại nhìn quần áo mình rồi rụt rè đưa tay lên lau mặt.

Tân ngó lại các bạn vẫn thấy chúng cười. Cả ông giáo cũng cười theo. Khó chịu, Tân trật mũ ra, thò tay gãi cái đầu nhẵn nhụi. Vừa lúc ấy Tân thấy bà cụ già đang từ trong

nhà chậm rãi bước ra, tiều từ từ lạ chỗ Tân đứng, Tân ngượng nghịu cúi chào bà cụ.

Ở trên thềm có tiếng sì sào rồi có những câu nhắc đi nhắc lại « Em từ đâu lại đây thế ? » « Em từ đâu tới ? » « Em từ phương nào lại ? »

Tân bực mình cau mày nhìn bọn trẻ, thấy chúng đã im lặng, chăm chú nhìn xuống bà già như chờ đợi điều gì. Mặt Tân đỏ bừng. Hai tai Tân tự nhiên thấy nóng.

Bà cụ ngẫm nghia Tân, miệng cười hiền hòa, hai bàn tay nhăn nheo móng đục như ngà đưa lên sửa lại vành tóc bạc. Rồi bà cụ nói :

— Cậu Tân đã về đây à ? Cả nhà vừa đợi cơm cậu mãi.

Y - UYÊN

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES



LOẠI XÁCH TAY ◊ LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY →

tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1. Đường Nguyễn-Sửu — Téléphone : 20.113 — SAIGON



CƠN QUỲ TRONG HẦM

André Maurois

(LƯƠNG NGỌC dịch)

Maurois là văn-sĩ phong phú nhất, vẹn toàn nhất và được nhiều người biết nhất của nền văn-chương Pháp. Ông viết loại nào cũng hay ngang nhau từ những lời hát (có những bản lời hát tuyệt-diệu của Maurois) đến những bài diễn văn tiếp-tân của Hàn-Lâm-Viện, qua những thiên tiểu-sử, tiểu-thuyết, sử ký, và trào phúng. Ông rất xuất sắc trong lĩnh vực truyện ngắn.

Nghề sửa sai thiên-hạ vẫn còn là nghề nguy-hiểm như ở thời hiệp-sĩ Don Quichotte. Nhất là càng không nên làm cái nghề ấy ở những nơi hẻo-lánh trên năm nghìn thước cao và cách tòa-án thị-thành hàng mấy chục ngày đường. Đó là điều mà câu chuyện kể sau đây sẽ chứng-tỏ — nếu xưa nay những câu chuyện kể từng chứng tỏ được một điều gì.

Trước kia tôi có quen Lucien Sabatini ở trường Trung-học Rouen. Khi ấy tôi theo ban triết còn anh thì học toán và từng nổi tiếng về cái lối ăn mặc lôi-thôi. Bấy giờ các sinh-viên toán học chuyên - khoa thường hay mặc áo không nút và lấy dây

cột giầy làm cà-vạt. Áo của Sabatini là thứ áo xác-xơ nhất, bộ dây giầy của anh ta cũng cụt ngắn nhất. Ngoài ra, lại giỏi toán, đá banh hay nên anh được mọi giới đàn anh biết tiếng. Tôi được biết anh ta đã vào trường X . . . và đã ra trường một cách vẻ vang, rồi sau đó, không còn gặp anh ta nữa. Định ninh là anh đã thành tổng thanh-tra Hầm-Mỏ hay Công-Chánh, nên một hôm thỉnh-linh gặp lại anh trên một chuyến tàu đi về miền Nam, tôi bỗng hết sức ngạc-nhiên thấy anh vẫn còn lem luốc như hồi ở trường, nhưng lại còn có vẻ khép-nép, nhân-nhục của một người thất thế.

Gặp lại một người cách biệt đã ba mươi năm bao giờ cũng là một xúc-động mạnh. Trong ký-ức chúng tôi, tên của mỗi người vẫn gắn liền với hình-ảnh một người chưa trưởng - thành. Bây giờ đây chúng tôi thấy lại một người đã đứng tuổi gần như là một ông già và sự đối khác của chính mình từ lâu không trông thấy nay bỗng trở nên rõ-rệt làm sao. Tôi cố nén xúc-cảm và chúng tôi chẳng mấy chốc đều nhận ra nhau ; ấy chính là điều an-ủi cho mỗi người.

— Sabatini hả ?

— Bertrand Schmitt hả ?

— Phải . . . Sao lại lạc đến chốn này ?

Anh đáp :

— Câu đó đáng lẽ nên hỏi ông bạn văn - sĩ của tôi. Còn tôi thì thật giản - dị : Tôi về Tinit làm kỹ-sư ở mỏ chì này...

— À, ngốc thực, vậy mà tôi không được biết cả đến cái tên của mỏ chì ấy... Mỏ ấy chắc là lớn lắm ?

—Ồ, không. Anh đáp.

Thấy tôi nín lặng ngơ ngác, anh nói thêm :

— Chắc bạn ngạc nhiên lắm khi thấy lại Sabatini. Sinh viên ưu tú trước kia, từng đoạt giải danh dự môn toán trong kỳ tổng hạch, ngày nay lại bị đày đến một nơi khuất nẻo, tồi tàn như thế này để khai một các mỏ nghèo nàn... Để bạn rõ, tôi phải cho bạn hiểu rằng mọi sự đều do lỗi của tôi... Phải... Cuộc đời đã biến cho tôi một bước khởi hành đẹp đẽ... Rồi nó lại đặt cho tôi một bài toán khó và tôi đã tìm một lời giải không được

đúng. Một lời giải hồng... hồng tuột. Rồi từ đó cứ tuột mãi.

Tôi nói :

— Chuyện của anh thực khó hiểu. Nếu tôi nhớ không lầm thì anh đã vào học trường Quốc-Gia Hầm Mỏ khoảng năm 1906 hay 1907 phải không ?

— Đúng vậy, anh đáp.

— Rồi anh ra trường là kỹ-sư của nhà nước ?

— Dĩ nhiên.

— Thế anh không làm trong Hầm Mỏ sao ?

— Không, tôi xin về làm tư... Không biết anh còn nhớ gia đình tôi không nhỉ... gia đình tôi rất nghèo... Cha tôi làm cai mỏ... Tôi phải nuôi em nên phải lo kiếm tiền gấp và càng nhiều càng hay... Tôi có một người chú làm chủ sự kế toán hầm mỏ ở Pilcomayo... Chắc anh không thể nói là chưa hề nghe tiếng mỏ Pilcomayo chứ ?

— Tôi biết mập mờ, hình như công ty đó có ngân khoản khắp hoàn-cầu, nhưng không rõ đó là mỏ vàng, mỏ đồng hay mỏ măn-gan.

— Cái dốt của các nhà văn ai cũng biết, nhưng anh thực đã chiếm giải quán quân. Mỏ Pilcomayo ở Bolivie trong dãy núi Cordillères, không xa ranh giới A-Căn-Đinh, từ thế kỷ 16 đã nổi tiếng là Núi-Bạc. Từ ngày khai thác nó đã sản xuất hơi bốn mươi tỉ phật lạng bạc và dù rằng bây giờ sự khai thác có phần gay go, song vẫn còn phong phú vô cùng. Công ty này là công ty quốc tế, đặt trụ sở tại Ba-Lê.

Tôi ra trường được vài tháng thì chú tôi, một người được các viên chức trong công ty vị nể, đến báo cho tôi hay rằng có một chân phụ tá cho viên chủ sở còn trống, và lương bổng ở đây cao gấp ba lương bổng ở mẫu quốc, và nếu tôi muốn, ông sẽ vận động cho tôi được.

— Như thế nghĩa là bỏ cái địa vị công chức nhà nước à ?

— Tôi thấy mình không thích chết già ở Pháp, tôi thích đi xa... Tôi biết rằng Pilcomayo không những là mỏ rất phồn thịnh mà là cơ sở đẹp đẽ nhất và ở nơi cao nhất hoàn cầu. Tôi vốn ưa miền núi non. Cái mỏ bạc nằm giữa một vùng tuyết phủ quanh năm này làm tôi mê thích. Nói tóm lại, tôi nhận lời để được giới thiệu với vị đại diện quốc trị của công ty. Đó là ông cụ Borsch bấy giờ là hội viên trong Ngân Hàng Holman ở Nancy, một người nghiêm nghị khắc khổ. Ông cho tôi chỗ làm đó và dặn tôi phải thỏa thuận với viên kỹ sư chủ sở ở đây là Gontran, vốn cũng là cựu sinh viên trường X...

Khỏi kể đông dài với bạn về chuyện đi đường. Gần mỏ bạc có thành phố Potosi một thị trấn Y-pha-nho rất đẹp, đã có trên 100 nghìn dân hồi thế kỷ 17. Đến đây tôi được lệnh phải đến trình diện với ông Antonio Lopez, một viên chức địa phương của công ty. Ông ta là một người rất trang trọng, tiếp tôi niềm nở và nói chuyện khá lâu về những người da đỏ ngày một gia tăng trong đám phu mỏ dưới quyền điều khiển của tôi.

Đường xe lửa đến Potosi thì hết. Ông quản Antonio, cho tôi mượn mấy con lừa

để tiếp tục là trình, và chẳng mấy chốc tôi đã tới Pilcomayo. Cảnh trí nơi đây không làm tôi thất vọng. Còn gì hùng vĩ cho bằng cảnh một ngọn núi khổng lồ mà trong đó, trải qua bao nhiêu thế kỷ, các toán thợ mỏ đã kế tiếp nhau đời này qua đời kia đục khoét thành vô số hang lỗ như tổ ong. Viên chủ sở Gontran vui vẻ tiếp tôi. Anh là người trạc năm mươi tuổi, rất thạo nghề và cũng rất vui tính. Anh xem tôi như là bạn ngay tức thời và dẫn đi xem các sở làm. Anh bảo tôi :

— Anh đã biết rằng ở Pilcomayo có hai thứ quặng : một thứ là Sul-fua bạc, mềm và đen, ở trên tường hầm chúng ta đi qua đây, và một thứ nữa rất hiếm, là một hỗn hống Pyrargite và Proustite, đó là một thứ bạc đỏ chứa rất nhiều kim. Nhưng bây giờ tôi chỉ có thể chỉ cho anh khai thác loại thứ nhất thôi, loại này chứa độ một phần mười bạc... Ngày trước, hồi người Jésuites khai mỏ này, họ đã nhiều lần may mắn tìm được những mạch đỏ cho một năng suất đến sáu mươi phần trăm và có cả những khối bạc ròng. Có khối nặng tới 500 ki-lô. Tiếc thay, thời đó đã qua, và cái mỏ này tuy chưa cạn song đã già cằn rồi.

Gontran đã có vợ và chị vợ anh đã không ngại gian lao theo anh đến tận miền núi cao này. Chị ta mời tôi mỗi ngày đến dùng bữa tại nhà chị ít nhất một lần. Tôi rất vui vẻ mà nhận lời vì cả hai vợ chồng đều tử tế và chị ấy nấu nướng khéo hơn chị bếp ở quán trọ rất nhiều. Tôi khỏi kể với anh về cuộc sống đều đều một điệu nhưng rất lành mạnh và dễ chịu của tôi ở đây. Hãy nói đến hồi thứ nhất của tấn thảm kịch.

Một sáng kia tôi lên mỏ với mỗi hy vọng tràn trề vì vừa khai được cái hầm số 5 là hầm tôi đặt nhiều tin tưởng. Bỗng tôi thấy từ xa một đám đông nhôn nhao trước cửa hầm. Những người phu gồm dân da đỏ và dân lai, họ nói một thứ tiếng lơ lớ Y-Pha-Nho mà tôi đã hiểu được ngay từ những ngày đầu; nhưng hôm nay trông họ có vẻ xôn xao quá nên trước hết tôi nghiêm giọng hỏi viên cai sở người Pháp, một trong số những người Pháp rất hiếm ở Pin-cô :

— Sao phu của anh đến giờ này mà chưa vào làm ? Hấn đáp :

— Thưa ông kỹ sư, ông thử bảo họ may ra họ có nghe không, chứ họ bảo rằng trong hầm có con quỷ và không chịu vào làm.

— Có con quỷ trong hầm ? Nói gì lạ vậy ? Có lẽ con chim nào bay lạc vào trong đó chứ gì ? Anh đã vào xem tận nơi chưa ?

— Thưa ông, tôi muốn vào xem, nhưng họ không cho vào.

— Rồi anh tuân lệnh của họ sao ? Đẹp cái trò đùa này đi, đẹp ngay đi.

Tôi xô hai người để đi tới, nhưng họ giữ lấy cánh tay tôi, tuy không thô bạo, và bắt tôi đứng yên, trong khi mọi người thứ ba nhẹ nhàng luồn tay trong túi quần tôi rút khẩu súng lục mà tôi thường mang theo ở đấy ra. Một người nói :

— Thưa ngài kỹ sư, xin ngài tha lỗi, nhưng chúng tôi đang giữ mạng cho ngài đây. Có con quỷ ở trong hầm đó.

— Quỷ nào ?... Các người thấy cái gì ?

— Thưa ngài kỹ sư, chúng tôi không

thấy gì hết. Nhưng bọn tôi đều nghe tiếng nó. Nó nói như sấm và cấm chúng tôi vào trong hầm.

— Có giọng nói ? Anh Cai, anh có nghe tiếng gì sao ?

— Thưa ông không, hình như tiếng ấy nói trước khi tôi đến... Nhưng tôi tin chắc là họ nói thực. Bằng chứng là họ sẵn sàng sang làm việc ở hầm số 4 hay mở một hầm khác. Họ bảo với tôi thế.

Tôi bảo mấy người đàn ông :

— Buông tôi ra. Hãy nói chuyện đảng hoàng.

Viên cai nói đúng. Mấy người phu không đòi hỏi gì cả; đây không phải là một cuộc nổi loạn hay đình công. Nhưng tất cả bọn họ đều đã nghe nói đến con quỷ ở Pilcomayo thỉnh thoảng hiện ra trong mỏ và nhai xương kẻ nào chọc nó; có vài người đã trông thấy con quỷ đó, cho nên bọn họ sợ. Lúc đó tôi nhớ lại mấy lời dặn của viên quản Antonio Lopez lúc tôi ghé qua Potosi. « Đám dân hỗn tạp về tôn giáo này họ có những thứ mê tín dị đoan rất lạ lùng. Hãy coi chừng kéo lại gây ra những tai-họa khủng khiếp đấy... » Tôi bèn cho bọn phu sang làm ở một sở khác rồi đến nói chuyện với Gontran. Anh đón tin đó một cách hồ hững và bảo tôi :

— Đó ! con quỷ lại trở lại... Sabatini, đừng nóng ruột con quỷ ấy không đáng sợ lắm. Nó không ở lâu đâu.

Tôi hỏi xem anh đã từng gặp chuyện như vậy chưa. Anh đáp :

— Có chứ. Từ khi đến đây, tôi đã gặp hai lần và ông Bousquet, người chủ sở trước, đã dặn tôi coi chừng.

— Vậy bây giờ phải theo những thủ tục nào để trục con quỷ ra khỏi hầm ?

— Tốt hơn hết là gọi điện thoại đến Potosi mời ông Antonio để ông nói chuyện với bọn da đỏ một cách hữu hiệu hơn chúng ta. Ông ta sẽ trấn tĩnh họ một cách khéo léo, ông sẽ dự những buổi dạ lễ bí mật với họ, rồi thì yên ổn hết... Trong khi chờ đợi, hãy đem phu sang các hầm số 3 và số 4.

— Ít ra tôi cũng có thể thử đi vào hầm số 5 một mình được chứ ?

— Coi chừng kẻo rồi anh làm hỏng hết cả đó... Nếu quỷ có tha mạng anh thì bọn phu cũng không tha anh đâu... Đừng Sabatini ạ, chúng ta ở đây chỉ có năm người Pháp cô thế, bốn phần của ta đối với nhau trước hết là sự thận trọng. Với tư cách chủ sở, tôi cấm anh làm liều.

Tôi nghe lời anh, và mọi việc đều làm theo ý của Gontran. Phu mỏ từ khi được đổi hầm lại hăng hái làm việc. Rồi chỉ trong hai ngày, người ta thấy từ xa dọc theo sườn núi, nhiều đoàn người và lừa đang tiến về. Đó là ông quản Antonio Lopez đáp lời gọi của chúng tôi. Tôi lấy làm lạ rằng tại sao chỉ có một người đi mà lại cần đến một đoàn hộ tống đông đến thế. Trong ngôi đình dùng để đón các viên chức đi công tác tôi thấy chật đầy vô số rương hòm. Và ông Quản không đi một mình thực. Cùng đi theo ông có cô cháu gái Teresa, một thiếu nữ tuyệt đẹp với cái vẻ nửa như thẹn thùng nửa như khêu gợi của những cô gái Y-Pha-Nho, mà đến ngày nay hình ảnh ấy vẫn còn làm tôi mê mẩn. Ban đầu tôi cho rằng tiếng « cháu gái » chỉ là một cách gọi cho xuôi,

chứ cô gái đó còn có một vai trò khác đối với An-tôn. Nhưng Gontran xác nhận với tôi rằng đó là một cô cháu gái thực và sự việc chứng tỏ đúng như thế. Ông lão suốt mấy ngày liền lo bận rộn với mấy người thổ dân và không hề tỏ ý ghen tuông khi tôi mời đưa người đẹp đi xem những phong cảnh đẹp nhất của vùng núi này.

Về phần ông già, tôi ngạc nhiên thấy ông ta hết sức hoạt động, hăng hái, khi thì diễn giảng trong các trại phu, khi thì tụ tập họ lại trước cửa cái hầm có quỷ kia để làm những buổi lễ dị kỳ với sự tham dự của một vị tu sĩ do ông dẫn theo, nhưng Gontran và tôi thì được yêu cầu đừng lãng vãng đến đó. Tôi chẳng phải phàn nàn gì cả, vì như thế tôi được rảnh rỗi để mỗi buổi tôi đến gặp người đẹp Teresa trong nhà trọ của viên quản có một cây dương cầm. Như bao nhà toán học khác, tôi cũng biết chút ít âm nhạc. Tôi đệm đàn cho nàng hát những bản dân ca Y-Pha-Nho réo-rắt. Dĩ nhiên trong những lúc đó tôi tìm cách tán-tĩnh nàng. Sau vài ngày, thấy bác Antonio chấp-thuận sự gần gũi giữa chúng tôi, tôi đã khờ-khạo tính đến chuyện hôn nhân. Tiếc thay câu chuyện hầm mỏ được dàn xếp quá nhanh. Một sáng, ông Antonio đến văn-phòng Gontran báo cho chúng tôi hay rằng con quỷ đã trở về âm ty, và hầm số 5 kể từ nay chẳng khác gì các hầm kia, đối với thổ-dân. Gontran nồng-nhiệt cảm ơn ông già. Tôi thì tôi không được hài lòng cho lắm. Tôi hỏi ông Quản :

— Nhưng thưa tôn-ông, con quỷ có thật không vậy ?

Ông ta gật đầu đáp :

— Cái đó cũng tùy cái nghĩa của tiếng « thật ».

Gontran cười một cái cười kỳ lạ với ông già rồi nói thêm :

— Và cái tiếng « quỳ » nữa.

Tôi không biết gì hơn. Cô Teresa từ-giã tôi một cách lạnh-lùng và cũng chẳng mời tôi tới thăm cô ở Potosi. Rồi đoàn lữ-hành đông đảo của ông quân lại rùng-rùng xuống núi. Gontran và tôi nhìn dõi theo họ đi xuôi những đỉnh núi tuyết thành những hàng dài. Sau cùng, đến khi đoàn người biến mất sau chòm cây, Gontran buông một tiếng thở dài nhẹ nhõm :

— Ui chao ! Một lần nữa trò bịp lại diễn ra.

— Trò bịp ?

— Anh muốn gọi là trò hề cũng được. Nói cho đúng Sabatini, anh cắt nghĩa thế nào về những biến-cổ mà anh vừa thấy lần đầu tiên và chắc không phải là lần cuối cùng ?

— Tôi không cắt nghĩa. Tôi thấy sao hay vậy thôi.

— Dù sao anh cũng không tin rằng ông Antonio - Lopez vốn lười như ông hoàng và cô cháu gái mỹ-miệu của ông ta đã chịu khó leo hàng năm nghìn thước núi và lặn lội tám ngày tuyết lạnh chỉ cốt để cho cô Teresa đến hát xuống rượu chè với anh chứ ?

— Không . . . Tôi tin rằng ông quân Antonio thấy tình-hình rối loạn cần phải dẹp yên, và rốt cuộc ông ta đã thành-công. Tôi nghĩ thế không nhầm chứ ?

Gontran nhìn tôi mà cười :

— Trời ơi, anh còn thực thà hơn tôi nữa, Sabatini ạ, . . . Vì lần đầu tiên gặp chuyện này tôi còn phỏng-đoán nhiều hơn anh . . . Lúc ấy, thực ra tôi đã có vợ nên không bị cô Teresa nào ám-ảnh hết.

— Tôi không hiểu. Anh đã đoán ra sao ?

— Rồi anh sẽ hiểu, vì ở đây anh là người cộng-tác của tôi và tôi hy-vọng anh còn là người kể tục của tôi. Anh cần phải biết... Chứ anh không lấy làm lạ về số lừa chớ hành-lý thực nhiều của ông Antonio sao ?

— Có chứ . . . Tôi nghĩ rằng cô cháu gái . . .

— Sabatini, anh cứ nghĩ nhiều quá đến cô cháu gái ấy. Nếu anh rảnh trí hơn, anh đã tính qua con số những rương hòm cần thiết để đựng mấy chiếc áo đẹp mà cô nàng đã chưng diện và kết quả sẽ cho thấy rằng anh còn thiếu một yếu tố để đặt phương-trình . . . Một chi tiết khác : anh không để ý rằng những con lừa lúc đi lên tuy vừa mới vượt một quãng đường dốc đứng nhưng hãy còn nhẹ nhàng tươi-tĩnh, thế mà lúc về, mới cất bước đã ẹo lưng vì rương hòm rồi không ?

— Anh muốn nói gì ? Lopez chớ đến thì ít chớ đi thì nhiều ?

— Điều đó đã hiển-nhiên.

— Rồi ông ta đem thứ gì đi ?

— Đến Pilcomayo thì còn chớ gì đi, nếu không là . . .

— Bạc ?

— Sabatini, anh lý-luận chậm nhưng chắc . . .

— Nhưng có gì liên-quan giữa những thứ đó với . . .

— Với con quỷ trong hầm ? Có một liên-hệ rất chặt chẽ, bạn Sabatini ạ. Giả-thử rằng giữa bọn phu của anh và lão quân Antonio có một liên-hệ chặt chẽ một thứ bè phái mà ông ta là thủ-lĩnh, hay chúa đảng . . . Giả thiết đó không phải là không đúng. Anh đừng quên rằng tất cả những người da đỏ và dân lai đều hợp thành phái và chính Antonio đã đưa bọn họ vào làm. Đúng vậy, bây giờ hãy giả-thử nữa rằng giữa viên-quân Antonio và bè lũ của lão có một giao-ước là gặp một cơ hội nào đó thì bọn họ phải ngưng hẳn công việc và chỉ tiếp-tục trở lại khi lão ta đến đây, nhằm một cái lợi gì đó .. Sau hết hãy giả-thiết rằng lão ta đã tìm được cách buộc chúng ta phải đích thân yêu cầu lão ta lên đây giúp đỡ... thế là tấn tuồng diễn ra một cách tự nhiên, êm đẹp...

Tôi thu tay đập xuống mặt bàn :

— Trời ơi ! Phải rồi... bọn phu đã tìm thấy bạc ròn...

Gontran ngắt lời :

— Hay là quặng đỏ.

— Chúng liền báo tin cho chủ chúng, xua đuổi viên cai của chúng ta ra ngoài và la hét ầm ĩ bảo là có quỷ trong hầm ..

— Chúng ta báo tin với Antonio Lopez. Lão ta leo núi lên, cùng với bộ hạ thân tín đi vào trong hầm, lấy cớ là để đuổi quỷ, và đêm đến khi ông kỹ sư trẻ tuổi đang tán tỉnh cô cháu gái mỹ miều, vốn cũng có một vai trong tấn tuồng...

— Vậy ra nàng cũng giữ một vai trò ?

— Và trong khi ông chủ sở Gontran, vì đã từng trải nẽ nếp ở Pilcomayo nên nhắm mắt lại... Phải, nhắm mắt lại, thì ông

Quản cho phu chất lên lưng lừa vô số là bạc... Đến khi mạch bạc đã cạn thì công việc cũng xong, lão đến báo với chúng ta rằng con quỷ đã ra khỏi hầm và bọn phu theo lệnh lão quân lại tiếp tục làm việc. Công ty Pilcomayo nghèo đi một tí, tôn ông Lopez giàu lên một tí, và các ông kỹ sư lại kiêu hãnh lấy lại uy quyền của mình. Vậy đó bạn ạ, tất cả tấn hài kịch là vậy... Khi nào có tái diễn thì xem cho kỹ.

Tôi chưa chịu tin, hỏi :

— Nhưng chính anh đã biết rõ như vậy, và là người đại diện cho công ty ở đây, mà anh để mặc như vậy sao ?... lúc họ ra về, anh chỉ cần tháo một cái bao mang trên lưng lừa là lột được mặt nạ của An-Tôn và lấy của lại.

— Đúng vậy.

— Vậy tại sao anh tha họ ?

Gontran cười bảo :

— Chưa chi cậu Sabatini trẻ tuổi đã vội gán cho tôi cái tội đồng lõa... Không, bạn ơi, tôi không hưởng gì cả. Thái độ của tôi có cách cắt nghĩa, nhưng không phải là giản dị lắm đâu... Giả thử rằng tôi vạch mặt nạ của lão Antonio như lời anh nói, giả thử rằng lão ta ra lệnh cho bọn tay chân của lão loại trừ tôi (hay loại trừ anh) đi, thì bọn họ có đến năm nghìn người chống lại năm người chúng ta, và trong bọn họ sẽ có hàng trăm tên đứng ra làm chứng cho một tai nạn lao động hay là tai nạn đi đường mà mấy người Pháp chúng ta đã bị rủi ro...

— Ta có thể nghĩ đến một kế hoạch ít nguy hiểm hơn và hiệu quả hơn...

— Cậu Sabatini đã nghĩ đến một kế

hoạch hiệu quả hơn... Xin cậu làm ơn cho biết cái kế hoạch đó.

— Giả-thử chúng ta hãy để cho lão già Antonio xuống núi, rồi chúng ta cũng đuổi theo mà đừng cho lão hay, rồi ta báo cho nhà cầm quyền ở Bolivie yêu cầu bắt họ lại...

— Nhưng giả thử cái tin chúng ta đi theo được truyền đến tại lão bởi một tên trong năm nghìn tên ở đây vẫn canh chừng cho lão, và họ thấy cần chặn đứng chuyển đi của chúng ta...

— Thế ra chúng ta từ bỏ bổn-phận bởi vì thấy nó hiểm nghèo ư?

— Chà, cậu Sabatini bỗng trở thành một vị hảo hán ở nơi này. Cứ làm bổn-phận đi rồi chờ thần... Nhưng bạn này, ai bảo với bạn rằng bổn-phận của chúng ta là dẹp cái trò của lão Antonio?

— Bổn-phận của chúng ta chẳng phải là bảo-vệ quyền-lợi của Công-ty sao?... Kể ra tôi cũng chẳng thiết gì đến mấy ông Borsch, Saint - Astier, Holman, nhưng tôi đã ký với họ một bản giao kèo...

Viên chủ sở của tôi bỗng làm mặt nghiêm:

— Sabatini, nói vậy đủ rồi... Chính tôi, tôi cũng đã ký giao kèo... Tôi làm việc lâu hơn anh, tôi biết đâu là bổn-phận... Nếu tôi có làm như thế, là vì tôi có những lý lẽ của tôi... Dù sao tôi cũng là chủ của anh, và nếu anh lo sợ về trách nhiệm thì có tôi che chở cho anh... Và bây giờ, tôi muốn anh đừng nói tới câu chuyện đó nữa.

Tôi cay-đắng, bảo:

— Bọn phu mỏ nói thế mà đúng, có con quỉ ở trong hầm thực!

Sau vụ đó, suốt mấy tuần liền sự giao thiệp giữa gia-đình Gontran với tôi hơi khó khăn. Nhưng rồi thời-gian chữa lành tất cả. Khó lòng mà học-học mãi khi người ta phải hợp-tác với nhau trên chót núi cao, giữa đám người lạ. Chẳng bao lâu, vụ Antonio chỉ còn là một kỷ-niệm đối với chúng tôi. Hai năm qua, tôi về nước nghỉ phép. Khi trở lại Pilcomayo thì bà Gontran lâm bệnh nặng và ông Gontran nói chuyện về hưu. Đối với tôi, biến-cố này xảy đến hơi quá sớm và tôi còn quá trẻ nên cái hy-vọng kể tục ông tôi thấy hơi mong manh; tuy nhiên, việc đó đã thành sự thực. Gontran đã có lòng tốt viết thư với Hội-đồng Công-ty rằng tôi là người đầy đủ khả-năng nhất để đảm-nhiệm chức-vụ thay ông; người ta tin lời ông, và tôi bấy giờ chưa đầy ba mươi tuổi đã được đứng đầu một cơ sở hầm mỏ phồn-thịnh vào bậc nhất thế-giới. Thực là một bước đầu rạng-rỡ của sự-nghiệp, Lúc từ biệt tôi, Gontran bảo:

— Thôi nhé! Chào Sabatini... Chúc anh may mắn. Và lại, mọi việc sẽ tốt đẹp. Nghề nghiệp của anh đã vững lắm... Thợ thầy trọng nề anh... Duy chỉ còn một cái khó này? con quỉ trong hầm... Nếu bao giờ nó trở lại, anh hãy nhớ đến tôi... Hãy đi nằm và nhắm mắt lại.

Hai năm nữa trôi qua. Hai cái hầm mới. Hai viên phụ tá trẻ tuổi từ Pháp qua. Tôi sắp đến ngày được nghỉ phép thì một buổi sáng kia, cũng trước cái cửa hầm số 5 tôi thấy một đám người xao động, quá giống với đám người mà tôi đã thấy trước đây, cho nên tôi hiểu ngay chuyện gì đang xảy ra. Bây giờ tôi đã quá từng trải rồi nên không còn hầm hét gì nữa. Sau khi đã được

long trọng báo tin có quý trong hăm, tôi liền cho viên quản Antonio ở Potosi hay. Cụ Quản đã già rồi, và lần này không dẫn theo cô cháu gái nữa. Có lẽ cụ cho rằng tôi bây giờ đã đứng tuổi. Tôi lách mắt để cho ông tha hồ làm dạ lễ một cách huyền bí. Nhưng đến ngày ông cụ ra đi, tôi thình lình thò tay vào trong cái túi trên lưng một con lừa và lấy ra một vốc quặng đỏ, trước con mắt kinh ngạc của mấy viên phụ tá và viên cai.

Antonio nhìn tôi cười :

— Quặng tốt quá nhỉ... 60 đến 65 phần trăm bạc... Phải không, ông kỹ sư ?

Tôi đáp :

— Tốt quá. Để tôi đưa cho mấy Hội Đồng Công Ty ở Ba-Lê xem.

— Ý kiến hay tuyệt, và anh nhớ nhấn thêm là Antonio Lopez có lời khen ngợi đó.

Sau dự đó, mỗi ngày tôi đều phải xem chừng có kẻ thích khách nấp dưới giường không, nhưng chẳng có gì xảy ra cả, trừ cái ngày nghỉ phép của tôi đã đến. Tôi lẳng lặng trở về Pháp. Đến Ba-Lê, trước hết tôi đến gặp ông cụ Börsch, người đỡ đầu của tôi, và hăm hực kể hết đầu đuôi câu chuyện. Ông ta nheo mắt nghe tôi nói, bàn tay to lớn nhịp nhịp trên mặt bàn, rồi bảo :

— Anh Sabatini tôi rất buồn... Chính tôi đã chọn anh vào làm, khả năng nghề nghiệp của anh đã được Gontran bảo đảm, và tuổi trẻ của anh không làm tôi quản ngại... Nhưng dường như sự phán đoán của anh không tương xứng với tài học của anh... Tôi tiếc rằng Pilcomayo không thể thiếu một bộ óc phán đoán.

— Tôi không hiểu, thưa ông.

Ông tiếp :

— Chính đó là điều tôi trách anh. Anh không hiểu rằng một cơ sở như Pilcomayo chỉ có thể tồn tại nhờ ở sự ủng hộ của Lopez, con người rất có thể lực ở miền đó. Anh không hiểu rằng, dựa trên những điều anh cho tôi hay, nếu tôi chỉ trích tới ông ta một chút xíu cũng đủ làm cho chúng ta không bao giờ còn có thể mộ phu được nữa. Anh không biết rằng tất cả báo chí miền đó, vốn thuộc quyền Lopez, sẽ mở một chiến dịch quốc gia chống lại những kẻ ngoại bang đến khai thác xứ này. Anh không hiểu rằng tất cả những người đi trước của anh, gồm cả Gontran, đều đã lần lượt đến kể với tôi câu chuyện đó, nhưng trái với anh, người nào cũng đều khôn ngoan khuyên tôi nên làm ngơ đi... Thế rồi anh đến, anh làm cho con cáo già ở Potosi thấy rằng người ta đã biết được âm mưu của lão ; rồi lão nhận thấy Ba-Lê không có phản ứng gì, nên lão càng yên tâm không sợ gì hết. Lão biết rằng tôi đã rõ chuyện, điều đó đặt vào một tư thế rất bất lợi đối với lão ; lão cảm thấy rằng chúng ta đã cho phép lão bằng sự im lặng, nên lão càng làm già... Đó, công trình của anh là thế đó... (ông gọi một cô thư ký). Cô đưa hồ sơ của ông Sabatini cho tôi... Phải... để tôi xem trong trường hợp nghỉ làm, ông được hưởng bồi thường sáu tháng hay một năm...Ồ, ông không được may : chỉ có sáu tháng. Thôi, chào ông Sabatini.

Tôi đã rời khỏi Pilcomayo như vậy đó. Bảy giờ chiến tranh bùng nổ, tôi theo bộ đội... Bốn năm trong pháo binh... Lúc

CON QUỖ TRONG HẦM

được giải ngũ, tôi phải lo tìm gấp chỗ làm và càng cấp bách hơn nữa là đến năm 1916 thì tôi cưới vợ... Ban đầu tôi tưởng rằng sau một cuộc tàn sát hết cả chuyên viên như vậy, thì việc kiếm một chỗ làm quan trọng không phải là việc khó khăn gì. Nhưng anh biết rằng trong các hội đồng quản trị hầm mỏ, bao giờ cũng chỉ toàn những loại người ấy... Tôi nhận thấy rằng tôi ra mắt nơi nào tôi cũng gặp một ông già đưa tay lên bảo : « Để xem đã... Sabatini ư ? Tôi có nghe nói về cậu thanh niên này... À, ông cụ Borsch nói... Cậu này bậy lắm, con người hấp tấp, đã gây cho họ biết bao tai hại ở Pilcomayo... Thôi, để tôi tìm người khác vậy ».

Lần nào cũng thế, mới đến cửa tôi đã bị từ chối. Sau cùng, hết hi vọng, tôi nhận một chức vụ tầm thường. Nhưng hầm mỏ này, cũng nghèo nàn như người kỹ sư, và khi giá kim loại hạ thấp thì họ ngưng khai thác. Tôi lại lang thang thất nghiệp.

Phải kiếm cái ăn và nhất là phải nuôi đàn con. Một người bạn mách cho tôi một chỗ làm trong một hầm mỏ ở Tinit sắp khai lại. Chỗ làm đó chẳng phải là vinh hạnh gì cho một kẻ đã năm mươi tuổi một kẻ mà trước kia lúc mới bước vào nghề đã tin mình là thành phần ưu-tú nhất trong ngành, nhưng bây giờ trong cơn cùng quẫn này thì đâu còn kể chỗ nào với chỗ nào ? Và nên triết lý một chút thì khoét một cái hầm lớn bên Bolivie cũng chẳng vinh-dự gì hơn là đào một cái hầm nhỏ bên Algérie.

Vài phút sau tàu dừng lại ở một ga nhỏ, anh ta bước xuống. Một người đón trên sân ga đỡ lấy chiếc va-li cho anh. Dù rằng sau đó không hề gặp lại anh ta, tôi vẫn thường nghĩ đến cái con người đã làm lỡ cuộc đời mình chỉ vì không kịp nhận thấy rằng trên quả địa-cầu này đôi khi cũng cần phải dành một chỗ cho loài Ma Quỷ.

LƯƠNG-NGỌC dịch

XIN ĐÓN ĐỌC

VÒNG TAY CHỜ ĐỢI

- ★ *Tiểu thuyết của Tuấn-Huy*
- ★ *Màu bìa và trình bày của Trịnh-Cung*

PHÁT HÀNH VÀO THƯỢNG TUẦN
THÁNG 11

PHÁT HÀNH NAY MAI

SAU CƠN MƯA

TRUYỆN

LÝ HOÀNG PHONG

Tạp chí văn nghệ xuất bản
và phát hành

Lời cầu nguyện

Tôi xin trả lại cho Người
Niềm tin-ngưỡng không có quyền định-đoạt
Những bài kinh thấm-nhuần lòng vô-thức
Những âm-thanh êm-đềm ngày chủ-nhật
Mà cuộc đời vẫn bảo của Người ban.

Áo mỏng sơ sinh
Ôm cô-đơn làm gôi ngủ
Bỗng một đêm nầy nở mối tình câm
Tôi thức giấc thấy mình đang góp mặt
Vội vàng tìm hương lạ ở âm-thăm.

Chúng tôi đi dưới trời sao huyền-hoặc
Quên lịch-hồn trời buộc tự ngàn xưa
Vào đôi bờ tôn-giáo khác-biên thầy
Lúc trở lại nuôi niềm-tin rộng lớn
Không sông biển, không thời gian
Xin xã-hội loài người chấp nhận
Để mùa đông vẫn ngợp ánh thiếu-quang.

Nhưng khác-biệt vẫn chia đường ly-cách
Nhưng trần-gian chưa thống nhất danh-từ
Và chúng tôi, và chúng tôi . . .
Cúi mặt xuống nhìn tình-yêu bất-lực.

Ôi thiêng-liêng xây-dựng mãi tường cao
Che khuất mắt những tâm-tình gập-gỡ
Không chiếu ngang để nhìn lòng còi mở
Chúng tôi đành khóc suốt đêm sâu.

Nàng đã chết giữa gôi chĩa nhàu nát,
Còn tôi thể sống gượng đèn minh oan
Trước mặt Người và trước mặt thời-gian,
Và xin trả chút niềm tin sót lại.

Cánh tay khằng-kheo nắm ngón nhỏ
Những buổi chiều bám chặt lấy hư-vô.
Phút trần-gian ngực sâu thoi-thóp thờ
Vẫn mê-cuồng tìm ý-nghĩa tự-do.

Tóc ưu-tư đã đậm màu thất bại,
Thân-phận người là một kiếp đi hoang
Trán xuân xanh vạch sâu lòng kiêu-hãnh
Cho chồi từ vào ngưỡng cửa thiên-đàng.

Tôi sẽ tìm em qua tội-lỗi
Chúng mình về thành-phố cũ hoang-sơ
Em ơi em ! Vào đáy lòng thương nhớ
Ta đã thành một Tuyệt-đối tự bao giờ.

DẠ THẢO

(trong Người tìm tuyệt-đối)

Nguyễn Nho Sa Mạc

LỜI CA DU MỤC

thân phận

bầy chim di rú về rừng
chiều sương trắng xóa buồn rưng rưng hồn
mặt trời đỏ chết trong buồn
khói bay sườn núi mây lưng chừng đèo
chênh vênh đôi đá cheo leo
người lên yên ngựa, ngựa theo lời mồn
vời cơn nước lũ đầu non
tái thân du mục, chon von bóng chiều

khởi hành

tôi từ rừng đến thăm em
tóc tai cỏ mọc điệu khèn xa xưa
một thân du tử lạc loài
tuổi 20 cũng mệt nhài suy tư
phổ hoang núp dưới sa mù
buồn thanh niên đứng tiếp thu tủi sầu
nửa đời tôi vội về đâu?
này sông nước rộng, biển sâu sóng dồn

hành trình

qua đồng với biển bao la
ngựa rong bước một, mây là cao nguyên
gió chiều ghénh mắt thăm xuyên
lũng sâu thấp xuống men triền núi xanh
nhớ em tóc xoắn sao đành
đèn treo phổ cũ, nhạc thành thị xưa
bàn tay trắng ngựa cuộc đời
nửa ôm mặt khóc nửa cười nhăn nheo

con đường

nay tôi vào giữa con đường
tôi qua thác lũ mai trèo trường-sơn
bập bùng lửa cháy chiều hôm
khói mờ thung-lũng, mây vòm thượng du
thương vẫn trắng sắp tàn lư
đời chưa là chuyến viễn du cuối cùng
lên cao trời đất mịt mù
lối quanh co đến vô cùng thời-gian

N.N.S.M.

Nhận xét về cuộc Triển lãm Hội Họa do hãng Esso tổ chức



CUỘC triển lãm này đã khai mạc tại phòng Thông Tin Đô Thành hôm thứ bảy mừng 5 tháng 10 vừa qua. So với lần trước, kỳ này đã có sự chú ý về tổ chức để có được một địa điểm thuận tiện hơn.

Cách bài trí trang hoàng với nhiều cố gắng và cải thiện. Tuy nhiên, rất tiếc còn có nhiều khuyết điểm đáng kể đối với một cuộc triển lãm có tính cách nghệ thuật: Màu xanh của những bức tường phòng và nhất là những lúc vách gẻ đã

đã làm giảm màu sắc của nhiều bức họa và làm loạn mắt người xem bởi sự rườm rà của nó. Những bức phong dùng treo tranh tốt hơn là dùng những màu «neutre». Cách bài trí nên chú trọng đến sự giản dị, trang nhã, cốt làm nổi bật những họa phẩm để cho người xem chỉ chú ý tới tranh chứ không lạc mắt tới bài trí. Còn một trường hợp đáng nêu ra, không những đối với cuộc triển lãm này, mà đối với

có nhiều cuộc bày tranh đã qua. Diện tích gian phòng nhỏ hẹp, so với số lượng quá nhiều của tranh bày, đã tạo ra một không khí ngột ngạt đối với người xem tranh. Với số người làm nghệ thuật càng ngày càng tăng thêm với những cuộc triển lãm càng ngày càng nhiều, thiết nghĩ: Thủ đô Saigon cần phải có một căn phòng triển lãm rộng rãi hơn nữa mới xứng đáng.

Về phần nghệ thuật; nhìn chung, kỳ này có nhiều hứa hẹn tiến bộ. Một điều đáng chú ý: xu hướng trừu tượng chỉ

có đại diện lễ tể với một vài bức họa. Phần lớn những tranh bày thoát nhìn qua, tưởng như rất nhiều xu hướng khác nhau ; song nếu nhận định kỹ, thì điều khác biệt chỉ ở sự thể hiện kỹ thuật khác nhau, còn về cách nhìn sự vật vẫn tương tự giống nhau.

Thường thường, người xem tranh vẫn bị sức động mạnh, vẫn bị quyến rũ nhiều bởi một kỹ thuật mới lạ ; song lẽ nếu kỹ thuật mới lạ ấy được tạo ra vì hình thức xuống thì đó chỉ là một trò chơi về màu sắc.

Giá trị của những bức tranh đó giới lắm là ngang hàng với những loại vẽ trang trí. Bởi nó thiếu sự sống, và thiếu cái thực. Trường hợp này đã xảy ra cho những bức họa « bất chước » lối vẽ trừu tượng. Như những bức số 40 Bến Nha-Trang của Phạm-Hoàng. Bức số 65 Thuyền của Văn-Nhân. Bức 74 Cô-Lập của Nguyễn-Văn-Phước và một vài bức « có vẽ trừu tượng » khác.

Tác giả của những bức tranh trừu tượng đó dù đã áp dụng một hình thức kỹ thuật trừu tượng song đã đi ngược lại hẳn lý thuyết căn bản của đường lối trừu tượng.

Trừu tượng chủ trương phá bỏ hẳn hình thể, biến đổi hẳn màu sắc sự vật. Nghĩa là chặt đứt cầu liên hệ giữa hình ảnh sự vật với những đường nét màu sắc trong bức họa. Người họa sĩ theo đường lối trừu tượng không suy nghĩ bằng *hình ảnh sự vật* mà xúc động, cảm nghĩ bằng *ý nghĩa của sự vật*. Chủ trương của trừu tượng cố gắng hết sức gạt bỏ mọi hình ảnh thông thường, nhằm chán của sự vật ; thì trái lại những bức họa theo lối trừu tượng bày ở phòng tranh lại tạo ra những hình ảnh

mập mờ của sự vật ẩn hiện thấp thoáng sau những mảng màu sắc. Thí dụ điển hình nhất là bức tranh số 40. Những bóng dáng sóng nước, thuyền bè mập mờ trong bức tranh, cho người ta thấy họa sĩ, còn phải dựa vào hình ảnh của sự vật rất nhiều. Bức tranh số 26 cũng rơi đúng vào lầm lỗi đó. Có người sẽ bình vực rằng : đó là loại trừu tượng có hình, khác với loại trừu tượng vô hình dung. Song thực ra, sự chia loại như vậy đã trở nên vô nghĩa và vô lý. Mặc nhiên tất cả các loại tranh còn dùng đến hình ảnh sự vật đều mang trong nó cái phần trừu tượng. Dứt khoát hẳn, chỉ có trừu tượng và không trừu tượng ; để chỉ loại tranh mà tác giả còn cần đến hình ảnh sự vật để nương dựa cho ý nghĩa của mình và loại tranh mà tác giả cố ý gạt mọi hình ảnh sự vật để thể hiện tác phẩm.

Tuy nhiên những họa sĩ tác giả của bức họa vừa kể trên là những người có tinh thần đổi mới, cầu tiến. Họ có thiện chí thoát ra khỏi những công thức, những lễ lối thông thường nhằm chán. Song tất cả chỉ mới thay đổi một cách hời hợt ở phần hình thức thể hiện. Điều quan trọng là phải đi sâu hơn nữa vào phần nội dung tinh thần, phải tìm được một điểm tựa căn bản cho kỹ thuật thể hiện.

Ở một khía cạnh khác, về vấn đề kỹ thuật đường lối trừu tượng đòi hỏi một kỹ thuật già dặn về chất liệu sơn, ở sự bố cục, ở đường nét và màu sắc. Nghĩa là một bức họa trừu tượng trước hết phải tạo được dáng vẻ của một bức họa. Nó phải có đủ những điều kiện, những

yếu tố : về sự dung hòa màu sắc, sự vững vàng về bố cục, sự già dặn về đường nét. Những bức họa có hình, còn có thể che đậy giấu giếm sự non kém về màu sắc, đường nét bố cục bằng những đề tài hấp dẫn. Song đối với một bức tranh trùu tượng sự non kém của kỹ thuật không còn chỗ lẫn tránh.

bộ y-phục và những nhân-vật, mà do ở sự bố-cục, cùng lối dùng những màu đỏ, màu vàng, màu đen rất hòa-hợp ; đồng-thời nó cũng thấm nhuần được sắc thái độc đáo của loại tranh mộc bản cổ. Rất tiếc, khi trông gần, những đường nét chưa được già dặn.

Nguyễn Khai có bức « Cỗ May » 46, là bức họa mang nhiều tính-chất nghệ thuật. Hình ảnh người thiếu nữ chỉ còn là một cái có cho họa-sĩ tạo ra những hình thể tân-kỳ trong bức tranh. Chiếc ghế dựa và đường chân tường là những nét vẽ hết sức già dặn. Màu phong nhạt với chất sơn vững-vàng tăng thêm vẻ giản-dị cho khung cảnh. Song có một điểm lằm lổ nặng-nề mà họa-sĩ đã vấp phải là : Khuôn mặt và đôi bàn tay người thiếu nữ không phù-hợp với kỹ-thuật, diễn-tả chung trong bức họa.

Ngoài những bức họa có xu hướng trùu tượng còn một số họa phẩm rất nhiều hứa hẹn và đáng chú-ý. Như Bức họa số 23 « Cảnh Huế » của Hiếu-Đệ. Bức tranh này làm tôi chú-ý đến sự mạnh mẽ của màu sắc và toàn-thể bố-cục vững-vàng. Độ đậm nhạt của màu sắc rất linh-động song không chia nát bức họa và làm loạn mắt người xem. Bức tranh số 91 Đi Chợ của Thuận-Hồ mang một dáng vẽ đặc - biệt Việt - Nam. Dáng vẽ đó không phải do hình-ảnh những

Kết quả cuộc Triển Lãm Hội Họa ESSO 1963

Lễ Phát Giải Thưởng

Giải nhất : Họa sĩ Phạm Hoàng — « Bến Nha Trang »
Giải nhì : Họa sĩ Ngô Văn Hoa — « Khai bút đầu Xuân »

Giải Tương lệ : Họa sĩ Trương Sĩ Bằng — « Tĩnh vật » —
Họa sĩ Phạm Đại Bình : « Đôi Bạn » — Họa sĩ Lê Chánh : « Những chiều Mưa Chủ Nhật » — Họa sĩ Phạm Cơ : « Chiều trên bến vắng »
— Họa sĩ Trần Hiệp Cương : « Mãn nguyện » — Họa sĩ Li Sin Ho : « Phổ nhộn nhịp » — Họa sĩ Nguyễn Trí Minh : « Trên bãi biển »
— Họa sĩ Đỗ Trọng Nhơn : « Hồng » — Họa sĩ Nguyễn Quỳnh : « Thiếu nữ bên dương cầm » — Họa sĩ Nguyễn Văn Tốt : « Mưa ngoài thánh đường ».

Họa-sĩ đã có một lúc, trở lại với cách nhìn thông thường để đánh bóng làm nổi tròn, vì vậy vô tình đã tách rời ra khỏi sự hòa-hợp của đường nét chung. Người xem tranh có cảm-tưởng như là khuôn mặt và đôi bàn tay ấy được cắt ra ở một tấm hình chụp để gắn vào bức họa. Về mái tóc, màu đen thiếu độ đậm nhạt đã trở nên quá sắc cạnh đối với nền phông. Nhưng có được ý-thức sáng-tạo mới là điều quan-trọng. Về kỹ-thuật, chắc-chắn với kinh-nghiệm của sự làm việc đều đặn họa-sĩ sẽ vượt qua dễ-dàng.

Ngoài bức « Cỏ May ». Bức họa « Linh hồn và sự sống » của họa-sĩ Văn-Nên đã gây cho tôi nhiều xúc-động, bởi ý-chí sáng-tạo mãnh liệt và chân-thành của nghệ-sĩ. Nhân-vật và cảnh-trí trong tác-phẩm của anh không còn đặt trong khung cảnh thông thường. Tất cả được nhận chìm trong một thế-giới hư ảo, kỳ lạ, quái đản. Cái đẹp ở họa phẩm của anh, không phải là vẻ đẹp từ-bi, hiền hậu mà chính là cái đẹp của một nhan sắc liêu trai. Cái vẻ thơ-mộng ở tác-phẩm của anh không phải là cái vẻ thơ-mộng của những con suối hiền lành, ở những khu rừng đầy hoa bướm. Mà chính là cái đẹp của những dòng thác ác-liệt, những khu rừng bí hiểm.

Trong cái thế-giới siêu thực đó, người nghệ sĩ không có ý-định tạo ra để cợt đùa, song chỉ cốt làm nổi bật một phần nào cái thực của xã-hội loài người. Qua tác-phẩm của anh, tôi nhận thấy anh là một con người khác thường. Tác-phẩm của anh có thể sẽ bị những con người bình thường chối bỏ. Đề tài của bức họa không nên liệt vào loại tranh có tính cách « tranh

đấu xã hội », bởi vì anh không ngừng lại ở một giai đoạn. Nó có tính chất của sự trường cửu, bởi cái vẻ đẹp rất nhân đạo. Nó cũng là một ám ảnh chân thực của người nghệ sĩ và có thể kết luận đó là vẻ « đẹp » của một cơn ác mộng ; đã xảy ra bất cứ ở một không gian và một thời gian nào. Sự chân thành trong khi sáng tác họa phẩm ; đã biểu lộ rõ rệt bởi những nét bút rồn rập, vội vàng nhưng muốn ghi cho kịp những cảm xúc. Và còn bởi cả những màu sắc dữ dội chống đối nhau trong một bầu ánh sáng huyền hoặc tạo nên bởi chất sơn sống sượng. Sống sượng trần truồng như là tất cả mọi sự thực. Sự vượt về kỹ thuật đối với anh có lẽ chỉ được coi như là một trò tiểu xảo. Trong cơn mê sáng tác người nghệ sĩ không còn để ý tới cái thẩm mỹ thông thường.

Nói đến dáng vẻ của một họa phẩm sơn dầu thì phải kể đến bức họa số 81 của Huỳnh-Văn-Sang nhan đề là « Hoàng hôn trên sông ». Chất liệu sơn của bức họa vững vàng chắc chắn. Cách bố cục chặt chẽ và màu sắc quý giá. Nhưng tiếc rằng bức họa đã tạo ra sự khó chịu, bởi một sơ sót kỹ thuật.

Tôi muốn nói về những chiếc thuyền. So với những chiếc thuyền thực thì những chiếc thuyền trong tranh quá nhẹ như bay lướt trên mặt sông. So với không khí trong họa phẩm thì những chiếc ấy lại trở nên quá nặng nề, bởi những đường viền đen đều đặn, rõ ràng. Nguyên do chính là họa sĩ còn lưỡng lự giữa cái thực của sự vật ngoài đời và hình nằm trong tác phẩm. Nhưng đó là một bọ phần khá



*Khai bút đầu xuân
của Ngô-văn-Hoa (giải nhì)*



Hình số 67 :
Hồng của Đỗ-Trọng-Nhân



Hình số 23 :
Cảnh Huế của Hiếu Đệ



Hình số 65 :
Thuyền của Văn Nhân

vững về toàn thể. Phạm-văn-Ruyền với bức phác họa số 80 đã cho thấy kỹ thuật già dặn về đường nét.

Thế Phiệt có một lối kỹ thuật độc đáo đã làm tăng vẻ đẹp về chất liệu sơn, trong bức họa số 71 nhan đề « Chợ lớn ».

Kể những bức họa tương đối khá nhất trong phòng tranh, phải để ý tới bức họa số 97 của Phạm-Văn anan đề « Chiều về » Họa phẩm của anh nổi hẳn lên giữa những họa phẩm khác. Về kỹ thuật, chất liệu sơn trong tác phẩm đó đã vượt xa nhiều bức họa, bởi vẽ trong đẹp sáng chói. Cách bố cục, đường nét cũng như lối hội màu hòa hợp, thống nhất trong một bút pháp hết sức phóng túng. Ngắm kỹ bức tranh, người ta không thấy sự vất vả, cần cù của việc sáng tác. Tất cả màu sắc, đường nét nói lên sự thoải mái dung dị gần đi đến sự dễ dàng. Sự dễ dàng đó chỉ có thể có được, khi đã nắm vững về kỹ thuật. Bởi vậy kỹ thuật của anh không phải là một thứ kỹ thuật phô bày lộ liễu. Nó không làm chủ, mà đã bị sai khiến uốn nắn bởi những cảm giác chân thực và sự sáng tạo mãnh liệt. Họa sĩ đã có một cái nhìn tổng quát bao la, để lược bỏ, tẩy luyện hết những chi tiết dư thừa vô ích. Anh chỉ muốn chụp bắt lấy cái không khí của buổi hoàng hôn, còn người và cảnh vật là những bóng mờ phụ thuộc. Và anh đã thành công với họa phẩm ấy.

Bức số 67 « Hồng » tương đối là một bức họa đẹp. Về màu sắc, bố cục, chất sơn. Nó thuộc loại xu hướng tiến bộ, song chỉ mới làm thỏa mãn thị giác người xem mà thiếu phần sức động tâm hồn.

Sách Báo Mới

Bách-Khoa đã nhận được :

— **Lương tâm công giáo và công bằng xã hội**, những bản thuyết trình của Ô.Ô. lý Chánh-Trung, Trần-Văn-Toàn, Trần-Long, Anh Tôn - Trang, Võ-Long - Triều, Mai - Văn - Lễ, L. M. Nguyễn-Bình-An, Nguyễn - Văn - Trung trong tuần lễ hội học tháng 2-63 về Lương tâm công giáo và công bằng xã hội. Sách dày 217 trang, do nhà Nam-Sơn xuất bản và gửi tặng. Giá 50đ.

— **Giòng đời**, Tiểu thuyết tình cảm xã hội của Phương-Linh, do Tiên-Giang xuất bản và gửi tặng. Sách dày 232 trang, bìa do Lê-Minh trình bày, giá 40đ.

— **Nắng đẹp miền quê ngoại**, tuyển tập truyện ngắn của Văn-Phụng-Mỹ do Tiên-Giang xuất bản, và gửi tặng. Sách dày trên 230 trang. Giá 40đ.

— **Tập san Thư viện**, Bộ VI số 7-8-9, Đề tam cá nguyệt, của Thư-viện Học-viện Quốc-gia Hành-chánh in ronéo và gửi tặng.

— **Khảo-sát và luận Anh Văn** của Trần-Châu-Hồ, Minh-Châu xuất-bản. Sách dày trên 280 trang, dùng cho các học-sinh lớp Đệ-nhất giá 58\$

Ngoài ra còn có bức tranh dùng giấy màu cắt dán số 28 đáng chú ý.

Chất liệu giấy màu của bức tranh đạt đến mức già dặn, vững vàng vượt xa cả nhiều bức họa sơn dầu khác. Và nhất là toàn thể bức tranh đã tạo ra được một không khí chói loại màu sắc quý giá. Sự chói chang của màu sắc, được tăng thêm nhờ ở những màu tối sẫm mà độ đậm nhạt đã được cân nhắc đúng mức. Riêng có hai chiếc thuyền nằm giữa bức tranh quá lớn và dư thừa. Không khí của bức họa là một không khí mang nhiều vẻ trầm lặng hơn là yên lặng. Cái vẻ yên tĩnh của nó vẫn chứa chấp một cái động hơn là tĩnh.

Huỳnh Tao Nhã với bức họa số 64 nhan đề « Trên núi Sọ » đã trung thành với đường lối vững chắc của anh. Tranh của anh thiên về bố cục và đường nét. Đường lối đó có nhiều tính chất sáng tạo hơn là ghi chép. Với sự làm việc kiên nhẫn, tôi chắc anh sẽ đem lại được nhiều mới lạ.

Ngoài những họa phẩm sơn dầu còn có một số ít tranh lụa. Tất cả số tranh lụa ít ỏi này đã nói lên thời kỳ sa sút của nền hội họa về tranh lụa ở xứ sở này. Nhìn đến số tranh lụa đem trưng bày, người ta còn trông thấy tất cả sự non kém sự lạc lõng của chúng.

Thoát thai từ đường lối của tranh lụa Trung-Quốc xưa kia, tranh lụa do người Việt-Nam sáng tác hồi còn Trường Mỹ-Thuật Hà-Nội, đã được một số họa sĩ đàn anh, cố gắng cải thiện, bằng cách áp dụng những kỹ thuật mới mẻ của Tây-Phương.

Về đường nét, hình thể quan niệm

phóng bút của Trung - Quốc đã được thay thế bằng một lối vẽ cân nhắc cho đúng với kiểu mẫu. Thí dụ khi vẽ về người, các họa sĩ Trung-Quốc không cần chú ý tới phần tỉ lệ to nhỏ tương đối. Trái với lối vẽ Việt - Nam, người làm tranh lụa phải tuân theo đúng những luật tắc về giải phẫu học.

Về màu sắc Tranh lụa Trung - Quốc chú trọng đơn giản ; càng dùng ít màu càng hay ; với chủ trương không chơi màu sắc mà vẫn diễn tả được màu sắc của thiên nhiên. Tranh lụa Việt-Nam đi ngược lại chủ trương đó, những màu sắc ở trong những bức tranh lụa cải thiện tuy sử dụng một cách nhợt nhạt hơn sơn dầu, song vẫn tôn trọng luật hòa hợp của Tây-Phương. Về vấn đề bố cục, tranh Tàu ưa để những khoảng trống lớn, với lối nhìn

Sách Báo Mới

Bách Khoa đã nhận được :

— **Ăn cơm gạo lứt**, phương pháp dưỡng sinh mới của Bác sỹ Nhật-Bản Sakurazawa Nyôichi, do Ngô-Thành-Nhân thuật lại, Anh-Minh xuất bản và gửi tặng Sách dày 16 trang, giá 2đ.

Trân trọng cảm ơn các tác giả, nhà xuất bản, Thư viện Học-viện Quốc gia hành chánh trên đây, và xin ân cần giới thiệu cùng bạn đọc Bách-Khoa.

rộng rãi, gạt bỏ tẩy luyện những chi tiết dư thừa. Và bỏ cục theo lối tự nhiên, áp dụng phương pháp cân đối theo trật tự tinh thần. Tranh lụa của ta, tuân theo hoàn toàn luật tắc cân đối khoa học Tây-phương.

Đem đối chiếu hai quan niệm về kỹ thuật đó không cần so sánh sự hơn kém làm gì người ta cũng nhận thấy tranh lụa gọi là Việt-Nam nhưng hình thức là Tàu phương pháp là Tây. Có chăng người vẽ tranh và đề tài là Việt-Nam mà thôi.

Tranh lụa và sơn mài trong thời kỳ gần đây đã đến một ngõ cụt, đã mất đi rất nhiều cảm tình của giới thưởng ngoạn để dần tiến tới ngày suy tàn. Tất cả những hậu quả đó phải có một nguyên nhân. Và cái nguyên nhân chính là do một số người đã lầm lẫn. Họ nghĩ rằng: chỉ cần cải thiện về hình thức, áp dụng những kỹ thuật mới là đủ đưa đến tiến bộ. Họ không biết rằng: nghiên cứu để khai thác, làm sáng tỏ cái quan niệm nghệ thuật của một dân tộc, mới là điều chính, mới là chân giá trị. Và mỗi một quan niệm khác nhau, đều có một hình thức một phương pháp diễn tả khác nhau. Không thể nào làm công việc chấp vá, vay mượn để tạo ra những cái độc đáo, riêng biệt. Đành rằng trong công việc nghệ thuật phải có sự thử thách, tìm tòi. Song sự tìm tòi cũng phải đặt trên một căn bản vững chắc nào đó; và nhất là đừng nhằm lẫn sự dò dẫm với sự thành công.

Tranh lụa, sơn mài hay sơn dầu chỉ là những hình thức thể hiện; tất cả chỉ là phương tiện thực hiện; không phải là đường lối sáng tác. Dùng bút lông để viết chữ nho, dùng bút nguyên tử để viết chữ

Ngày 15 tháng 10-1963 Bộ 7857
THÔNG CÁO BÁO CHÍ
Giải Nhứt Triển Lãm Hội Họa
về tay họa sĩ 21 tuổi

Tối thứ ba vừa qua Họa sĩ Phạm-Hoàng, 21 tuổi, đã được tặng thưởng giải nhất 25.000đ. của cuộc triển lãm Hội Họa Esso 1963 với tác phẩm «*Bến Nha - Trang*». Họa sĩ Phạm-Hoàng là sinh viên năm chót Trường Quốc Gia Cao đẳng Mỹ thuật.

Lễ phát giải thưởng đã được cử hành trọng thể dưới sự chủ tọa của Ông Bộ Trưởng Công Dân Vụ Ngô-Trọng-Hiếu.

Giải nhì 15.000đ. về tay họa sĩ danh tiếng Ngô - Văn - Hoa, tác phẩm của ông là một bức tranh lụa mô tả ba đứa trẻ ngắm nhìn một cụ đồ khai bút đầu xuân.

Ngoài ra, còn 10 giải thưởng lệ khác, mỗi giải 2.000đ.

Các tác phẩm trúng giải do Ban Giám Khảo tuyển lựa. Ban Giám Khảo gồm có :

- Ông Lê-văn Đệ, Giám Đốc trường Quốc Gia Cao Đẳng Mỹ thuật.
- Ông Lưu-Đình-Khai, Giám Đốc trường Trang Trí Mỹ thuật Gia-Định.
- Ông Nguyễn-Siêu, giáo sư trường Quốc Gia Cao Đẳng Mỹ thuật.
- Ông Văn-Thế, chủ tịch Nghiệp Đoàn Hội Họa Việt-Nam.
- Ông Đào-Sĩ-Chu, đại diện Hội Mỹ Thuật Việt-Nam.

— Ông Trần-Dzụ-Hồng, đại diện Hội Mỹ thuật Việt Nam và đại diện Công Ty Esso Standard Eastern, Inc.

Một đại diện Esso tuyên bố rằng chừng 20.000 người đã viếng thăm phòng tranh trong khoảng thời gian từ ngày 5 tới ngày 15 háng 10, 1963.

Hãng Esso Standard Eastern, Inc

la-tinh hay ngược lại cũng được ; song điều quan trọng đáng kể là nội dung tư tưởng của bản văn viết ra.

Bây giờ trở lại với phòng tranh, và nhận định một cách tổng quát, để có thể trình bày với bạn đọc những nét chính.

Trong số hơn một trăm bức họa được đem trưng bày. Phần lớn chỉ mới ở trình độ ghi nhận cảnh vật một cách trung thành và rất khách quan. Trung thành và khách quan bởi vì người vẽ tranh chỉ mới nhìn thấy những khía cạnh tĩnh của sự vật, chỉ mới nhìn thấy hình thể của sự vật, mà chưa ghi nhận được cái khía cạnh động và đời sống của sự vật.

Cũng vì vậy, sự vật nằm trong tranh thường bị cắt rời khỏi cái bối cảnh, cái không khí bao bọc nó. Đúng hơn nữa, thì chính cái sự vật được đưa vào họa phẩm, thiếu sự sống nên tự nó đã tạo ra một bầu không khí giả tạo bao quanh. Những đồ vật mà các họa sĩ thường gọi là tĩnh vật ; tất cả cũng đều mang trong nó một đời sống.

Một cái chén, một cái tô nằm chung với

trăm ngàn cái chén, cái tô khác vừa đem ra khỏi lò nung thì chưa có đời sống. Trải qua một thời gian của sự sử dụng. Nó nằm lăn lóc, bẩn thỉu trong một xó bếp. Sứt mẻ vì cọ át, nhem nhuốc đầy vết bẩn ; cái chén ấy, cái tô ấy mang thương tích của cuộc sống, vì nó đã gia nhập vào đời sống. Người làm nghệ thuật phải thông cảm với đời sống của sự vật, để ghi nhận, bởi vì *hình thể* một cái tô nằm trong cửa hàng đồ gốm cũng tương tự như *hình thể* một cái tô nằm lăn lóc ở trong xó bếp. Song *hình ảnh* đã khác nhau xa. Chụp bắt hình thể sự vật chưa phải là sáng tác. Không cảm được với đời sống sự vật để nhào nặn hình thể cho nó một hình ảnh và một bầu không khí điều đó mới nói lên giá trị của sự sáng tạo. Qua phòng tranh người ta cũng vui mừng nhận thấy một số bức họa có ít nhiều giá trị nghệ thuật. Song những giá trị ấy còn cần nhiều kinh nghiệm kỹ thuật làm sáng tỏ hơn. Bởi vì người nghệ sĩ chân chính là một bộ óc sáng tạo cộng với một bàn tay khéo léo thực hiện.

THÁI-TUẤN

BỒ TÚC

B. K. số 162 bài « Hai giờ với hai tác giả *Ngữ pháp Việt-Nam* », chúng tôi có nhắc đến quyển *Ngữ pháp* có lẽ là đầu tiên viết bằng Việt-Ngữ, mà chỉ nhớ tên một trong hai tác giả, nay xin bổ túc : quyển « *Sách mọo tiếng Nam* » ấy vốn do *Nguyễn-Hiệt-Chi* và *Lê Thuộc* soạn, chẳng biết lần đầu in năm nào, lần thứ ba in vào năm 1926 tại Hà-Nội do « *Imprimerie Mạc-Đình-Tư, Lê-Văn-Tân successeur* » ấn hành.

N. N. Í.

Bách-Khoa **phỏng vấn giới nhạc sĩ**

XIV

★ MINH-KỲ

Tên thật : Vĩnh-Mỹ.

Sanh năm 1930 tại Nha-Trang (Trung Việt).

Bắt đầu học nhạc năm 14 tuổi với các sư huynh trưởng Gagelin & Qui-Nhơn, rồi với sách vở, bạn bè, và bắt đầu sáng tác vào năm 1949, sau khi học hàm thụ với trường Universelle ở Pháp.

Chuyên về Tân nhạc.

Năm 1957, gia nhập ban Văn nghệ « Vĩ-Dân ».

Năm 1959, cùng nhạc sĩ Lê-Dinh thành lập ban « Sông-Mới ».

Hiện làm trưởng ban Văn nghệ Cảnh sát quốc gia (ban Vĩ-Dân cũ).

Đã xuất bản trên trăm bài hát :

Chị Hằng (1949), Mấy độ thu về (1957), Thương về xứ Huế (1958), Gửi người lính chiến (1960), Xuân đã về, Người em xứ Thượng, Đường chiều sớm cước, Chiếc khăn tay, Tiếng hát Mừng Lương (1961), Đường về khuya, Biệt kinh kì, Mùa thu già biệt, Nếu một mai anh biệt kinh kì, Sao rừng, Lá vàng rơi, Cánh thiệp đầu xuân (1962), Chuyện hai người, Chiếc áo biên cương, Đã mấy thu rồi, Cánh bướm chuyển bến (1963)...

● Nhạc tôi mà được bạn trẻ mến ưa là vì tôi gặp cái may diễn tả đúng vài tâm trạng của cán bạc trẻ, hoặc lúc nhớ người lính chiến, hoặc khi phải để lại kinh kì mẹ yêu bạn mến để lên đường quân dịch ; tâm trạng ấy, tôi lại có cái may dùng nét nhạc dễ hát, dễ đờn, dễ nhớ để diễn tả . . .

Ngoài ra, khi sáng tác những bản nói đến thế hệ trẻ trung, tôi cố quên tuổi tác cùng những lo nghĩ riêng tư mà đặt mình vào hoàn cảnh của họ để hiểu những thắc mắc, ước mong của họ.

● Bảo rằng hiện nay Tân nhạc chưa có lối thoát, không phải là nói quá đáng. Nhạc sĩ bị gò bó trong vài đề tài cố định, thì làm sao mà Tân nhạc tránh được sự khô khan, cằn cỗi.

● Anh chị em Cờ nhạc có hội ái hữu này, hội khuyến lệ nọ, còn giới Tân nhạc — khá đông — lại chẳng có một hội gì để giúp đỡ nhau trong khi hoạn nạn hoặc trên đường học hỏi, hay bảo vệ quyền lợi cho nhau. Lại còn biệt lập từng nhóm, chơi riêng với nhau và chỉ trình bày bài bản của nhóm mình... Vì vậy nhược điểm lớn của ngành Tân nhạc hiện nay là thiếu tinh thần Đoàn kết.

Anh chưa kịp trả lời câu tôi hỏi thì một trong mấy đứa con nhỏ của anh đã a lại « bịt mắt ba ! ». Anh vội gỡ tay con, rầy yêu, rồi cười :

— Anh mới hỏi tôi về sáng-tác đầu tay thì sáng-tác phẩm thứ ba của tôi đã làm rộn tôi rồi . . .

« Sáng-tác đầu tay của tôi gặp được may mắn ngay, nên vì vậy tôi càng phấn khởi đi hẳn vào đường Nghệ-thuật : sau vài lần trình-bày tại đài phát-thanh Pháp-Á, nó được nhà xuất-bản Tinh-Hoa ở Huế ấn-hành và tái bản sau một thời-gian.

— Nhạc phẩm đầu tay ấy tên là...

— *Chị Hằng*.

— Chắc « *Chị Hằng* » của anh thuộc loại nhạc vui tươi ?

Anh xác nhận bằng cái gật đầu.

— Và nhà xuất-bản trả tác quyền cho anh . . .

— . . . sáu trăm đồng. Anh nhớ cho là sáu trăm đồng cách đây mười lăm năm. Tôi còn nhớ lần đầu nhận được ngân-phiếu trả quyền tác-giả ấy . . ., tôi run cả người, và số tiền lãnh về tôi cất kĩ, vì đối với tôi nó có một giá-trị đặc-biệt. Chắc anh cũng từng trải qua cơn xúc-động rất « con người » ấy.

Tôi cười :

— Người làm văn-ngệ nào mà chẳng cảm-động như anh khi nhận món tiền thù lao đầu tiên. À, hơn nói đến tiền, tôi sực nhớ điều muốn hỏi anh khi được biết ba năm nay, anh không giao cho các nhà xuất-bản in nhạc anh, mà anh tự in lấy. Hẳn

anh thấy bán bản quyền cho người thì phải chịu thiệt thòi nhiều ?

Anh vui ra mặt :

— Thật là buồn ngủ gặp chiếu manh ! Chính tôi cũng có ý muốn tỏ bày ý-kiến về việc này ; tuy nó không có gì là văn-nghệ mà ảnh hưởng đến người làm văn-nghệ không ít. Một bản nhạc, mình bán đứt cho nhà xuất-bản, chẳng khác nào mình sanh con, rồi cho đứt người ta ; trọn đời con mình thành con thiên-hạ. Nó « hư » thì chẳng nói làm gì, chớ nó « nên » thì thật là xót xa cho người cha tinh-thần của nó lắm.

— Nó « nên » là nó được công chúng hoan nghinh ?

— Phải. Và nhà xuất-bản « dám » in tới tám chục ngàn, hoặc trăm ngàn bài.

— Một lần ?

— Đâu có anh. Nhiều lần chớ. Một bản nhạc chắc bán chạy, in lần đầu nhiều lắm là mười ngàn bài ; nhưng rồi vài tháng sau, « dám » in thêm mười ngàn nữa. Nhà xuất-bản họ chỉ mất cho tác-giả đôi chục ngàn, mà lấy vô đôi trăm ngàn. Anh coi gặp trường hợp ấy, ai mà chẳng tức.

— Như thế, sao các anh không bán một lần mà lại bán đứt ?

— Mấy năm trước, hầu hết chúng tôi đều bán đứt. Để có một số tiền kha khá hầu xoay sở . . . Anh dư biết đấy, anh em trong ngành Tân-Nhạc có mấy ai là dư giả. Khi thì cần sang căn nhà cho vợ con ở bốt chật chội, khi thì cần mua chiếc xe xi-cút-tơ cho dễ bề chạy đó chạy đây... Nhưng sau này, chúng tôi thấy các nhà xuất-bản làm giàu trên « xương máu » của

mình rõ rệt quá, nên do đó anh em thường bán bản quyền có một năm.

— Thế thì nhà xuất-bản trả bao nhiêu ?

— Hai ngàn.

— Và họ in nhiều nhất là . . .

— . . . bốn ngàn bản.

— Con số này, mình có quyền kiểm-soát chớ ?

— Trong giao kèo, có ghi khoản đó. Nhưng tới giờ, chẳng có một nhạc-sĩ nào dùng cái quyền ấy cả. Nhà xuất-bản có in năm bảy ngàn gì, chúng tôi cũng đành chịu vậy.

— Nhưng nhà xuất-bản lắm khi cũng bị lỗ chớ ?

— Không khi nào. Họ đã thăm dò, cân nhắc trước khi xuất-bản.

« Cái lỗ của họ, là xuất ra một lần, mà thu lại lát nhất ».

— Hồi nãy, anh có nói bán bản quyền một năm là hai ngàn ; còn bán đứt thì bao nhiêu ?

— Cái đó tùy, anh à. Nhưng phải nói rằng mấy năm nay, cái « giá-trị » của Nhạc (tôi nói cái « giá-trị » tiền bạc của Nhạc) có lên. Trước làm gì có bản nhạc « trị giá » vài chục ngàn đồng. Sau này, một số anh em chúng tôi không kí kết dễ dàng như trước nữa, nhất là có vài người như tôi, tự in lấy nhạc phẩm mình, nên các nhà xuất-bản phải trả giá cao.

— Anh có thể cho biết bản nhạc nào được cao giá nhất.

— Tôi biết, nhưng không tiện nói ra. Tôi chỉ có thể cho anh biết có bản nhạc được trả tới sáu chục ngàn đồng.

— Sáu chục ngàn đồng! Thế thì các anh chị em nhà văn phải ganh các anh mới được. Nhưng những yếu-tố gì làm cho bài hát được giá? Tên tuổi tác-giả?

— Tên tuổi tác giả chỉ là một trong ba yếu-tố chánh, nhưng đó không phải là yếu-tố quan-trọng. Yếu-tố thứ hai là bài hát ấy có mời « ăn khách ». Sau cùng là những phương tiện của cá nhân tác-giả.

— Phương tiện gì? Xin anh nói rõ.

— Phương tiện trình-diễn, phương tiện quảng cáo. Như thế tác-giả quen biết nhiều ban Văn-ngệ ở đài phát-thanh, thân với nhiều ca sĩ danh tiếng, hoặc làm trưởng một ban Văn-ngệ lưu-động, hay dạy Nhạc nhiều trường, hay thường tổ chức những Đại nhạc hội...

— Bây giờ, mình quên nói đến yếu tố nòng cốt: giá trị nghệ thuật của bản nhạc

— Yếu tố đáng lẽ nòng cốt này, thật ra, không phải là nòng cốt. Các nhà phê bình mà cho bản nhạc ấy có một giá trị đặc biệt đi nữa, mà giới tiêu thụ — học sinh, quân nhân — không hoan nghinh, thì nhà xuất bản cũng chẳng buồn tìm đến tác giả... Theo chỗ tôi biết, các nhà xuất bản nhạc hiện nay chỉ đứng về mặt hoàn toàn thương mại. Cả anh Lê-Mộng-Bảo, là một nhạc sĩ và tha thiết với tiền đồ Tân nhạc, cũng thế.

— Điều này, anh Lê-Mộng-Bảo cũng đã buồn mà công nhận lúc anh trả lời chúng tôi. Nhưng còn anh, anh cho biết rõ về việc anh tự in lấy nhạc trong mấy năm nay.

— Như tôi đã nói, nhà xuất bản không lỗ. Thì tác giả xuất bản, lại càng không lỗ, vì mình khỏi chịu quyền tác

giả. Ví dụ như một bản nhạc của tôi, nếu nhà X. chẳng hạn xuất bản năm ngàn bản, họ tốn số phí in độ sáu ngàn đồng, thêm bản quyền trong vòng một năm là hai ngàn đồng nữa. Vì chi là tám ngàn đồng, họ phải bán được hai ngàn bảy trăm bản mới đủ vốn. Còn tôi chỉ tốn có sáu ngàn tiền in, chỉ cần bán được hai ngàn bản là đủ vốn. Với tiền vốn thâu lại này, tôi xuất bản bản thứ nhì. Và nếu trong thời gian đó, bản thứ nhất bán thêm được năm trăm bản, thì bản thứ nhì tôi chỉ cần được tiêu thụ ngàn rưỡi bản là tôi đủ sức để in bản thứ ba. Anh xem, như thế có lợi cho tôi: tác phẩm mình được ra đời nhiều, tiền bản quyền của mình « trả » cho mình lúc nào cũng hơn bản quyền do nhà xuất bản trả; tôi lại được cái vui trình bày bài hát theo ý muốn của mình.

Tôi cầm bản nhạc mới nhất của anh, dở ra, xem:

— Như bản « *Cánh bướm chuyển bến* » đây, anh xuất bản bao nhiêu, bán được bao nhiêu... Anh có thể tiết lộ bí mật nhà nghề cho độc giả Bách Khoa không?

Mặt anh tươi lên:

— Sao lại không, anh! Tôi thấy đó là một bốn phần.

« Để người ngoài thấu rõ một vài uẩn khúc trong ngành chúng tôi. Để các bạn đồng nghiệp thấy sự thật mà hưởng ứng việc chúng tôi đeo đuổi, là cố dành dụm tiền nong để tự in nhạc phẩm của mình »

« Bản *Cánh bướm chuyển bến* này, tôi in mười ngàn bản. Tốn độ mười một ngàn. Tôi bán được sáu ngàn bản, thế là tôi thâu được mười tám ngàn. Lợi bảy ngàn. Một nhà xuất bản vừa đến mua hết bốn

ngàn bản còn lại, tôi được mười hai ngàn nữa. Tổng cộng là ba mươi ngàn. Trừ đi mười một ngàn tiền vốn và số phí linh tinh độ đôi ngàn, tôi còn dư mười bảy ngàn. Mười bảy ngàn đây là tác quyền của tôi vậy.

« Nếu bán nó một năm cho nhà xuất bản, tôi chỉ được hai ngàn. Họ mà có thành thật đi nữa, cho tôi biết là họ sẽ ra đến mười ngàn bản, thì tác quyền cũng chỉ được gấp đôi : bốn ngàn.

« Nhưng thôi, chúng ta hãy rời cái mảnh đất quyền với lợi mà bàn bạc hẳn về nghệ thuật. Xin anh cứ hỏi tiếp đi »

Tôi hỏi, và anh mau mắn trả lời, một ít say sưa và bụi ngùi trong giọng nói :

— Sau *Chị Hằng*, những nhạc phẩm thành công của tôi lúc bây giờ là các bản : *Ra khơi*, *Nha-Trang*, *Như Nha-Trang*, *Tiểu bạn*, *Dòng thời gian*

« Anh đã ghé qua Nha Trang rồi chứ ? « Miền thùi dương cát trắng » này là quê hương thân yêu của tôi, nên các bạn tôi và anh hẳn không lấy làm lạ mà thấy tôi là người viết nhiều nhạc ca tụng thắng cảnh miền Trung này. Đến ngày nay, nhạc phẩm *Nha-Trang* vẫn là bản tôi yêu thích và vừa lòng hơn cả.

« Nhắc đến sáng tác này, tôi nhớ đến một chuyện, xin thuật lại anh nghe chơi. Nhà xuất bản có được một bức thư của một nhạc sĩ Pháp gửi sang, nhờ chuyển lại tôi ; trong thư đó, nhạc sĩ tỏ ra thích bản « *Nha-Trang* » và xin phép tôi được đặt lời ca Pháp và phổ biến ở quê hương ông. Tôi trả lời ưng thuận, với một điều kiện, là : lời ca tiếng Pháp ông đặt, xin gửi cho tôi xem, tôi đồng ý, ông hãy phổ biến... »

— Thế rồi ?

— Thế rồi im lặng. Anh nghĩ xem điều kiện duy nhất tôi đặt ra có gì là quá đáng lắm không ?

— Không đâu. Rất chính đáng. Bởi ông Tây ấy có thể dám đặt lời ca ngợi một thị trấn « chơi bời » nào đó ở bờ biển Địa-Trung-Hải chẳng hạn, có những cô nàng làm những việc phạm thuần phong mĩ tục thì khổ cho anh ! Thế rồi im lặng, là chắc thư anh lạc, hoặc anh ta chết bất ngờ, đã đập đàn mà theo nghiệp khác. Bằng không, thì không thể để anh trông đợi mãi như thế được.

Anh như trút đi một gánh nặng.

— Tôi có nhờ Bạch-Yến ở Paris để ý coi có thấy bài « *Nha Trang* » của tôi xuất hiện với lời Pháp không, nhưng đến nay chưa có tin gì. Nhưng thôi, xin trở về *Nha-Trang* của chúng ta.

« Trong thời gian ở tại nơi đây, tuy là một công chức, nhưng tôi đã hăng say hoạt động trong phạm vi văn nghệ. Tôi làm trưởng đoàn ca nhạc « *Gió - Mỏi* », qui tụ một số bạn trẻ yêu ca và nhạc ; hoạt động được một thời gian, rồi vì thiếu phương tiện, cũng đành tan rã. Sau đó, tôi lại thành lập ban nhạc « *Trùng-Dương* », trình bày ca nhạc tại đài phát thanh *Nha-Trang* ; nhắc đến ban « *Trùng-Dương* », tôi không thể nào quên nhạc sĩ Thanh-Châu, người bạn đã hợp tác chân thành với tôi tại tỉnh lỵ tỉnh Khánh - Hòa này.

« Giữa năm 1957, một dịp may khiến tôi được chuyển về Sài-Gòn. Thú thật với anh, lúc ấy, tôi sung sướng như được lên tiên, vì ở một tỉnh lẻ, thiếu thầy, thiếu bạn, thiếu không khí văn nghệ, tôi

cảm thấy mình như héo hắt và hằng mơ ước được sống ở Thủ đô để học hỏi và cũng để... vẫy vùng. Anh lạ gì tham vọng của tuổi trẻ. Vào Nam, tôi gia nhập ban « Vi-Dân », và nhờ có phương tiện hoạt động ca nhạc thường xuyên, như ca ở Đại nhạc hội, ca ở các buổi xổ số Kiến thiết (lúc ấy tôi thường song ca với ca sĩ Ngọc-Quang), mà tôi được các bạn yêu ca nhạc tại Thủ đô biết đến. Tôi vẫn tiếp tục sáng tác và nhạc phẩm đầu tiên của tôi khi vào Nam là bản « Thương về xứ Huế »; tôi làm bài này trong lúc nhớ thương cha mẹ già ở tại cố đô.

« Đến đầu năm 1959, tôi và nhạc sĩ Lê - Dinh thành lập ban « Sóng-Mới », trình diễn thường xuyên ở đài phát thanh Sài-Gòn mỗi tuần vào chiều thứ hai. Sau

gần hai năm, ban « Sóng-Mới » của chúng tôi sáp nhập với ban « Nguyễn-Hiền », tôi để nhạc sĩ Lê-Dinh làm trưởng ban với nhạc sĩ Nguyễn-Hiền, còn tôi làm một ca sĩ trong ban với tên : Hà-Mĩ.

« Còn hiện nay, như anh biết, tôi làm trưởng ban Văn nghệ Cảnh sát quốc gia (tức ban Vi-Dân cũ); tôi rất vui sướng mà được một số các bạn nhạc sĩ sáng tác ở trong ban, như các anh Hoài-Linh, Thu-Hồ, Phạm-Đại, Tấn-An; các bạn này đã cùng tôi hợp soạn nhiều nhạc phẩm hiện nay rất được phổ thông.

« Những hoạt động nghệ thuật của tôi có thể, (và với một nụ cười) anh còn có thấy thiếu chi không ? »

Tôi cũng cười lại :

NHỮNG CÂU HỎI ĐỀ GỢI Ý

1) *Bạn chuyên về nhạc gì? Nhạc Tây phương hay nhạc Việt, nhạc mới hay cũ, cổ truyền hay cải cách? Về ngành nhạc nào, và xin giải thích cho biết qua về ngành đó.*

2) *Bạn bước vào ngành nhạc trong trường hợp nào? Và tập luyện ra sao? Xin cho biết về những hoạt động nghệ thuật của bạn (sáng tác, tấu nhạc, điều khiển ban nhạc, nghiên cứu về nhạc...)*

3) *Theo ý bạn chỉ nên phổ biến nhạc Tây phương cho thật rộng rãi hoặc chỉ phục hưng hay cải cách nhạc Việt?*

4) *Nếu chỉ nên phổ biến nhạc phương Tây, thì có những sự khó khăn gì? Và có những cách gì tiện lợi và hiện nghiệm nhất*

— để huấn luyện nhạc sĩ,

— để cho quần chúng hiểu được và ưa được.

5) *Nếu bạn chủ trương phục hưng hoặc cải cách, thì theo đường lối nào, và cần điều kiện gì? Nhạc cổ Việt-Nam hay nhạc mới gọi là « cải cách », hiện nay có những ưu điểm, khuyết điểm gì?*

6) *Ý kiến bạn về tương lai nhạc Việt hoặc tương lai nghệ thuật nhạc tại Việt-Nam.*

— Còn. Anh còn quên nói anh còn hợp soạn với các nhạc sĩ khác như Lê-Dinh, Nguyễn-Hiền, Y-Vân, Lan-Đài, Mạnh-Phát, Hồ-Đình-Phương.

— Quả có thế !

— Anh cho biết anh hợp soạn với các bạn ấy cách nào ? Anh đặt nhạc, rồi một bạn đặt lời ca, hay mỗi người làm một nửa bài ?

Anh hít mạnh một hơi thuốc điếu.

— Nhiều cách lắm, anh à. Thường thì tôi viết nhạc, nhờ một bạn soạn lời ca. Hoặc cả hai cùng chung đặt lời. Có khi nhạc nửa chừng tắc tị, tổ bày với một bạn, bạn này có hứng, bèn làm tiếp.

— Khi nhờ người khác đặt lời, anh có gợi ý không ? Hay để người kia muốn đặt sao đặt ?

Anh cười :

— Phải nói ý mình cho bạn biết chớ : đại khái trong bài này, mình muốn nói cái gì, như nỗi buồn của hai người khi mỗi người dành mỗi ngả, rồi sự mong đợi khoắc khoải của người ở lại, sự chua xót của kẻ ra đi, cái vui trùng phùng ở đoạn cuối . . .

— À, tôi nhớ mình có lần nói qua về giá trị nghệ thuật của nhạc phẩm. Chẳng hay có nhạc phẩm nào, tự anh, anh cho là có giá trị, mà gặp sự thờ ơ ; ngược lại có bài, anh thấy nó chẳng gì đặc sắc, mà lại được hoan nghinh.

Anh thở dài :

— Có, anh à. Làm trời đôi lúc tự hỏi : mình tài còn non, hay giới thưởng thức thiếu sáng suốt ?

— Nhưng có điều anh biết rõ, là ở các buổi tuyển lựa ca sĩ, thí sinh thường hát bản anh, cũng như trong giới học sinh và quân nhân. Các bạn trẻ, thích nhạc anh, chắc anh cũng biết đôi phần duyên có ?

Anh gõ gõ đầu thuốc cho tàn rơi, rồi chăm rai :

— Tôi chỉ biết đôi phần duyên có thôi, như anh nói. Vì muốn biết hết, thì phải mở một cuộc điều tra sâu, rộng. Chính anh Thẩm-Oánh, ở trong ban Giám khảo các cuộc tuyển lựa ca sĩ anh vừa nói, có lần bảo tôi, nửa đùa nửa thật : « Anh có mở lớp dạy ca nhạc không, mà thí sinh phần nhiều chọn bài anh để hát vậy ! » Thật ra, thì tôi đôi khi có cái may diễn tả đúng vài tâm trạng của các bạn trẻ, hoặc lúc nhớ người lính chiến, hoặc khi phải để lại kinh kì mẹ yêu bạn mến để lên đường quân dịch ; tâm trạng ấy, tôi lại có cái may dùng nét nhạc dễ hát, dễ đồn, dễ nhớ để diễn tả. Hai điều ấy khiến những bạn trẻ nào có người thân đã khoắc chiến y, hoặc đã hay đang biệt kinh kì, thích thú mà thấy có nói lên giùm mình những nỗi niềm riêng, rồi những bạn ấy đồn, hát các bản nhạc kia ở đám đông hay lúc một mình với bóng. Mà hai hạng bạn trẻ này hiện nay khá đông ; nhờ thế một phần mà nhạc tôi được giới thanh niên nam, nữ ưa chuộng.

• Ngoài ra, khi sáng tác những bản có nói đến thế hệ trẻ trung, tôi cố quên tuổi tác cùng những lo nghĩ riêng tư mà đặt mình vào hoàn cảnh họ để biết những thắc mắc, ước mong của họ. Tôi lại thường có dịp gặp gỡ bạn trẻ, khi thì trao đổi kinh nghiệm về nghệ thuật, khi bàn bạc về cuộc đời, và điều này giúp tôi dễ cảm

thông với các bạn trẻ. Tự nhiên là trong sáng tác của tôi, tôi chỉ nói lên được một vài khía cạnh nào đó của tâm tình lứa tuổi hai mươi, nhưng sự chân thành của tôi chắc đã « cảm » được các bạn ấy ».

— Hẳn là trong số các bạn trẻ gặp tiếp xúc với anh, có những « mầm non » Tân nhạc ?

— Có, anh à. Vài em có nét nhạc độc đáo, lạ lùng, nét nhạc mà những người ba mươi chúng tôi không tài nào có được. Đối với các em này, tôi hết lòng giúp đỡ theo khả năng của tôi : hoặc chỉ vẽ thêm về phương diện sáng tác, hoặc giới thiệu với các ban văn nghệ quen biết ở đài để trình bày tác phẩm. Tôi tin tưởng rằng các em này nếu đủ phương tiện học hỏi thêm, gặp hoàn cảnh thuận tiện, thì thế nào cũng đem lại cái gì mới mẻ, trẻ trung cho nền Tân nhạc mà nhiều bạn trẻ đã cho rằng hiện nay nó quá khô khan, nội dung bài nào cũng như bài nấy.

— Thế anh có thấy như vậy không ?

— Tôi cũng thấy nhận xét trên đây là đúng. Bảo rằng hiện Tân nhạc chưa có lối thoát không phải là nói quá đáng. Nhạc sĩ bị gò bó trong vài đề tài cố định thì làm sao mà Tân nhạc tránh được sự khô khan, cằn cỗi. Đánh rằng hoàn cảnh đặc biệt nước nhà không cho phép người nghệ sĩ sáng tác một cách tự do như thời bình, nhưng giới hữu trách cũng có thể dễ dãi phần nào với giới Nhạc chớ. Anh nghĩ lại xem, các bộ môn khác, như : Thơ, Văn, Tuồng, Kịch... tuy cũng bị hạn chế vì thời cuộc, nhưng còn

có thể vẫy vùng, còn Nhạc chúng tôi thì quả là... bế tắc. Chúng tôi mà nói đến yêu đương một cách rõ ràng quá, hoặc lời lẽ có phần ướt át, thì cái kéo của bà Kiểm duyệt không tha !

— Theo anh, thì muốn cho Tân nhạc được phát triển, cần có điều kiện gì nữa.

— Cần sự đoàn kết chân thành của tất cả anh em trong giới. Anh thấy đó, các anh chị em cổ nhạc có hội ái hữu này, hội khuyến thiện nọ, còn giới Tân nhạc — khá đông — lại chẳng có một hội gì để giúp đỡ nhau trong khi hoạn nạn hoặc trên đường học hỏi, hay bảo vệ quyền lợi cho nhau. Có lần, một bậc đàn anh, anh Võ Đức Thu, đứng lên đề xướng việc lập hội, nhưng cũng không thành. Anh em còn chia rẽ quá. Biệt lập từng nhóm, chơi riêng với nhau, và chỉ trình bày bài bản của nhóm mình. Người nhóm khác có thành công, thì lại gièm pha, ganh tị. Nhược điểm lớn của ngành Tân nhạc hiện nay là thiếu tinh thần Đoàn kết.

Anh ngừng một chập, rồi tiếp.

— Tân nhạc đã chịu ảnh hưởng nhạc Tây phương khá nhiều. Nhất là nhịp điệu. Các điệu *Slow rock*, *mambo*, *twist*, *bolero* rất ăn khách lúc này, nên một số nhạc sĩ sáng tác viết theo các điệu này cho « hợp thời trang ». Ảnh hưởng này không có gì lạ, vì nhạc ngoại quốc đã lan tràn trên thị trường Nhạc, từ phòng trà đến đại nhạc hội. Có thể nói không lầm là lúc này một ca sĩ Việt hát nhạc

● Vinh quang giống như phiên chợ : có khi bận ở đó hơi lâu, giá cả hạ xuống.

Bach

nước người được ưu đãi hơn là một ca sĩ Việt chuyên hát nhạc Việt. Sự kiện này kể cũng hơi buồn, nhưng biết làm sao trước phong trào ưa thích nhạc ngoại quốc đang cuồn cuộn. Anh để ý thì thấy phần đông bạn trẻ bây giờ thích vận dài Rex, dài Quân đội hoặc dài Sài Gòn để nghe chương trình nhạc ngoại quốc yêu cầu hơn là nghe Tân nhạc, Cổ nhạc hay Cải lương. Một nhận xét cần nêu lên nữa là hầu hết các tử diĩa nhạc của các bạn trẻ, thử hỏi được mấy diĩa nhạc Việt ? hay là toàn các diĩa của Cliff Richard, Chubby Checker, Connie Francis v.v. ? Vì nghệ thuật diễn tấu và ca hát và kĩ thuật thu thanh của ngoại quốc hơn của ta nhiều quá.

— Vậy chắc nhạc Tây phương có nên phổ biến rộng rãi hay không, đối với anh, không thành vấn đề ?

— Đúng vậy. Vì từ trước đến nay, không ai chủ trương đề cao hoặc cổ xúy mà nhạc Tây Phương vẫn ngập tràn thị trường nhạc nước nhà. Phim ảnh ca nhạc trình chiếu, diĩa hát các ca sĩ trứ danh ngoại quốc nhập cảng tới tấp đã là những phương tiện phổ biến rộng rãi cho nhạc Tây phương rồi.

— Còn đối với nhạc cổ truyền của ta ?

— Đó là cái gốc, ta có bốn phận giữ gìn và bồi bổ.

— Anh thấy các bản nhạc của ta lúc ban đầu với bây giờ, có gì hơn kém ?

Anh nghĩ ngợi giây lâu.

— Về cách bố cục, về kĩ thuật, thì tôi thấy các bản nhạc gần nay có phần hơn các bản nhạc tiền chiến. Cái hơn của những kẻ đi sau ! Nhưng về giá trị nghệ thuật thì các

bản trước kia vẫn hơn những bản bây giờ. Tôi thường đàn hát lại những bản « Thiên thai, Buồn tàn thu, Con thuyền không bến, Người xưa đâu tá ? » và thấy chúng rung động tôi như thuở nào. Chính những bản nhạc của tôi, tôi vẫn thích những bản tôi làm lúc đầu hơn những bản mới làm, dù lắm bản sau này bán rất chạy. Phải chăng vì trong những bản cũ, tôi là tôi trọn vẹn, còn trong những bản nay, tôi chỉ là một phần tôi ?

Tôi bỗng nhớ một điều :

— À, các nhà xuất bản in bìa ộp sết, các anh tự in nhạc mình đối phó ra sao ?

— Bìa họ in đẹp, đủ màu, tốn kém hơn mà không lên giá, đó là một cách để tấn công bọn chúng tôi. Đã có ảnh hưởng không hay cho chúng tôi, nhưng chúng tôi không làm theo họ. Chẳng phải vì không đủ phương tiện, mà vì nghĩ rằng mình bán Nhạc chứ không phải bán bìa gói đẹp tếc-ni-cô-lo. Người nghệ sĩ không thể hành động như người thương mại.

Anh bỗng chợt nhớ điều gì, nhìn đồng hồ.

— Mời anh nghe sáng tác mới nhất của tôi, do anh Quách-Đàm trình bày ở đài. Đọc tác phẩm mới xuất bản của anh Văn Quang, tôi xúc động, sáng tác bản nhạc này.

Và trong mấy phút đồng hồ, chúng tôi quên mình là người đi phỏng vấn, là người bị phỏng vấn, quên cả cơn mưa khó chịu dai dẳng bên ngoài để lắng nghe « Tiếng hát học trò »...

NGUYỄN-NGU-Í viết lại

★ HUỖNH-ANH



Sinh ngày 2 - 1 - 1932 tại Cần - Thơ (Nam-Việt).

Chuyên về Trống và sử dụng các nhạc khí : Dương cầm, Phong cầm, Tây ban cầm, Măng cầm.

Đã cộng tác với nhiều ban nhạc ngoại quốc ở các vũ trường tại Đô thành, Vũng Tàu, Đà Lạt, Nam Vang, và những ban Văn nghệ ở đài phát thanh Sài Gòn.

Hiện ở trong ban « Tiếng thời gian » của Nguyễn Văn-Đông và Mạnh-Phát, và ban « Đan-Thọ ».

Đã xuất bản :

Em gắng chờ (1953) Tìm đâu phút ban đầu (1959) Mưa rừng (1961), Hoa trắng thôi cài trên áo tím (phổ nhạc thơ Kiên-Giang, 1962) Lá úa chiều thu (1963) Nếu ta đừng quên nhau (1963).

● Tôi thích môn Trống, có lẽ vì tánh tôi vốn hiếu động, và có lẽ vì tiếng sùng đã nờ ở Âu, ở Á lúc bấy giờ. Nên tôi thích cái gì mới lạ, kích thích. Trong gia đình, thấy đàn kìm, đàn sến... thường, nghe mãi tiếng tơ tiếng trúc, cũng hơi nhàm nên giàn trống Tây phương gợi tánh hiếu kì, rồi tôi đam ra thích.

● Ảnh hưởng Cổ nhạc ở miền Nam đối với dân chúng rất đậm đà. Vô chơi những xóm lao động ở Đô thành, hoặc về nhà quê, thì ta thấy rõ. Tôi có thể nói mà không sợ trật bao nhiêu, là ảnh hưởng đó đến bảy chục phần trăm.

● Cái hay và cái dở của Tân nhạc đều nổi bật và dễ thấy. Hay là nó nói lên được phần nào ý chí của dân tộc nhất là trong thời tiền khởi nghĩa và kháng chiến, nó thể hiện được tâm tình của thế hệ hai mươi. Dở là nó chia rẽ quá nhiều.

Người nhạc-sĩ đứng tuổi ấy mách :

— Anh muốn gặp « cây trống » ấy, lại nhà chưa chắc, anh để quá mười giờ tối đến vũ trường Đ.N. nay đổi ra trà thất, thì thế nào cũng gặp. Anh ấy làm việc tại đó từ 10 giờ tối đến hai giờ khuya.

Anh có thể nói chuyện với anh ấy lúc tạm nghỉ.

Quá mười giờ tối hôm ấy, tôi đến nơi anh làm việc hằng đêm. Nhầm lúc anh đang đọc tấu trống, tôi đứng xem, rồi bỏ ý-định quấy rầy anh tại chỗ : trông anh

say sưa diễn tấu như vậy, mà đem điều này việc nọ hỏi anh thì thực là bất nhã. Cho nên trưa hôm sau, gặp anh tại phòng riêng ở trên tiệm ăn « Vinh Quang » ở Khánh-Hội, câu đầu tôi hỏi anh là :

— Anh « đánh trống ăn tiền thiên-hạ » đã được mấy năm rồi ?

Anh cười :

— Mười tám năm Còn tôi bắt đầu « phá trống » từ lúc lên mười. Nhưng tại sao anh hỏi tôi câu ấy ?

— Vì tôi được thấy anh để hết tâm-hồn trong khi diễn tấu, y như những kẻ đang ở trong « cái thuở ban đầu lưu luyến ấy ».

Anh gật đầu :

— Cám ơn anh đã cho tôi biết cảm-tưởng. Sự thật quả có thế. Tôi vẫn băng say như lúc mới vào nghề. Vì yêu nghề cũng có, vì thấy tài mình chưa có gì đáng kể, và tôi vẫn tìm tôi học hỏi thêm.

— Anh nói thế, chứ báo chí và giới Nhạc đều công nhận rằng hiện nay chỉ có hai tay trống xuất sắc, là anh Huỳnh-Hiếu với anh. Thì ra, mới nhìn qua, tưởng nhạc cụ này dễ chơi, mà sự thật, thì không dễ như ta tưởng. Có phải thế không anh ?

Anh cười :

— Tôi thấy chẳng những riêng gì về trống, mà bất cứ nhạc khí nào, nếu mình chơi qua, thì chẳng nói chi, chứ nếu mình đi sâu cho đến nơi đến chốn, thì cái nào cũng dành cho ta nhiều cái khó chẳng ngờ.

Chúng tôi lặng im một hồi. Rồi tôi hỏi :

— Anh ở trong một gia-đình Cổ-nhạc (1), mà anh lại là một đồ đệ trung thành của nhạc jazz, điều này khiến một số người lấy làm lạ.

Anh mỉm cười :

— Chuyện cha làm thầy, con bán sách là điều cũng thường thấy. Huống chi đây tôi chỉ đọc sách khác. Lúc nhỏ, tôi cũng thấm nhuần ít nhiều cổ nhạc, nhưng năm mười tuổi, tôi lại thích trống Tây phương. Được một thầy đồn, ông Hai Địa, để ý và mến thương, chỉ dạy những gì ông biết về loại trống này.

— Ông ấy cũng chuyên về trống ?

— Không, ông Hai Địa chuyên thổi kèn.

— Anh có thử tìm hiểu vì sao anh lại thích môn trống ?

— Có lẽ vì tánh tôi vốn hiếu động, và có lẽ cũng vì tiếng sấm nổ ở Âu, ở Á. (Lúc đó tôi còn nhỏ, nhưng sống ở tỉnh thành — Cần-Thơ, người ta thường gọi là Tây đô, chắc anh cũng biết — nên cũng nghe người lớn bàn tán việc Đức đánh Pháp, đánh Anh, đánh Nga, Nhật đánh Mĩ...) cho nên tôi thích cái gì mới lạ, kích thích. Trong gia đình, thấy đàn kìm, đàn sến... thường, nghe mãi tiếng tơ tiếng trúc, cũng hơi nhàm, nên giàn trống Tây phương gọi tánh hiếu kì, tôi đâm ra thích. Thú thật với anh, tôi học đồn cũng như chơi trống, lúc đầu, chẳng qua là để chơi cho vui với bạn bè những khi rảnh rỗi, chứ chẳng hề nuôi trong đầu ý nghĩ mình sẽ trở nên một nhạc sĩ nhà nghề như cha, hoặc sống bằng nhạc. Rồi lớn lên gặp vài trường

(1) Thân phụ anh, ông Sáu Tưng, là một danh cầm miền Nam, nổi tiếng với đàn kìm, đàn sến ; em gái anh, cô Bạch-Huệ, là một danh ca và cậu anh, nghệ-sĩ Hai Tiên, là một kép hữu danh của đoàn Phụng-Hào.

hợp may mắn đẩy đưa, tôi bước hẳn vào cái thế giới âm thanh.

— Xin anh kể đôi trường hợp may mắn ấy.

— Như năm 1945, quân đội viễn chinh của Pháp đến đóng tại Cần - Thơ. Một tiệm khiêu vũ ra đời. Thiếu người đánh trống. Các anh lớn kéo tôi vô giàn nhạc.

— Lúc ấy anh bao nhiêu tuổi?

— Mười ba tuổi. À, quên nói với anh ở nhà, tôi còn có tên là Bé, và các bạn đồng lứa cũng như các bậc anh, chú đặt cho tôi cái biệt hiệu « Bé-Đánh-Trống ». Lúc bấy giờ, tôi cũng đang cần có chút tiền để học thêm, và cũng muốn phụ một tay với các anh lớn, nên tôi nhận lời.

— Chớ chẳng phải muốn thành nhạc sĩ chánh cống?

Anh mỉm cười, lắc đầu.

— Hẳn tiền thù lao cho « Bé-Đánh-Trống » cũng nhỏ nhỏ?

— Ngược lại, anh à. Đó là một sự khích lệ quyết định, ông chủ vũ trường rất bằng lòng tôi, nên đã trả tiền thù lao tôi như các anh lớn. Và khi cầm số tiền khá lớn đầu tiên ấy trong tay, tôi mơ hồ cảm rằng sau này mình phải mang lấy nghiệp cầm ca, như cậu, như cha.

« Rồi hai năm sau, cũng như đa số các bạn trẻ lúc ấy, tôi bị ánh sáng Sài thành quyến rũ; tôi già trường, già bạn, lìa quê hương để lên sống ở Kinh kì. Tôi tiếp tục học chữ, nhưng vẫn tìm cách học đàn, và nhất là học thêm nghệ thuật đánh trống. Phải nói rằng tôi đã gặp nhiều trở ngại trong việc sau này. Vì nhạc khí Âu Mỹ nào cũng có thầy dạy, trừ trống.

Người ta học lóm với bạn bè, với các đàn anh. Tôi còn tự học nhờ sách và nhờ đĩa hát. Phải mò mẫm khá lâu.

« Thỉnh thoảng, có vài ban nhạc ngoại quốc ghé Sài-Gòn, tôi đến để xem họ trình diễn. Tôi còn nhớ hai ban nhạc của người Mỹ, ban Jack Teagarden và ban Buddy Rich, có hai tay trống cừ khôi, vào hạng quốc tế. Tiếc rằng lúc ấy tôi quá bận, không thì giờ tiếp xúc với họ để học hỏi thêm, nhưng khi xem họ trở tài, tôi có học lóm được đôi ngón nhà nghề ».

Thấy anh có vẻ mơ màng, tôi bèn hỏi :

— Chắc anh có cái mơ xuất ngoại để trau dồi nghệ thuật?

Một ít buồn hiện ra ở nét mặt anh.

— Đó là cái mơ chung của anh em nghệ sĩ nước mình. Mấy năm xưa, tôi có vài dịp để xuất ngoại : được mời sang Ấn Độ, sang Thái-Lan với giao kèo ba năm, rồi sang Lào, nhưng rồi đành để dịp tốt trôi qua.

— Vì hoàn cảnh hay vì một lẽ riêng?

Anh cười buồn :

— Vì hoàn cảnh, mà cũng vì một lẽ riêng . . .

Anh bỗng hỏi lại tôi, cố ý đùa như để quên một mộng chẳng thành :

— Đánh trống khoa chiêng thế là đủ rồi, chớ anh?

— Hết trống hết chiêng, thì ta qua việc khác, lo gì anh.

« À, anh vốn xuất thân từ một gia đình nhạc cổ truyền, chẳng biết cổ nhạc Nam-Việt có ảnh hưởng ít nhiều đến các sáng tác của anh. »

Anh nghĩ ngợi một chập, rồi lắc đầu :

— Tôi thấy nhiều bạn lấy đôi điệu trong cổ nhạc miền Bắc, miền Trung, rồi chế biến ra. Nghe lên là ta thấy liền. Còn cổ nhạc miền Nam, thì có thể kể như là chưa được khai thác. Chẳng biết vì nó không hợp với việc này, hay là nó bị bỏ quên...

— Nhưng mà ảnh hưởng cổ nhạc miền Nam đối với dân chúng vẫn khá đậm đà chứ ?

— Dĩ nhiên là đậm đà nhiều. Anh vô chơi những xóm lao động ở Đồ thành, hoặc về nhà quê, thì anh thấy rõ. Tôi có thể nói mà không sợ trật bao nhiêu, là ảnh hưởng đó đến bảy chục phần trăm chứ chẳng ít. Chẳng biết anh có để ý không, chứ tôi thấy những người dân thường, dạy đi dạy lại một bài Tân nhạc dễ dẽ, họ thường hát sai ; nhưng dạy qua một bài Bình bán, hay nói lối Vọng cổ, thì họ hát đúng đầu nhịp nhàng chưa vưng. Điều này chứng tỏ nhạc cổ truyền đã ăn sâu vào hồn dân tộc.

— Anh gần bạn trẻ nhiều, chắc anh rõ sở thích của họ về Nhạc.

— Bạn trẻ đây là bạn trẻ Đồ thành, anh phải hiểu cho tôi như thế mới được. Cổ nhạc, thì họ không thích mấy, anh còn lạ gì tuổi trẻ hay chuộng những gì mới, lạ. Tân nhạc, thì họ thích vừa vừa, còn nhạc Âu-Mĩ, thì họ rất thích. Tôi xin nói rõ nhạc Âu-Mĩ đây, không phải là loại nhạc cổ điển, mà là loại nhạc vui nhẹ (musique légère), loại nhạc khiêu vũ.

« Nghĩ cũng đáng buồn. Đáng buồn như khi ta thấy người Việt không ăn cơm với cá kho, nước mắm, canh chua, mà lại ăn

bánh mì với phó mát, ma ca rô ni, chẳng hạn. Nhưng đó là một sự thật ».

— Là người trong giới, anh có thể cho biết cái hay cái dở của ngành Tân-nhạc hiện giờ ?

— Cái hay và cái dở đều nổi bật và dễ thấy. Hay là nó nói lên được phần nào ý-chí của dân tộc, nhất là trong thời tiền khởi nghĩa và kháng chiến, nó thể hiện được tâm tình của thế hệ hai mươi. Dở là nó chia rẽ quá nhiều ; tiếng đoàn-kết hầu như là không có. Cái mầm chia rẽ, dường như mọc sẵn trong bụng hồi nào chẳng biết. Anh em trong một giới, chẳng thương nhau, ủng-hộ nhau thì chớ, mà hễ có ai thành công, là bị gièm, bị phá.

— Còn giới thưởng thức Tân-nhạc thì sao ?

— Như anh biết, giới này gồm đa số là anh chị em học sinh, sinh viên và quân nhân. Trình độ thưởng thức của giới yêu Tân-nhạc chưa mấy vững, chưa mấy cao. Họ chạy theo «mốt» hơn là tìm hiểu giá trị nghệ thuật. Có nhiều bạn nói với tôi, có những bản nhạc họ sáng-tác, thấy chúng «như thế nào ấy», mà lại được hoan nghinh.

— Còn anh, anh soạn Tân-nhạc chắc cũng vì . . .

Thấy tôi lúng túng tìm chữ, anh cười.

— Chính tôi cũng không biết mình sáng tác vì cái gì nữa.

« Nói thật với anh rằng tôi không có ý trở thành một « soạn nhạc gia » đâu. Những bản nhạc của tôi là những tâm-tình diễn bằng nốt nhạc lời ca. Vài bạn biết được, thích ; đem trình bày, được hoan nghinh; nhà xuất-bản tìm tôi, thương

tượng; rồi kí kết giao kèo; bản nhạc ra đời!

— Thế còn trường - hợp bản *« Mưa rừng »*?

— À, *« Mưa rừng »* cũng như *« Hoa trắng thối cái trên áo tím »* là hai ngoại lệ. Cảm hứng chẳng phải do nội tâm, mà là ngoại cảnh.

« Số là hai anh Hà-Triều, Hoa-Phượng soạn tuồng *« Mưa rừng »*, muốn có một bản Tân nhạc hợp với cảnh, tình cốt truyện, mà chẳng phải lấy một bản nào có sẵn, ghép vào tuồng như người ta thường làm. Hai anh muốn có một bài mới, soạn riêng cho nhân vật chánh (do Thanh-Nga đóng). Tuy là một bài hát *« com-măng »*, nhưng tôi đã sáng tác với tất cả say sưa. Vì cốt truyện, tôi thích, vì tôi cảm thân thể của nhân vật....

— Nhân vật trong tuồng hay nhân vật ngoài đời đó anh?

Anh cười, nói tiếp:

— Và lại, tôi từng ở cao nguyên, từng *« nếm mùi »* mưa rừng, và đã buồn nhiều vì *« nó »*. Anh còn nhớ tôi mở đầu bài:

« Mưa rừng ơi! Mưa rừng... Hạt mưa nhớ ai mưa trên miền... » Và tôi kết thúc:

Tìm đâu hơi ơi! bóng ngày xưa... Mỗi khi mưa rừng về muộn màng, bóng chiều vàng dần tàn, lòng thương nhớ nào người... »

Im lặng một hồi, tôi mới hỏi anh:

— Còn trường hợp *« Hoa trắng thối cái trên áo tím ? »*

— Nói anh đừng cười. Cái tên bài thơ



Nhạc sĩ Huỳnh Anh giữa giàn trống

đã *« cảm »* tôi trước. Chẳng biết có phải vì tôi vốn ưa hai màu *Trắng* và *Tím* không? Rồi mối tình dở dang của *« đôi trẻ »* ấy... À, anh có nghe ai ngâm bài thơ này trước khi tôi lấy ý thơ của Kiên-Giang phổ nhạc chớ?

— Có. Ở Anh - Vũ. Do Bích - Sơn ngâm.

Anh *« À »* lên một tiếng:

— Nhờ giọng ca các cô Thanh-Thúy, Thái-Thanh, Tuyết-Mai, mà bản nhạc này được phổ biến rộng rãi trong giới học sinh, điều này làm tôi sung sướng nhất.

Và anh im lặng, như để nhớ lại thuở nào...

NGUYỄN-NGU-Í thuật

HỘP THƯ BÁCH-KHOA

Bách Khoa vừa nhận được

Mùa thu trở lại (Minh-Viên)
Ước nhạc-Phương sầu đứng . . .
(Trần Thanh Dạ) Tháng giêng . . .
(Nguyễn Hồng Nam) Đêm thành phố
(Hồng Tuấn) Bệnh hoạn (Kỳ Khởi)
Sầu thu. (Hàn Dạ Cô Miên) Chuyện
xưa (Sao Lẻ) Chim Hoàng Anh . . .
(Nguyễn Phi Tấn) Đã xa rồi bóng
em (Ngọc Trai) Hoa Hồng (Nguyễn
Trai Vuốt tóc em (Nguyễn Sơn)
Bước đầu . . . (Chế Hoàng Long)
Tôi vẫn còn yêu (Vân Yên) Khuất
bóng (Trương Quân Vạn) Hôm nay
(Song Phương) Bài thơ cho em (Đỗ
Văn Tâm Linh) Ngày tháng của
(anh cũng buồn tênh (Yêu Duy)

Khỏa thân (An Lữ) Bài yêu quê
hương (Đình Vũ) Có những bài
học. Sao anh không làm thơ
(Tâm Đạm) Thủy Thủ (Cung-Hoàng)
Văng khói thuốc bay (Phạm Nguyễn
Hoàn) Trường làng tôi (Tố La)
Bài tháng tám . . . (Anh Thạc Tâm)
Chứng tích (Trần Phương Uyển)
Không gặp — Trăng mọc ban đêm
(Phan Nghĩa).

Bạn T.S. Đại : Đã chuyển thơ bạn
cho người phụ trách.

Bạn T.V. Nam : Lời thanh minh
về biệt hiệu của bạn, sẽ đăng ở số
sau.

N.N.I.

VỀ SỐ KỶ NIỆM 7 NĂM CỦA BÁCH KHOA

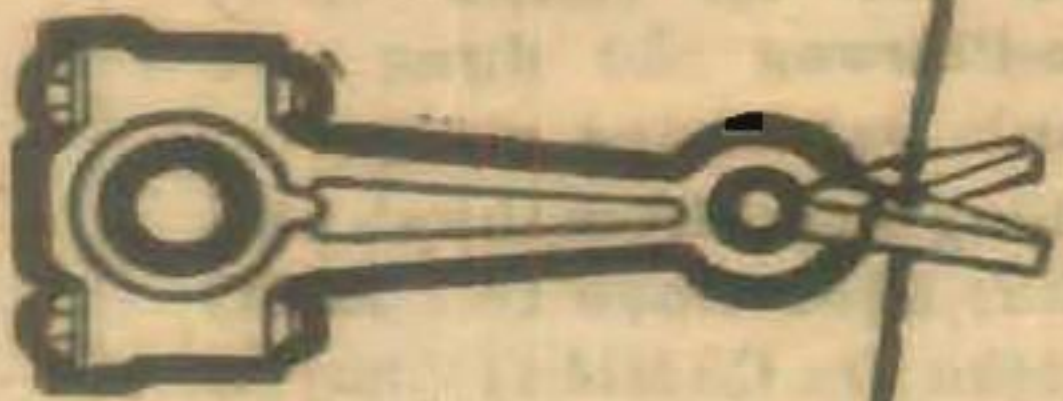
Năm nay Số Kỷ niệm 7 năm sẽ là số 169 ra ngày 15-1-64 như
thường lệ và sau đó là số Tết. Rất mong sẽ được các bạn gửi bài
về giúp cho các số báo trên đây được phong phú và đặc sắc như
mọi năm. Thời hạn chót nhận bài dành cho các số báo đặc biệt đó,
là 15-12-63.

Đính Chính

B. K. số này (164) bài *Về cách trình bày trên làn sóng điện những tài
liệu chính xác về âm nhạc cổ truyền của Trần-Văn-Khê :*

— Tr. 55, cột hai, chú thích (1), dòng 8, Genève, xin sửa lại *Vienne* ; chú
thích (5) và trang sau chú thích (10) : *modernisé*, xin sửa *modernisé*,

— Tr. 56, cột 1, dòng 5 : *Danielsu*, xin sửa : *Dantelou* ; Dòng 15 : nhạc
quốc **PHÒNG** xin sửa : nhạc quốc **phong**, trang 59, cột 1, dòng 4d :
Iroko xin sửa : *Iroko*, trang 60, cột 1 dòng 3 : *huấn bị*, xin sửa : *chuẩn
bị* ; dòng 19 : *tiếng tịch*, xin sửa : *tiếng địch* ; dòng 30, nhạc thính **Phông**
xin sửa : nhạc thính **phòng** ; chú thích (23), xin sửa **flûte traversière**.



hơn 50 năm tại Việt - Nam

